



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT
2011

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PRUDENTIAL - PRUBF1
PRUDENTIAL BALANCED FUND - PRUBF1

NỘI DUNG

1. Giới thiệu chung:	
• Tổng quan	6
• Thông tin nổi bật của Quỹ	7
• Thông điệp của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	10
• Thông điệp của Tổng Giám đốc	12
2. Báo cáo của Ban Điều hành Quỹ	
• Tổng quan nền kinh tế và thị trường năm 2011	16
• Nhận định thị trường năm 2012	22
• Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ	23
3. Ban Đại diện Quỹ	32
4. Báo cáo tài chính	38
5. Ghi chú	62



GIỚI THIỆU CHUNG

Tổng quan

Tổng quan về Quỹ PRUBF1

Mục tiêu đầu tư:

PRUBF1 là quỹ đóng niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ có chiến lược đầu tư vào danh mục tài sản có tính cân bằng, bao gồm trái phiếu (trung và dài hạn) và cổ phiếu của các công ty đại chúng hoạt động tại Việt Nam trong những ngành tiềm năng.

Ngày cấp giấy: 05/10/2006

Ngày niêm yết: 04/12/2006

Thời hạn: 7 năm từ ngày cấp giấy phép

Ký hiệu Quỹ: PRUBF1

Niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Giá trị Quỹ lúc đầu: 500 tỷ đồng

Trụ sở chính: Việt Nam

Công ty quản lý: Công ty Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)

Công ty Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Tại Việt Nam, ngày 9 tháng 12 năm 2011, công ty chính thức nhận Giấy phép Điều chỉnh từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho việc thay đổi tên Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Prudential Việt Nam thành Công ty Quản lý Quỹ Eastspring Investments. Thương hiệu mới cho phép chúng tôi cùng hoạt động dưới tên gọi thống nhất cho toàn bộ hoạt động quản lý quỹ trên toàn Châu Á, cùng nhau xác định những phẩm chất phù hợp nhất với một chuyên gia quản lý tài sản, xây dựng trên nền tảng “Chuyên Gia Đầu Tư Châu Á Được Thế Giới Tin Cậy”

Hoạt động quản lý quỹ sẽ giữ nguyên cơ cấu cổ đông, bộ máy quản trị, triết lý và chiến lược đầu tư vẫn luôn gắn kết chặt chẽ với Tập đoàn Prudential, Công ty Quản lý Quỹ Eastspring Investments kết hợp kinh nghiệm quốc tế của một công ty quản lý quỹ đầu tư quốc tế và kinh nghiệm địa phương được xây dựng từ trước. Công ty Quản lý Quỹ Eastspring Investments tại Việt Nam hiện đang là nhà quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, quản lý danh mục tài sản của Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam và các quỹ nước ngoài đầu tư tại Việt Nam. Danh mục đầu tư gồm có: trái phiếu, cổ phiếu, đầu tư thỏa thuận và bất động sản.

Công ty Quản lý Quỹ Eastspring Investments cam kết phát triển lâu dài trong ngành quản lý quỹ tại Việt Nam. Chúng tôi mong muốn phát triển hơn nữa cùng thúc đẩy tăng trưởng thị trường vốn trong nước.

Công ty Quản lý Quỹ Eastspring Investments, thành viên của Prudential Châu Á, là hoạt động quản lý quỹ của Prudential tại Châu Á. Eastspring Investments là một trong các công ty quản lý quỹ lớn nhất trong khu vực, hiện có hoạt động tại 10 thị trường, với khoảng 2.000 nhân viên, và có 80 tỷ Đô la Mỹ (khoảng 50 tỷ đồng Bằng Anh) tài sản đang quản lý

Eastspring Investments đang quản lý các quỹ cho các nhà đầu tư nhỏ lẻ và các nhà đầu tư tổ chức, gồm cả các sản phẩm nhân thọ và hưu trí của các công ty bảo hiểm nhân thọ Prudential tại Anh Quốc và rộng khắp Châu Á.

Eastspring Investments có một đội ngũ chuyên gia đầu tư tại 8 thị trường, gồm cả trung tâm của khu vực là Singapore. Eastspring Investments có các nhà quản lý quỹ tại Châu Á hiện đang quản lý đầu tư vào các loại tài sản mà trong đó có một trong các danh mục trái phiếu lớn nhất Châu Á, danh mục đầu tư vào cổ phiếu (gồm có các thị trường mới nổi) và đầu tư trực tiếp vào các công ty, danh mục đầu tư bất động sản và cơ sở hạ tầng. Đội ngũ đầu tư Eastspring Investments cũng có nhóm chuyên viên đầu tư vào các nguồn tài sản trên toàn thế giới tập trung vào các khu vực có tăng trưởng mạnh.

Thông tin nổi bật của Quỹ

a. Kết quả tài chính

- Kết quả hoạt động (trước phí) của Quỹ đạt tăng trưởng âm 6,5% tính đến thời điểm cuối năm. Chỉ số VN-Index giảm mạnh 24,4% (bao gồm cổ tức).
- Tổng giá trị tài sản ròng (NAV) đạt 397,2 tỷ đồng (tương đương 19,1 triệu Đô la Mỹ)
- Vào thời điểm cuối năm tỷ lệ phân bổ tài sản của Quỹ lần lượt là 47,1% cổ phiếu, 42,9% trái phiếu và 10% tiền mặt.
- Quỹ không có các khoản phải thu quá hạn trong năm 2011
- Quỹ không đáp ứng được yêu cầu trả cổ tức cho năm tài khóa 2011.

b. Hoạt động chính

- Vào ngày 12 tháng 1 năm 2011, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (PVN) đã thực hiện thành công Chào mua công khai chứng chỉ quỹ và trở thành cổ đông lớn nhất của Quỹ với tỷ lệ sở hữu 33,7% tổng số đơn vị Quỹ.
- Tháng 3 năm 2011, tại Đại hội Nhà Đầu tư Thường niên đã chính thức phê chuẩn Ông John Inniss Howell, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là thành viên thứ sáu trong Ban Đại diện Quỹ.
- Trong năm có 4 cuộc họp định kỳ hàng quý Ban Đại diện Quỹ làm việc với Công ty Quản lý Quỹ về chiến lược đầu tư của Quỹ.
- Công ty Quản lý Quỹ thông báo kế hoạch thay đổi tên thành Eastspring Investments được áp dụng chính thức vào ngày 9 tháng 12 năm 2011.



Thông điệp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

Kính thưa Quý Nhà Đầu tư,

Quý Đầu tư Cân bằng Prudential (PRUBF1) đã đi qua gần ba phần tư chặng đường với hơn 5 năm hoạt động kể từ ngày Quý được giới thiệu ra công chúng. Trong suốt thời gian này, thị trường đã chứng kiến hàng loạt biến động và thay đổi về tình hình kinh tế cả trong và ngoài nước. Đồng hành cùng với Quý PRUBF1 trong điều kiện thị trường như vậy, Ban Đại diện Quỹ chúng tôi luôn hướng đến mục tiêu hỗ trợ và giám sát hoạt động Quý nhằm hạn chế tối đa rủi ro và bảo toàn được vốn cho Nhà Đầu tư. Hàng năm đây cũng là dịp thay mặt ban đại diện Quỹ, tôi rất vinh dự được điểm lại tình hình thị trường và hoạt động của Quý trong năm với Nhà Đầu tư.

Năm 2011 được đánh dấu là năm có nhiều diễn biến không tích cực và thách thức cho cả nền kinh tế Toàn cầu và Việt Nam. Tăng trưởng các nước Châu Âu và Mỹ giảm sút, nợ công cao trở thành vấn đề phổ biến của khu vực. Tại Việt Nam, nền kinh tế đối mặt với nhiều thách thức về các vấn đề vĩ mô cũng như vi mô:

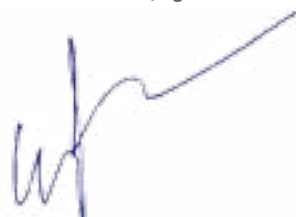
- Tăng trưởng giảm, GDP năm 2011 còn 5,9% so với 6,8% năm 2010.
- Lạm phát lên cao và lập đỉnh 23% vào tháng 8 năm 2011, buộc Chính phủ duy trì chính sách thắt chặt tiền tệ mạnh mẽ để kiềm chế lạm phát.
- Khó khăn về thanh khoản ở một số ngân hàng đẩy lãi suất Việt Nam đang ở mức cao lên cao hơn nữa.
- Đồng Việt Nam bị giảm giá gần 10% vào đầu năm và chỉ được ổn định vào nửa cuối năm.
- Nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn do nhu cầu thị trường giảm và chi phí vốn tăng cao.
- Niềm tin vào thị trường chứng khoán sụt giảm, thị trường biến động và gần như liên tục giảm trong suốt cả năm.

Trong tình hình môi trường đầu tư khó khăn như vậy, Quý PRUBF1 cũng giống như các quỹ công chúng khác, đã không thể mang lại lợi nhuận ròng cho Nhà Đầu tư. Tuy nhiên, năm 2011 Quý PRUBF1 đã đạt được kết quả tích cực hơn các quỹ công chúng khác và đạt kết quả cao hơn lợi nhuận danh mục chuẩn. Kết quả có được là do Ban Điều hành Quỹ có chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản hợp lý phù hợp với điều kiện thị trường. Tính cả năm, thị trường chứng khoán giảm 28% (Chỉ số VN-Index giảm từ 484,7 điểm xuống còn 351,6 điểm), giá trị tài sản ròng các quỹ công chúng trên thị trường giảm trung bình từ 20% đến 40%. Trong khi đó, giá trị tài sản ròng Quý PRUBF1 vẫn được bảo toàn, chỉ giảm khoảng 8%.

Năm 2012, Ban Đại diện Quỹ, thay mặt Nhà Đầu tư, sẽ tiếp tục giám sát và thảo luận với Ban Điều hành Quỹ để tiếp tục phát huy kết quả hoạt động Quý tốt hơn nữa. Tham gia vào Quý PRUBF1 và từng trải qua giai đoạn phát triển và thăng trầm của Quý từ khi mới thành lập cho đến nay, tôi trân trọng cảm ơn sự đồng hành và ủng hộ của các nhà đầu tư, đặc biệt những nhà đầu tư lớn đối với Quý PRUBF1. Tôi tin tưởng rằng Quý Nhà Đầu tư vẫn tiếp tục ủng hộ Quý PRUBF1 và Quý sẽ tiếp tục hoạt động tốt cho đến khi đáo hạn.

Xin chúc cho năm 2012 sẽ là năm thành công cho Quý chúng ta và cho tất cả Nhà Đầu tư.

Kính chào trân trọng,



Đinh Bá Thành
Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ



Thông điệp Tổng Giám đốc

Năm 2011 đã khép lại, đánh dấu năm năm hoạt động Quý Đầu tư Cân bằng Prudential – PRUBF1 tại Việt Nam. Cũng giống như năm trước, Quý đã hoạt động trong môi trường đầu tư và kinh tế vĩ mô đầy thách thức. Lạm phát cao, lãi suất cũng duy trì ở mức cao và sự mất giá của tiền đồng Việt Nam là những điểm quan ngại chính trong năm. Thị trường chứng khoán Việt Nam đã giảm 28% năm 2011, trở thành một trong những thị trường có mức sụt giảm cổ phiếu nhiều nhất trong khu vực.

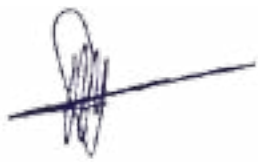
Chúng tôi thừa nhận những vấn đề cơ bản này sẽ ảnh hưởng lâu dài đến sự phát triển kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, một số mặt tích cực khác của nền kinh tế cho chúng ta cái nhìn lạc quan hơn; như việc tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn giữ được ổn định mặc dù kinh tế thế giới đã suy giảm. Lạm phát trong nước đã bắt đầu giảm trong những tháng gần đây và tiền đồng Việt Nam cũng trở nên ổn định hơn nhờ sự can thiệp kịp thời của chính phủ. Những xu hướng tích cực này cùng với việc tăng trưởng trong dài hạn vẫn được duy trì ổn định là nền tảng cho chúng ta lạc quan hơn về viễn cảnh kinh tế Việt Nam (tuy vẫn cần rất cẩn trọng).

Trong năm, mặc dù môi trường đầu tư đã bắt đầu cho thấy những dấu hiệu tích cực nhưng vẫn còn rất nhiều thách thức. Do đó, chiến lược đầu tư cân bằng giữa cổ phiếu và trái phiếu được thực hiện theo định hướng cân đối giữa lợi nhuận và rủi ro nhằm bảo toàn tối đa giá trị của Quý, đây là cách thức mà chúng tôi lựa chọn trong suốt năm 2011. Kết quả hoạt động năm 2011 của Quý PRUBF1 đã khẳng định chiến lược đúng đắn này. Trong điều kiện thị trường khó khăn, không có quỹ công chúng nào ở Việt Nam gia tăng được giá trị tài sản ròng, và Quý PRUBF1 cũng không là ngoại lệ. Tuy nhiên, Quý PRUBF1 đã đạt được kết quả hoạt động đầu tư tốt hơn mức chuẩn đề ra cho cả hai loại tài sản cổ phiếu và trái phiếu, tương ứng là 3,3% và 5,4% (Chuẩn đầu tư cho danh mục cổ phiếu là thu nhập chỉ số VN-Index và cho danh mục trái phiếu là thu nhập của trái phiếu kỳ hạn ba năm). Nhờ vậy mà Quý PRUBF1 đã bảo toàn giá trị tài sản ròng tốt hơn các quỹ công chúng khác trên thị trường.

Quý PRUBF1 đang chuẩn bị bước vào giai đoạn cuối của thời gian hoạt động bảy năm. Thời gian đáo hạn còn lại của Quý chưa tới hai năm. Do đó, Ban Điều hành Quý bắt đầu từng bước cơ cấu lại danh mục đầu tư để phù hợp với thời gian hoạt động còn lại của Quý. Một số giới hạn về đầu tư sẽ được áp dụng trong thời gian này, chủ yếu là yếu tố thanh khoản.

Trong báo cáo thường niên này, chúng tôi cũng sẽ đề cập đến việc thay đổi tên Công ty Quản lý Quý Đầu tư Prudential thành Công ty Quản lý Quý Eastspring Investments. Việc đổi tên này nhằm mục tiêu tạo ra một thương hiệu riêng biệt cho hoạt động Quản lý Quý của Prudential trên toàn cầu và khu vực. Chúng tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng việc thay đổi tên này không ảnh hưởng gì đến định hướng, chiến lược đầu tư, tổ chức hoạt động của công ty cũng như quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư. Công ty Quản lý Quý Eastspring Investments vẫn là thành viên của tập đoàn Prudential ở Anh Quốc, và sự liên kết này vẫn được khẳng định và duy trì bền vững.

Chúng tôi chân thành cảm ơn sự tin tưởng của Quý Nhà Đầu tư đối với Công ty.



Hendrik Gerrit Ruitenberg
Quyền Tổng Giám đốc





BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

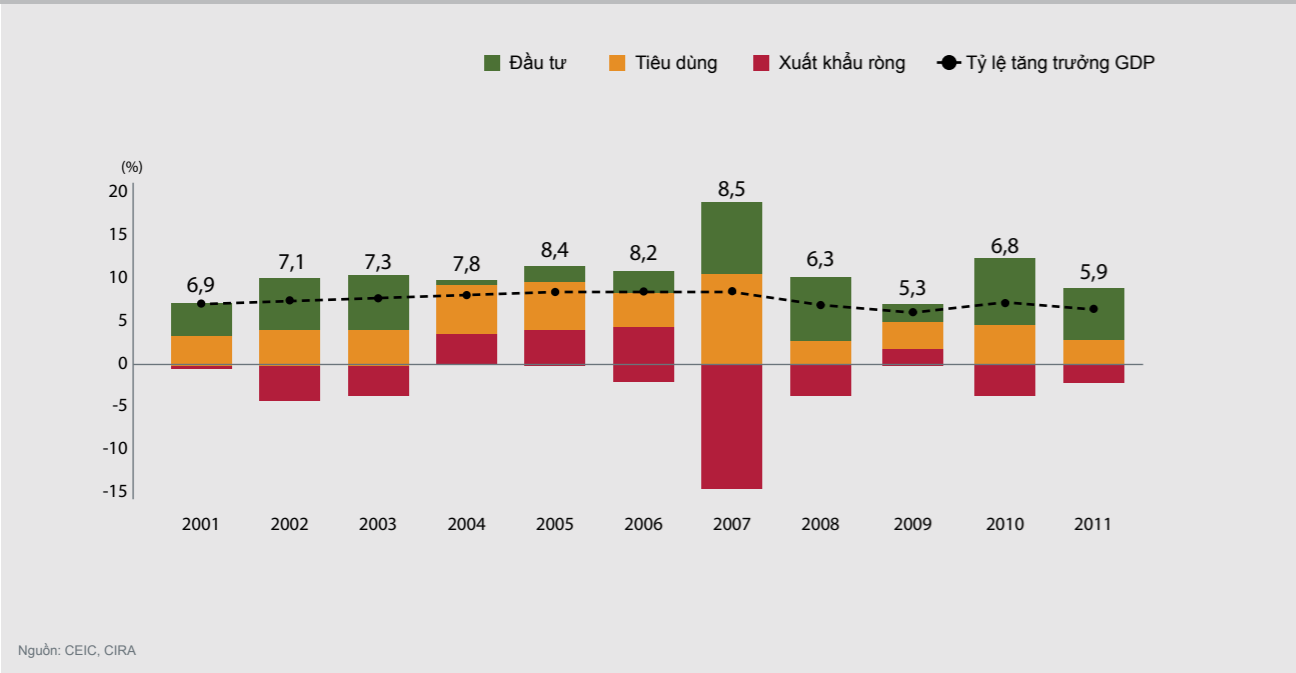
Tổng quan nền kinh tế và thị trường năm 2011

Kinh tế vĩ mô

Năm 2011 là năm khó khăn đối với cả kinh tế Toàn cầu và Việt Nam

2011 là một năm khó khăn đối với nền kinh tế Toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Sự tăng trưởng kinh tế chậm lại của khu vực Bắc Mỹ và Châu Âu đã làm dịu nhu cầu đối với các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam. Thêm vào đó, chính sách thắt chặt tiền tệ của Ngân Hàng Nhà Nước (NHNN) để kiềm chế lạm phát cũng làm hạ nhiệt hoạt động sản xuất nội địa. Do vậy, tăng trưởng GDP năm 2011 chỉ đạt mức 5,9% thấp hơn mức 6,8% của năm 2010 và là năm có mức tăng trưởng thấp thứ hai trong thập kỷ qua, chỉ cao hơn năm 2009 là năm sau khi khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt đầu.

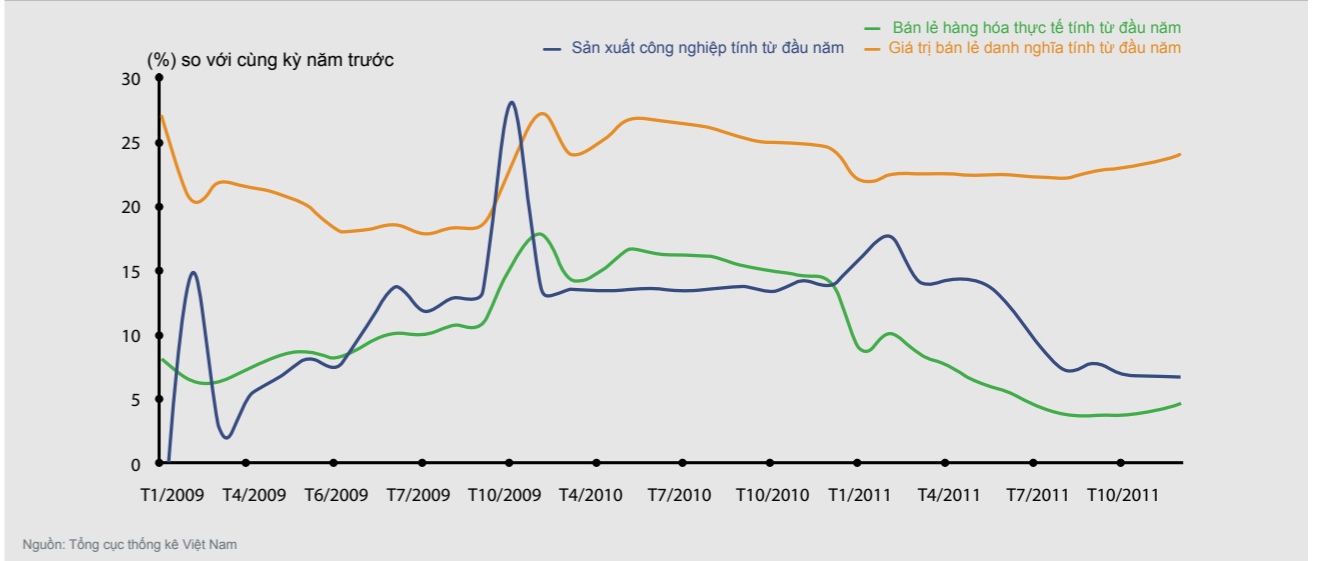
Tăng trưởng GDP của Việt Nam



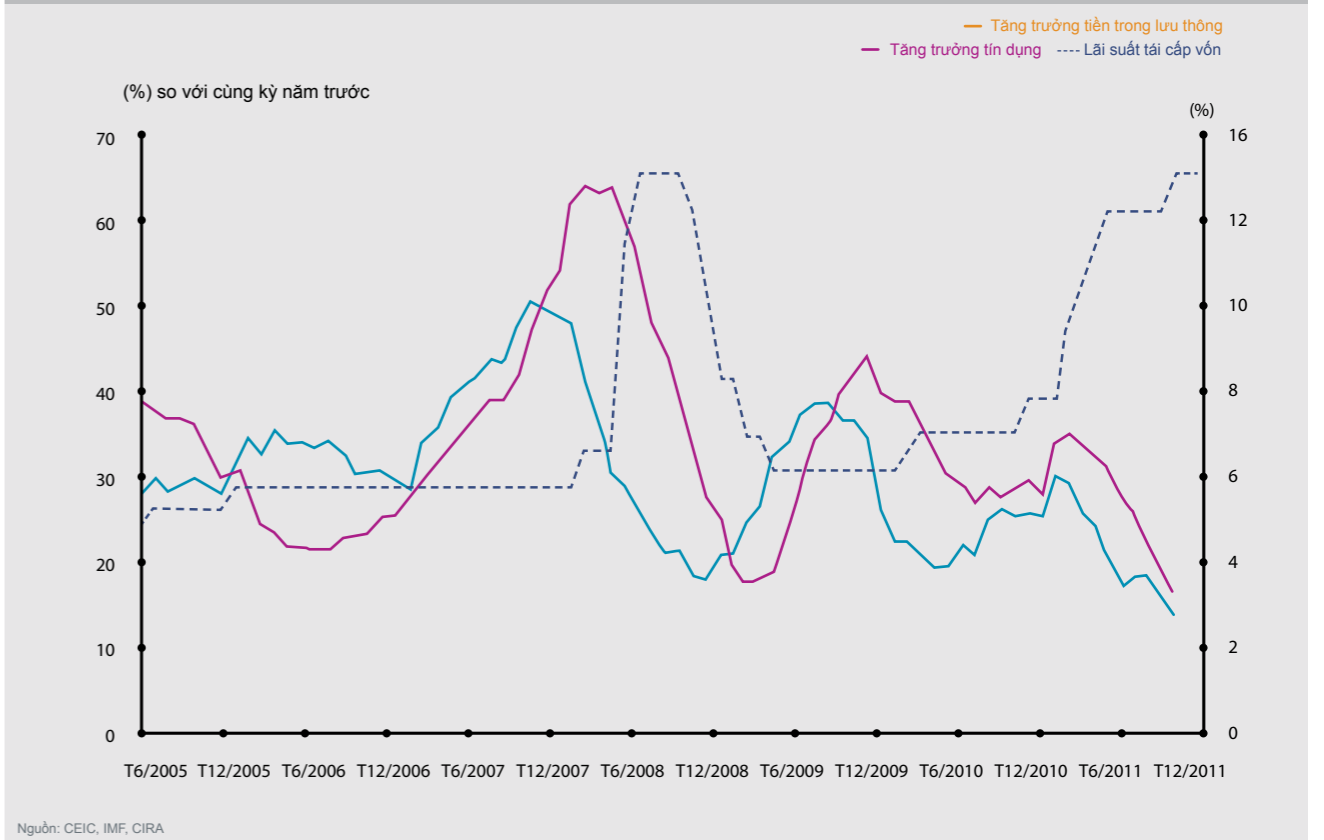
Sản lượng công nghiệp và tiêu thụ nội địa đã bị suy giảm bởi chính sách thắt chặt tiền tệ

Trong bảy tháng liên tục kể từ tháng 1 năm 2011, lạm phát liên tục tăng cao ở mức trên 1% bình quân tháng dẫn đến việc NHNN phải duy trì chính sách thắt chặt tiền tệ cho cả năm 2011. Tăng trưởng tín dụng và cung tiền bị giới hạn lần lượt ở mức 20% và 15%, thấp hơn rất nhiều so với các năm trước đây. Chính vì vậy, sức tiêu thụ và sản xuất nội địa đã bị yếu đi đáng kể. Tăng trưởng bán lẻ so với cùng kỳ năm trước (nếu loại đi yếu tố giá) đã giảm nhanh chóng do tác động từ lạm phát tăng cao, chỉ đạt mức 6,1% so với mức 15,6% của năm 2010 mặc dù tăng trưởng bán lẻ vẫn duy trì ở mức 22,8% so với cùng kỳ năm trước. Tăng trưởng sản xuất công nghiệp so với cùng kỳ năm trước cũng hạ nhiệt chỉ đạt mức 11,2% so với 14,9% của năm 2010.

Sức tiêu thụ nội địa và Sản xuất công nghiệp

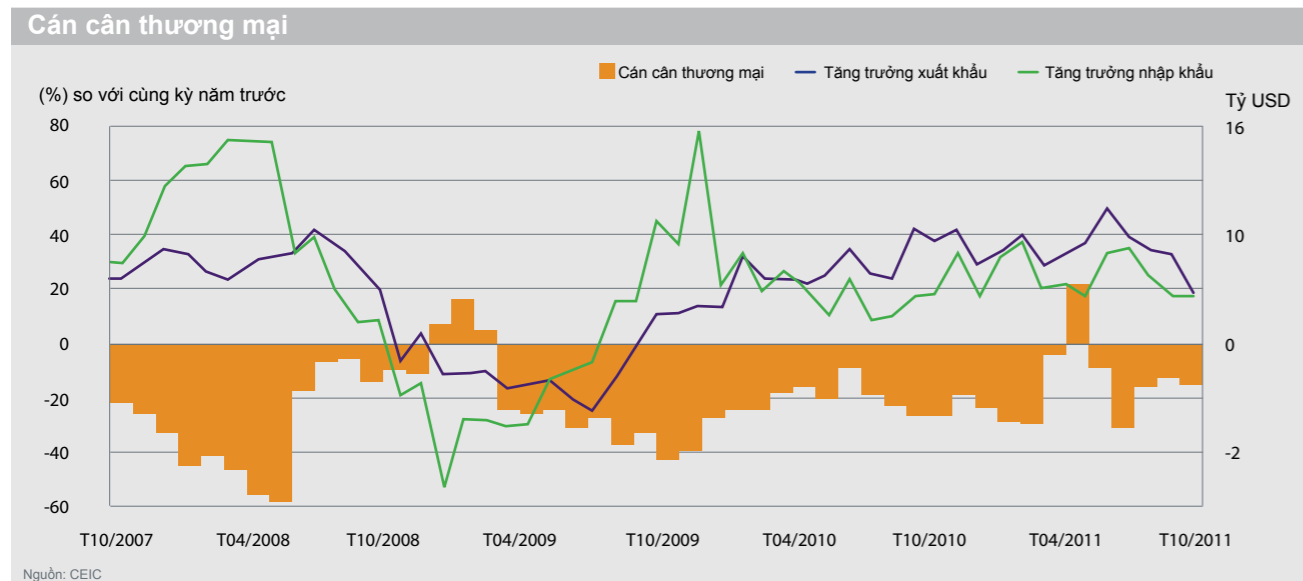


Tăng trưởng tín dụng và tiền trong lưu thông



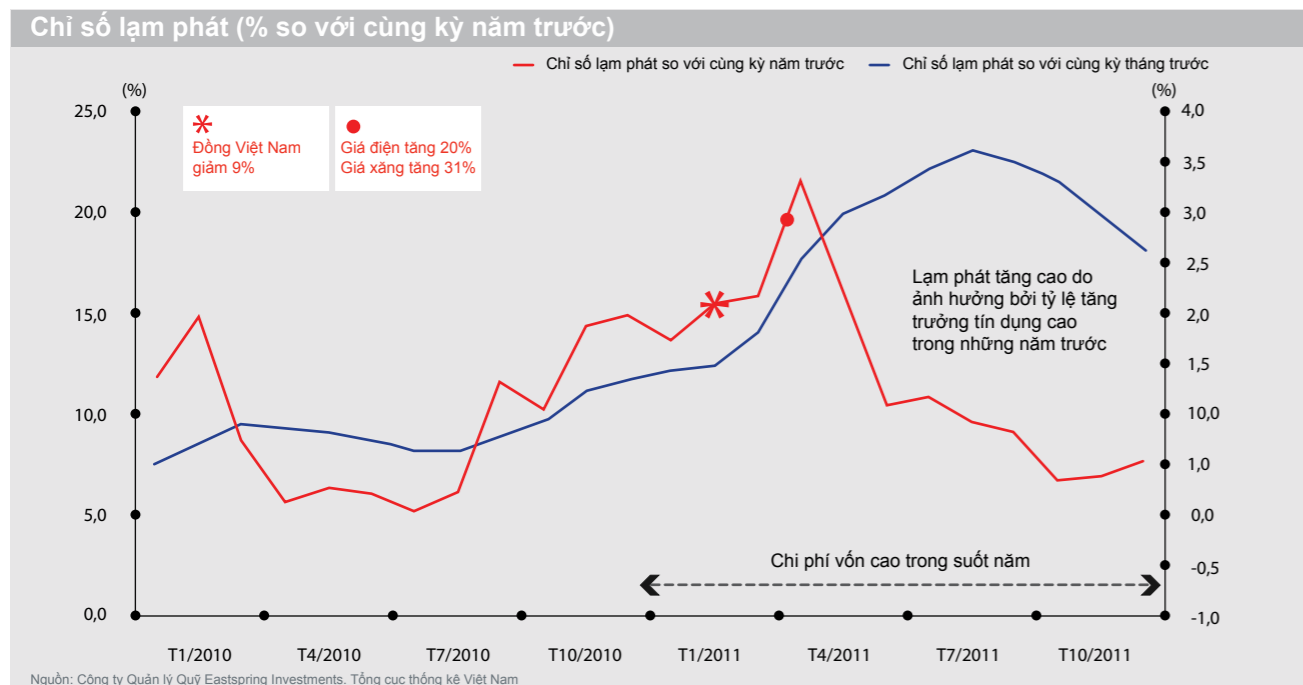
Tăng trưởng kinh tế chậm lại ở khu vực các nước phát triển đã tác động đến xuất khẩu Việt Nam, tuy nhiên giá hàng hóa tăng đã giúp gia tăng giá trị xuất khẩu

Sự tăng trưởng kinh tế chậm lại của khu vực các nước phát triển đã làm dịu nhu cầu đối với các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, do giá cả hàng hóa cơ bản toàn cầu tăng cao nên giá trị xuất khẩu vẫn tăng 33,3% so với cùng kỳ năm trước, và cao hơn so với mức 25,5% của năm 2010. Sự tăng trưởng giá trị mạnh mẽ này cũng góp phần làm giảm mức thâm hụt cán cân thương mại xuống 9,4 tỷ Đô la Mỹ từ 12,4 tỷ Đô la Mỹ năm 2010. Thêm vào đó sự tăng trưởng ổn định của các nguồn vốn nước ngoài: FDI, ODA, kiều hối, đã giúp cán cân thanh toán của Việt Nam lên mức thặng dư sau 2 năm thâm hụt (theo Bộ Tài Chính).



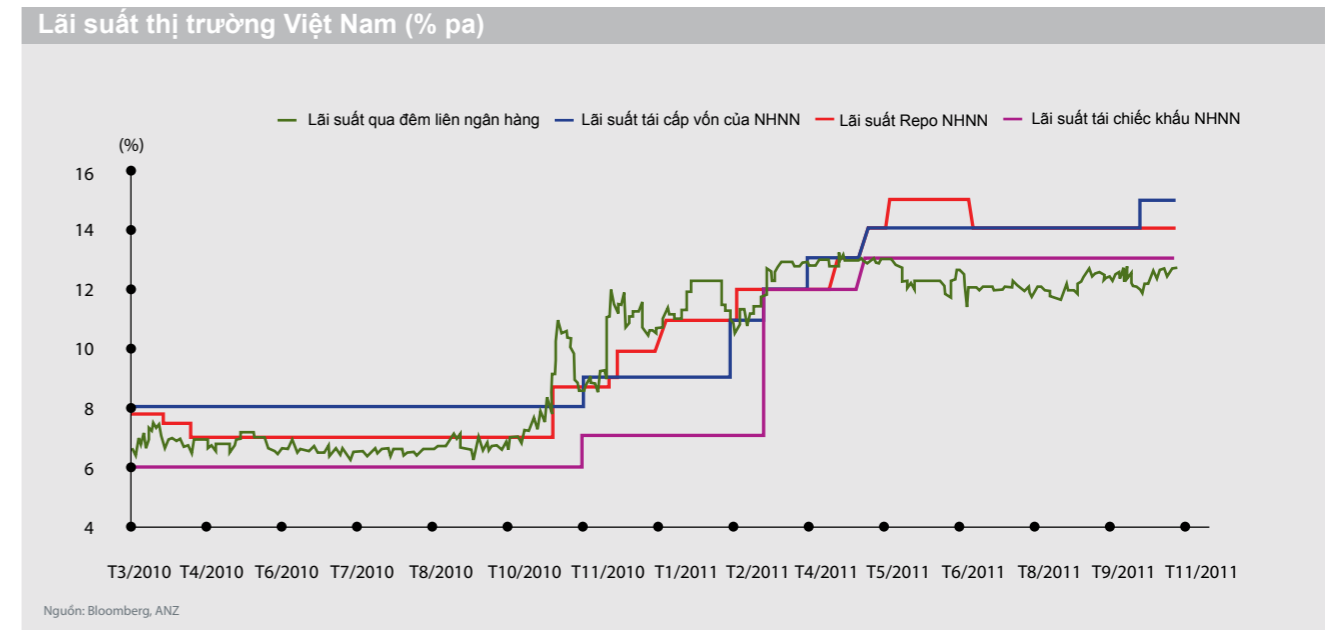
Lạm phát do “chi phí đẩy” là vấn đề then chốt trong năm 2011

Trong năm 2011, nền kinh tế Việt Nam đã được thử thách trên nhiều phương diện. Trong đó lạm phát do chi phí đẩy là vấn đề then chốt nhất. Trong nỗ lực thu hẹp khoảng cách giá nội địa và quốc tế của các hàng hóa cơ bản, Chính phủ đã tăng giá điện 20% và giá xăng 31%. Thêm vào đó, trong bối cảnh Việt Nam vẫn phải nhập khẩu một lượng lớn nguyên liệu phục vụ sản xuất, nên việc tiền đồng Việt Nam bị mất giá 9% trong tháng 2 năm 2011 như chất xúc tác làm lạm phát phi mã. Các yếu tố này cùng nhau đã đẩy lạm phát lên mức đỉnh điểm 23% vào tháng 8 năm 2011.

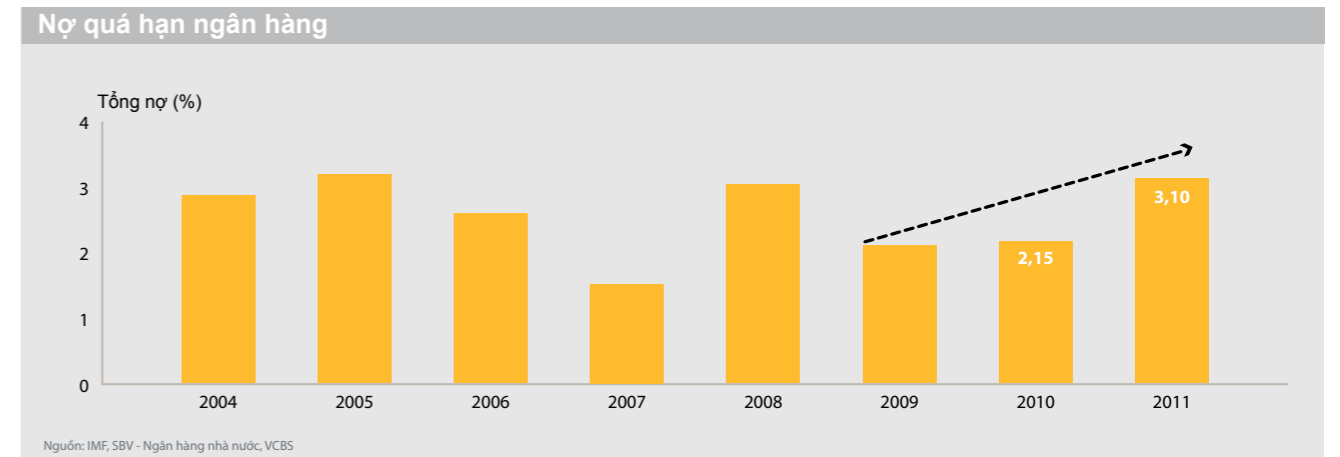


Hệ thống ngân hàng Việt Nam bắt đầu bộc lộ những yếu kém khi chính sách thắt chặt tiền tệ được thực thi

Do lạm phát tăng cao, NHNN đã phải duy trì chính sách thắt chặt tiền tệ xuyên suốt năm 2011. NHNN đã liên tục nâng lãi suất cơ bản lên 5 lần, cắt giảm lượng tiền cung cấp qua kênh tái cấp vốn và thị trường mở, giới hạn mức tăng trưởng tín dụng và cung tiền, cũng như lần đầu tiên phân loại cho vay bất động sản vào thành phần phi tín dụng. Trong hoàn cảnh này, nhiều ngân hàng Việt Nam có quy mô vốn thấp đã phải tham gia vào cuộc chạy đua lãi suất để duy trì thanh khoản. Mặc dù vậy, một số ngân hàng vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong việc huy động lượng vốn cần thiết để đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán.



Lần chính sách thắt chặt tiền tệ này không những cho thấy sự yếu kém về thanh khoản của hệ thống ngân hàng Việt Nam mà còn cho thấy sự lệ thuộc vốn của tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Tăng trưởng tín dụng thấp cùng lãi suất cao đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của các công ty. Đến quý III năm 2011, nhiều công ty mặc dù có kết quả tăng trưởng doanh thu ấn tượng nhưng mức tăng trưởng lợi nhuận lại rất thấp. Mặt khác, do nguồn vốn ngân hàng bị hạn chế, rất nhiều công ty trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản đã lâm vào tình trạng đình đốn góp phần làm nợ xấu của hệ thống ngân hàng tăng cao. Theo thông tin từ NHNN, nợ xấu của hệ thống đã tăng từ mức 2,15% vào cuối năm 2010 lên mức 3,2% tại thời điểm cuối tháng 8 năm 2011.



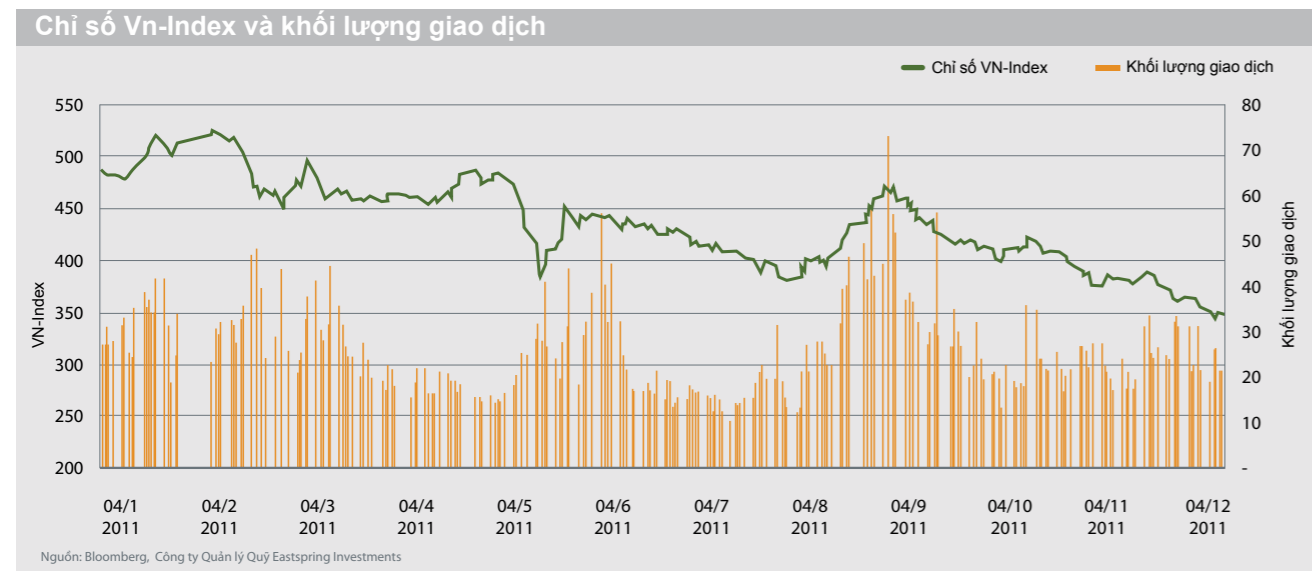
Tái cấu trúc hệ thống Ngân hàng sẽ là vấn đề chính yếu của năm 2012

Chính vì thế, lộ trình và phương án tái cấu trúc hệ thống ngân hàng đã được phê duyệt thành một trong những trọng điểm của Chính phủ trong các năm tới. Các phương án tái cấu trúc cũng sẽ được sự hỗ trợ trực tiếp từ NHNN và các ngân hàng cổ phần quốc doanh hàng đầu Việt Nam. Việc các phương án tái cấu trúc cụ thể được thực hiện như thế nào sẽ là yếu tố quyết định cho tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam trong năm 2012 và trong tương lai.

Thị trường cổ phiếu

Chỉ số VN-Index đã liên tục giảm do lạm phát tăng cao, lãi suất cũng ở mức cao và quan ngại về hệ thống ngân hàng

Chỉ số VN-Index giảm 28% trong năm 2011 và đạt mức 350 điểm vào cuối năm.



Trong nửa đầu năm 2011, các nhà đầu tư cá nhân một phần do quan ngại về lạm phát cao cũng như bị thu hút bởi lãi suất tiền gửi cao đã dần rút vốn khỏi thị trường chứng khoán. Thêm vào đó, NHNN cũng phát hành một số thông tư hạn chế lượng cho vay đầu tư chứng khoán và yêu cầu các công ty chứng khoán gia tăng chỉ số an toàn tài chính. Các động thái này đã dẫn đến sự suy giảm tương đối dài của nhiều cổ phiếu trong các ngành khác nhau trên thị trường. Tuy nhiên, chỉ số VN-Index trong thời kỳ này vẫn duy trì ở mức tương đối ổn định do có sự hỗ trợ của một nhóm các cổ phiếu có giá trị vốn hóa lớn. Đặc biệt trong nhóm này là 3 cổ phiếu MSN, VIC, BVH do được các quỹ ETF mua liên tục.

Trong nửa sau của năm 2011, với chính sách thắt chặt tiếp tục được duy trì, lợi nhuận của các công ty đã giảm sút đáng kể do chi phí lãi suất tăng cao. Sự suy giảm về các yếu tố cơ bản của công ty cùng với những lo ngại về hệ thống ngân hàng tiếp tục làm cho chỉ số VN-Index giảm đi. Thêm vào đó, do thị trường giảm điểm sâu trong một khoảng thời gian dài, một số công ty đã quyết định thu hẹp danh mục đầu tư và cắt giảm các khoản đầu tư tài chính. Các yếu tố này đã góp phần làm chỉ số VN-Index giảm còn 350 điểm, hay 28% thấp hơn so với cuối năm 2010.

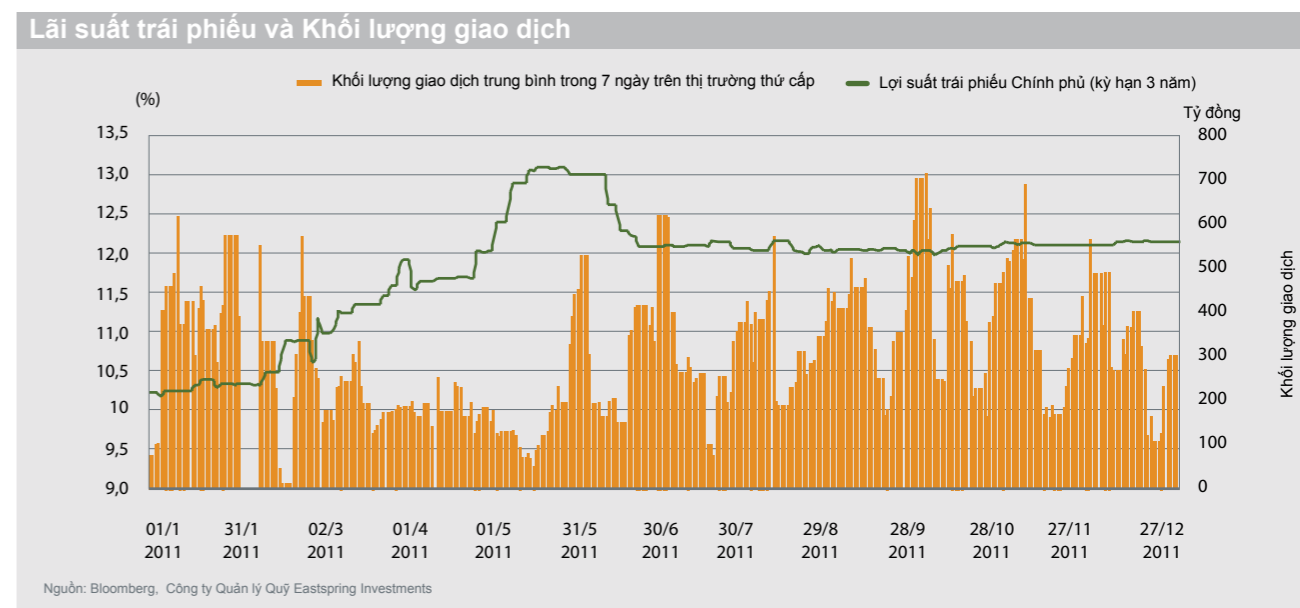
Thị trường trái phiếu

Lãi suất trái phiếu tăng và ổn định ở mức cao do lạm phát tăng cao và rủi ro gia tăng trong hệ thống ngân hàng

Trong quý I năm 2011, mặc dù lạm phát tăng cao, lợi suất trái phiếu 3 năm vẫn ở mức ổn định chỉ tăng xấp xỉ 50 điểm. Trong thời kỳ này, NHNN đã cung cấp một lượng vốn dồi dào với lãi suất thấp trên thị trường mở và tái cấp vốn. Để có thể tận dụng được nguồn vốn này, ngân hàng đã tích cực mua trái phiếu Chính phủ để làm tài sản thế chấp, động thái này góp phần làm ổn định thị trường trái phiếu.

Trong quý II năm 2011, do lạm phát tiếp tục duy trì ở mức cao và các lãi suất chính sách đã được nâng lên một cách đáng kể lên mức 15%, nhu cầu trái phiếu suy giảm nhanh chóng. Thanh khoản trên thị trường thứ cấp và khối lượng trúng thầu trên thị trường sơ cấp luôn ở mức thấp. Lợi suất trái phiếu Chính phủ 3 năm tăng gần 200 điểm làm giảm xấp xỉ 5% giá trị của trái phiếu.

Trong sáu tháng còn lại của năm 2011, lợi suất trái phiếu ở mức cân bằng do chịu ảnh hưởng của các yếu tố đối nghịch: một mặt, lợi suất không hấp dẫn trên thị trường sơ cấp và thứ cấp và nhu cầu tiền mặt tăng cao làm suy giảm nhu cầu mua trái phiếu của ngân hàng. Mặt khác, nhu cầu mua trái phiếu lại được hỗ trợ từ nhu cầu dùng trái phiếu làm tài sản thế chấp trên thị trường liên ngân hàng trong tình hình niềm tin trong hệ thống ngân hàng suy giảm.

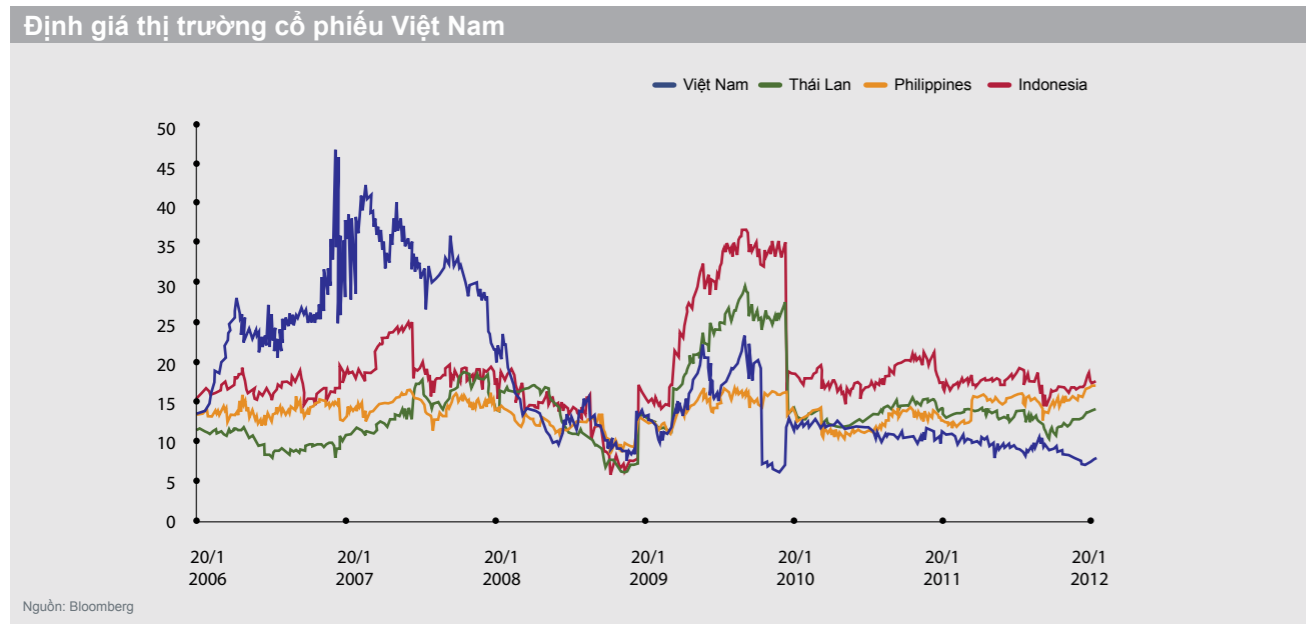


Nhận định thị trường 2012

Viễn cảnh năm 2012 được cho là tốt hơn nhờ vào chính sách đồng bộ từ Chính phủ, đồng tiền Việt Nam ổn định hơn và cán cân thương mại được cải thiện

Trong ngắn hạn, NHNN sẽ tiếp tục duy trì chính sách thắt chặt tiền tệ và xúc tiến quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng. Do vậy, mặc dù lạm phát dự kiến suy giảm, lãi suất sẽ vẫn tiếp tục ở mức cao vào đầu năm 2012 và giảm dần cho đến cuối năm. Đồng Việt Nam được dự kiến ở mức tương đối ổn định nhờ sự giám sát và hỗ trợ tích cực của NHNN cũng như sự cải thiện của cán cân thanh toán.

Trong thời kỳ này, thị trường cổ phiếu sẽ tiếp tục biến động mạnh và nhạy cảm đối với các tin tức báo chí. Chúng tôi cho rằng các công ty trong các ngành có nhu cầu tiêu dùng ổn định hoặc các công ty có tiềm lực tài chính tốt vẫn sẽ mang lại giá trị cho nhà đầu tư. Trong dài hạn, chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì quan điểm tích cực đối với thị trường cổ phiếu do thị giá cổ phiếu hiện đang ở một trong những mức định giá thấp nhất trong lịch sử so với các thị trường khác trong khu vực

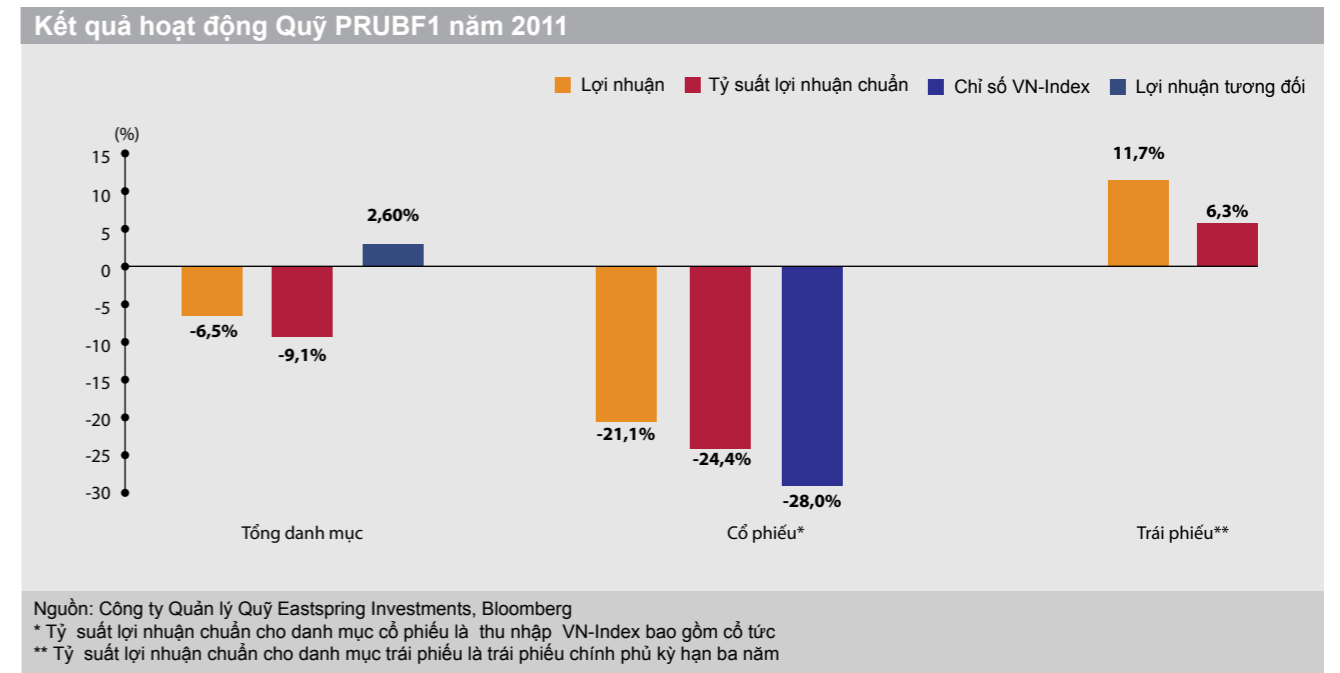


Lạm phát giảm sẽ hỗ trợ một mặt bằng lãi suất thấp hơn và kéo theo lợi suất trái phiếu giảm. Tuy nhiên, những rủi ro trong nội tại tại hệ thống ngân hàng nói riêng và tình hình kinh tế vĩ mô nói chung sẽ hạn chế mức giảm của lợi suất trái phiếu.

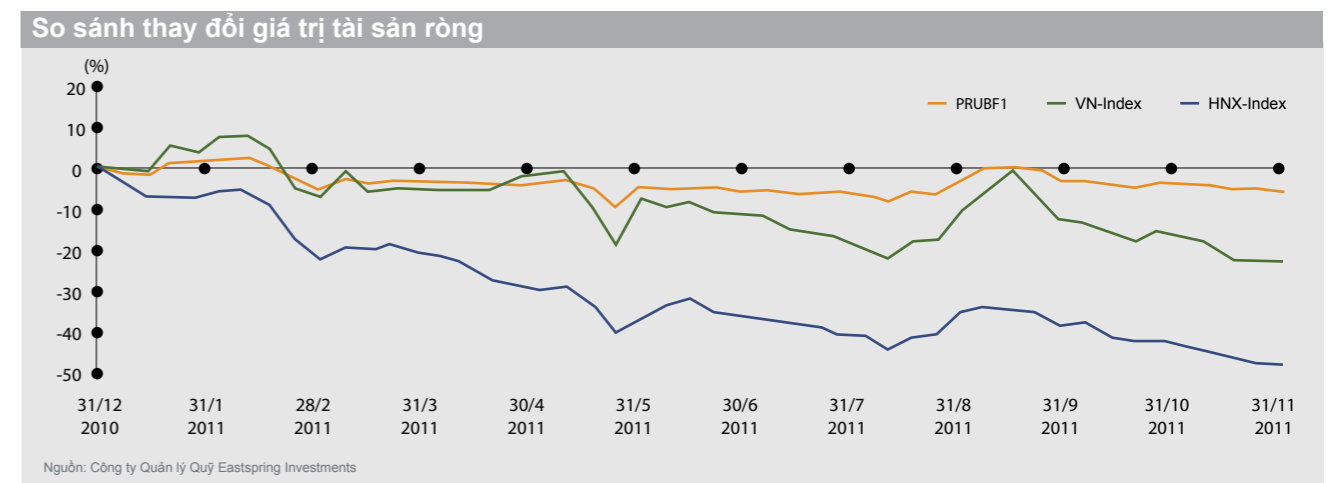
Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ

a. Kết quả hoạt động Quỹ

Năm 2011, Quỹ Đầu tư Cân bằng PRUBF1 đạt tỷ suất lợi nhuận cao hơn tỷ suất lợi nhuận chuẩn 2,6%, trong đó tỷ suất lợi nhuận chuẩn được tính dựa trên cơ sở 50% thu nhập chỉ số VN-Index và 50% thu nhập trái phiếu kỳ hạn ba năm. Cụ thể, cho cả năm danh mục cổ phiếu của Quỹ PRUBF1 giảm 21,1% trong khi đó chỉ số VN-Index giảm 28% và chỉ số HNX-Index giảm 50%. Danh mục trái phiếu của Quỹ PRUBF1 cũng đạt kết quả tốt, tăng 11,7% cho cả năm, trong khi đó thu nhập trái phiếu kỳ hạn ba năm là 6,3%.



b. Báo cáo về giá trị tài sản ròng

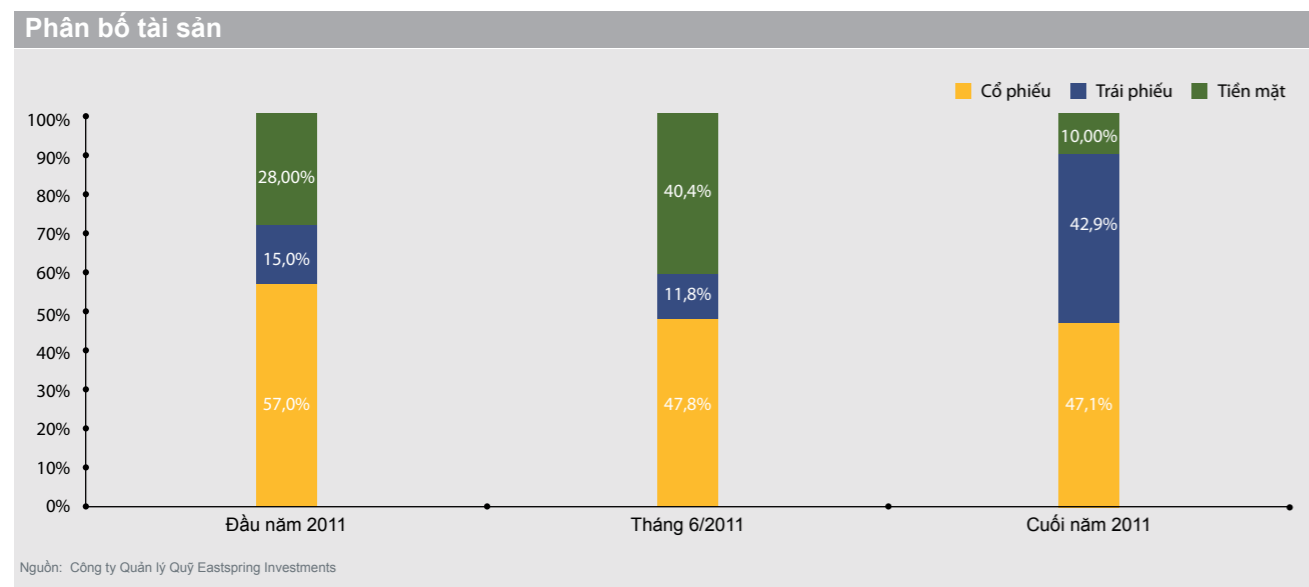


Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ PRUBF1 là 397,2 tỷ đồng, tương ứng giá trị một đơn vị Quỹ là 7.945 đồng. Giá trị Quỹ đã giảm 6,5%, tương ứng với mức giảm 8,8% tài sản ròng sau khi trừ các loại phí quản lý, trong khi đó chỉ số VN-Index và HNX-Index giảm tương ứng là 28% và 50%.

c. Báo cáo phân bổ tài sản

Trong suốt năm, Ban Điều hành Quỹ PRUBF1 đã luôn bám sát thị trường trái phiếu và cổ phiếu. Danh mục Quỹ luôn giữ một lượng tiền mặt lớn nhằm mang lại thu nhập ổn định cho Quỹ và hạn chế rủi ro trong thời gian thị trường có nhiều biến động đồng thời cũng dễ dàng tiến hành đầu tư khi có cơ hội.

Vào đầu năm 2011, Quỹ PRUBF1 đã đầu tư 57% vào cổ phiếu và 43% vào công cụ nợ (bao gồm 28% là đầu tư tiền gửi ngân hàng). Trong suốt năm, tình hình vĩ mô đã có nhiều biến động làm lợi nhuận nhiều doanh nghiệp bị suy giảm do chi phí vốn cao, Ban Điều hành Quỹ đã từng bước giảm tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu và chuyển sang tăng tỷ lệ tiền gửi để bảo toàn vốn cũng như gia tăng giá trị ổn định cho Quỹ.



Cuối tháng 6 năm 2011, tỷ lệ đầu tư phân bổ vào cổ phiếu giảm còn 47,8% (tỷ lệ phân bổ chuẩn là 50%), tỷ lệ đầu tư phân bổ vào công cụ nợ là 52,2%, trong đó lượng tiền mặt chiếm 40,4%.

Đến tháng 11 năm 2011, Ban Điều hành Quỹ đã bắt đầu tăng mạnh lượng đầu tư vào trái phiếu cho danh mục. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, tỷ lệ phân bổ đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và tiền mặt tương ứng là 47,1%, 42,9% và 10%.

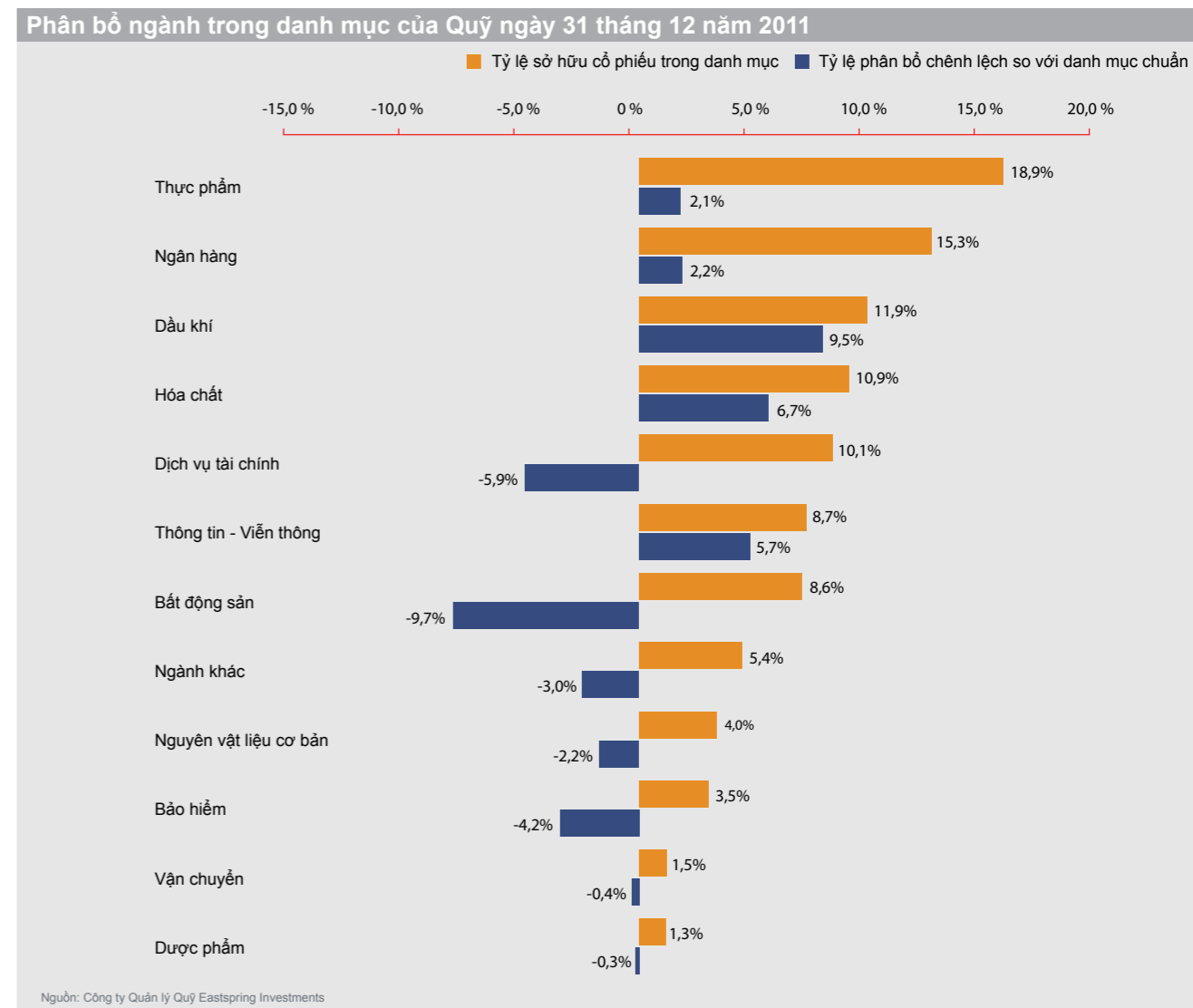
d. Hoạt động quản lý danh mục

Năm 2011, Ban Điều hành Quỹ đã có những cải tiến đáng kể trong việc tái cấu trúc danh mục đầu tư cổ phiếu và trái phiếu nhằm tối đa hóa lợi nhuận của Quỹ.

• Danh mục cổ phiếu

Trong năm 2011, chiến lược đầu tư vào cổ phiếu của Quỹ là tập trung vào cổ phiếu có lượng vốn hóa trên thị trường vừa và lớn đồng thời có mô hình kinh doanh vững chắc và lợi thế cạnh tranh cao. Thực tế cho thấy những công ty này có thể duy trì tăng trưởng ổn định ngay cả khi tình hình vĩ mô biến động và môi trường lãi suất cao.

Về nhóm ngành đầu tư, trong năm 2011, Quỹ đã tăng tỷ trọng đầu tư trong danh mục cao hơn tỷ trọng trong VN-Index vào những ngành sau, ví dụ như: sản xuất thực phẩm (những công ty dẫn đầu như Công ty Cổ phần sữa Vinamilk – VNM), hóa chất (Công ty Cổ phần phân bón Đạm Phú Mỹ - DPM), Công nghệ viễn thông (Công ty cổ phần FPT – FPT) và ngành Ngân hàng tài chính (Ngân hàng Vietcombank – VCB, Ngân hàng Vietinbank – CTG). Trong khi đó Quỹ đã phân bổ đầu tư với tỷ trọng thấp vào các ngành dịch vụ tài chính (Tập đoàn Masan – MSN), bảo hiểm (Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt – BVH) và dịch vụ bất động sản (Công ty Cổ phần Vincom – VIC).



Một số nhóm ngành đầu tư tiêu biểu

Trong năm 2011, một số nhóm ngành cổ phiếu mà Quỹ PRUBF1 chọn lựa đầu tư đã mang lại kết quả tốt và bảo tồn được giá trị tài sản của Quỹ.

Cuối năm 2011, đầu tư vào nhóm ngành sản xuất thực phẩm chiếm tỷ trọng 18,9% danh mục đầu tư cổ phiếu của Quỹ PRUBF1, đóng góp 7,6% lợi nhuận cho danh mục. Trong nhóm ngành này, đầu tư vào cổ phiếu Vinamilk chiếm tỷ trọng 15,7% danh mục, gia tăng 7,1% thu nhập cho danh mục cổ phiếu nhờ giá trị cổ phiếu này đã tăng 53% trong cả năm. Ngoài ra, Vinamilk vẫn sẽ tiếp tục là một trong những cổ phiếu tốt hàng đầu được chọn lựa cho danh mục Quỹ do nền tảng công ty vững mạnh, thương hiệu nổi tiếng, thị phần tiêu thụ lớn và triển vọng về tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận rất tốt.

Đối với nhóm ngành ngân hàng, những cổ phiếu ngân hàng có mức độ biến động giảm thấp hơn tỷ lệ sụt giảm của VN-Index đã được chúng tôi chọn lựa đầu tư để bảo vệ giá trị tài sản cho danh mục Quỹ. Chẳng hạn, Quỹ đã chọn lựa đầu tư vào cổ phiếu ba ngân hàng hàng đầu là Ngân hàng ACB, Vietcombank và Vietinbank, với tỷ lệ đầu tư chiếm tỷ trọng 11,3% trong danh mục cổ phiếu của Quỹ PRUBF1. Ba cổ phiếu Ngân hàng này có mức giảm giá trung bình trong năm là 15%, thấp hơn mức giảm của chỉ số VN-Index là 28% và HNX-Index là 50%.

Ngoài ra, trong năm 2011, Quỹ PRUBF1 cũng chọn lựa đầu tư vào một số cổ phiếu tốt của nhóm ngành công nghệ viễn thông và sản xuất dầu.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, ba cổ phiếu đứng đầu trong danh mục đầu tư của Quỹ PRUBF1 là:

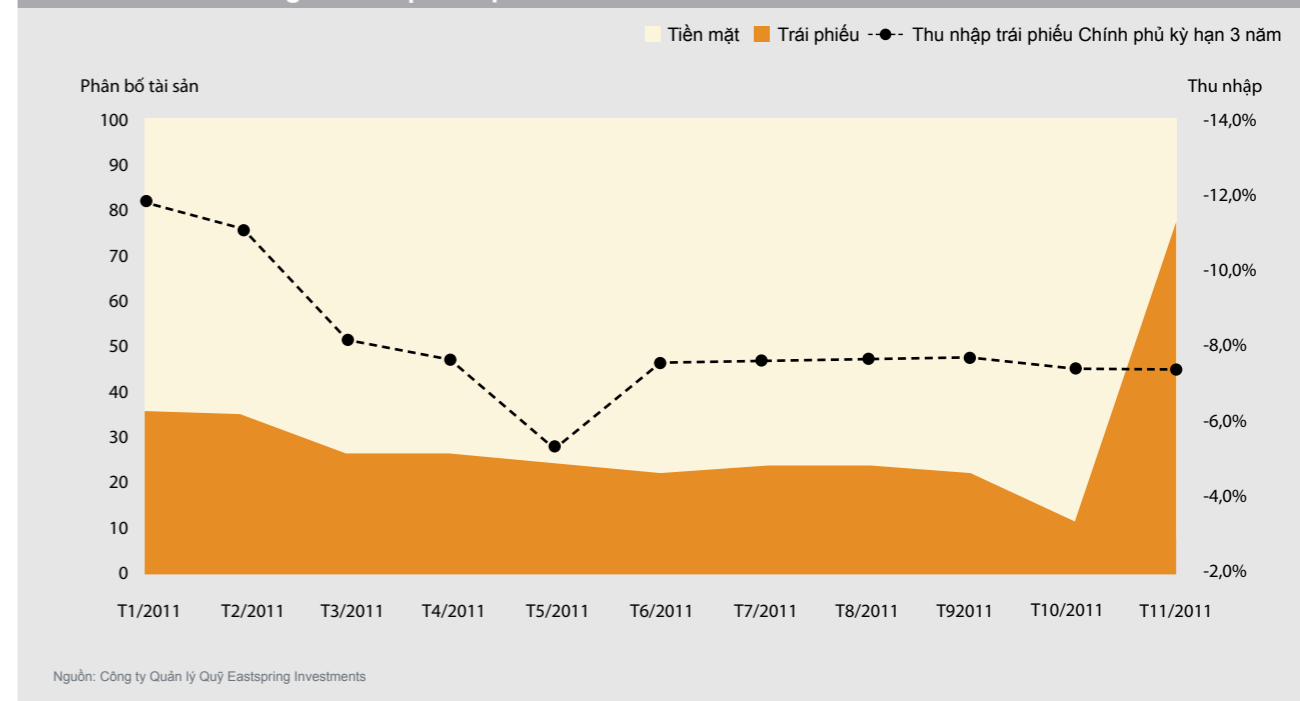
Tên công ty	% Cổ phiếu
Công ty Cổ phần sữa Vinamilk (VNM)	15,7%
Công ty Cổ phần FPT (FPT)	8,8%
Tập đoàn Masan (MSN)	7,6%

• Danh mục trái phiếu

Gần như suốt trong năm 2011, tỷ trọng đầu tư tiền mặt trong danh mục Quỹ được duy trì cao nhằm mang lại thu nhập tốt cho Quỹ, nhưng vẫn hạn chế được rủi ro cho danh mục trong điều kiện thị trường nhiều biến động và cũng dễ dàng tiến hành tham gia đầu tư mới khi có cơ hội. Cuối tháng mười năm 2011, tỷ lệ đầu tư tiền mặt và trái phiếu chiếm tỷ trọng tương ứng là 40,7% và 11,8% trong danh mục PRUBF1.

Nhìn chung, đầu tư trái phiếu của Quỹ trong năm đã mang lại kết quả tốt do nắm bắt được các cơ hội đầu tư khi thị trường thay đổi. Đến tháng 5 năm 2011, trái phiếu chính phủ kỳ hạn ba năm tăng 250 điểm phần trăm lên mức 12,9%, sau đó giảm 80 điểm phần trăm xuống còn 12,1% và giữ ổn định ở mức này đến hết năm. Với những biến động này thu nhập của trái phiếu chính phủ kỳ hạn ba năm cho cả năm là 6,3%, nhưng vẫn thấp hơn thu nhập của tiền gửi, trung bình là 12-14%. Do đó, trong năm chiến lược của chúng tôi là giảm tỷ trọng đầu tư trái phiếu và nâng tỷ trọng tiền mặt cao đã giúp Quỹ có thu nhập là 11,7% cho danh mục trái phiếu, cao hơn thu nhập danh mục chuẩn ở mức 6,3%

Phân bổ tài sản trong danh mục trái phiếu



Đến tháng 11 năm 2011, chúng tôi dự đoán lãi suất trái phiếu sẽ giảm khi lạm phát được hạ nhiệt, chúng tôi đã quyết định đầu tư 135 tỷ đồng vào trái phiếu chính phủ kỳ hạn năm năm cho Quỹ PRUBF1. Kết quả là tỷ trọng đầu tư trái phiếu tăng từ 15% vào đầu năm lên 42,9% tổng giá trị danh mục Quỹ vào cuối năm, ước tính mang lại thu nhập đáng kể cho Quỹ trong năm 2012.





BAN ĐẠI DIỆN QUỸ



Ông Đinh Bá Thành

Ông Lê Văn Bé

Ông John Inniss Howell



Ông Thái Nhị Đức

Ông Lương Quang Hiền

Ông Phạm Trường Giang

Thành viên Ban Đại diện Quý

Đại hội Nhà Đầu tư lần thứ năm diễn ra vào ngày 25 tháng 3 năm 2011, chính thức bầu ông John Inniss Howell, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (PVN), là thành viên thứ sáu (6) của Ban Đại diện Quý. Như vậy, Ban Đại diện Quý chính thức bao gồm sáu (6) thành viên, trong đó có hai (2) đại diện từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, cổ đông lớn nhất nắm giữ 33,7% tổng số chứng chỉ Quý PRUBF1 :

- | | |
|----------------------------------|--|
| 1) Ông Đinh Bá Thành | Chủ tịch và Tổng Giám đốc - Tổ hợp Truyền thông Đa Phương tiện Đất Việt VAC - Chủ tịch Ban Đại diện Quý |
| 2) Ông Lê Văn Bé | Phó chủ tịch Thứ nhất HĐQT - Ngân hàng TMCP Quân Đội - Thành viên Ban Đại diện Quý. |
| 3) Ông John Inniss Howell | Tổng Giám đốc - Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam - Thành viên Ban Đại diện Quý |
| 4) Ông Thái Nhị Đức | Phó Tổng Giám đốc Quản trị Doanh nghiệp - Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam - Thành viên Ban Đại diện Quý. |
| 5) Ông Lương Quang Hiền | Giám đốc Điều hành - Công ty Cổ phần Kinh Đô - Thành viên Ban Đại diện Quý. |
| 6) Ông Phạm Trường Giang | Trưởng Phòng Đầu tư Cổ phiếu - Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí - Thành viên Ban Đại diện Quý. |

Hoạt động của Ban Đại diện Quý

Trong năm 2011, Ban Đại diện Quý đã có 4 cuộc họp định kỳ hàng quý:

Cuộc họp ngày 03/3/2011 - Số thành viên hiện diện 4/5

Ông John Inniss Howell, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (PVN), được mời tham dự cuộc họp đầu tiên của Ban Đại diện Quý trong năm 2011, với tư cách là khách mời sau khi PVN vừa mới thành công đợt chào mua công khai. Ban Đại diện Quý đã thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

1. John Inniss Howell một lần nữa khẳng định chào mua công khai là giao dịch thành công cho tất cả các nhà đầu tư, thông qua đó nhà đầu tư có cơ hội để bán lại chứng chỉ quỹ, đồng thời PVN cũng có cơ hội mua lại số lượng lớn nhằm đảm bảo cho hoạt động của Quý được tốt hơn. Ông John Inniss Howell được PVN bổ nhiệm là thành viên của Ban Đại diện Quý trong nhiệm kỳ sắp tới nếu được sự chuẩn y của Đại hội Nhà Đầu tư.
2. Ban Đại diện Quý đã đề nghị Ban Điều hành Quý nên chọn chiến lược đầu tư cụ thể, rõ ràng, hơn là chiến lược quá linh hoạt cho Quý.
3. Xem xét kết quả hoạt động của Quý trong cả năm 2010.
4. Sự chuẩn bị cho Quý sẽ đáo hạn vào năm 2013.
5. Công tác chuẩn bị cho Đại hội Nhà Đầu tư năm tài chính 2010 dự kiến sẽ tổ chức vào ngày 25 tháng 3 năm 2011.
6. Thảo luận một số vấn đề khác thay đổi Điều lệ Quý, về cách tính thuế đối với cổ tức của Nhà Đầu tư cá nhân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cuộc họp ngày 10/6/2011 - Số thành viên hiện diện 5/6

Chính thức Ban Đại diện Quý có 6 thành viên thay vì 5 thành viên như trước đây. Đây là cuộc họp định kỳ hàng quý của Ban Đại diện Quý nhằm xem xét chiến lược đầu tư của Quý:

1. Theo báo cáo phân bổ tài sản, Quý đang nắm giữ một lượng tiền mặt rất lớn. Ban Đại diện Quý thắc mắc tại sao Quý không sử dụng lượng tiền mặt này để mua cổ phiếu khi VN-Index đi xuống;
2. Ban Đại diện Quý chất vấn Công ty Quản lý Quý căn cứ như thế nào để đưa ra quyết định là mua ít hay mua nhiều hơn đối với cổ phiếu hay ngành nào đó.
3. Ban Đại diện Quý cũng đề nghị chia danh mục đầu tư ra làm hai phần: một phần đầu tư thuần túy theo nguyên tắc cơ bản, phần nhỏ còn lại thì thay đổi chiến lược theo từng thời điểm của thị trường;
4. Các thảo luận tiếp tục đề cập tới vấn đề chiến lược của Quý khi mà Quý sắp tới ngày đáo hạn. Chuyển đổi sang hình thức quỹ mở cũng được đưa ra trong kỳ họp này. Tuy nhiên Ban Đại diện Quý thống nhất rằng các kế hoạch này sẽ được chuẩn bị cẩn thận vào 1 năm trước ngày Quý đáo hạn.

Cuộc họp ngày 21/9/2011 - Số thành viên hiện diện 5/6

Đây là cuộc họp định kỳ hàng quý Ban Đại diện Quý để xem xét tình hình hoạt động của Quý tính đến cuối tháng 8 năm 2011:

1. Công ty Quản lý Quý trình bày tình hình hoạt động của Quý tính tới thời điểm báo cáo. Quý đạt được kết quả hoạt động trên mức tỷ suất lợi nhuận chuẩn, tuy nhiên hiện nay giá trị giao dịch của Quý trên thị trường vẫn còn chiết khấu nhiều so với giá trị tài sản ròng của Quý;
2. Công ty Quản lý Quý có phản ứng như thế nào đối với đợt tăng mạnh của các cổ phiếu không được hỗ trợ bởi các yếu tố cơ bản (VIC, BVH, MSN) do các cổ phiếu này được giao dịch nhiều bởi các quỹ ETF (quỹ giao dịch chỉ số)
3. Căn cứ vào phần trình bày của Công ty Quản lý Quý, Ban Đại diện Quý cho rằng đội ngũ đầu tư của Công ty đã có những quyết định đúng. Tuy nhiên, Ban Đại diện Quý vẫn chất vấn về (i) tỷ lệ đánh cược của đội ngũ đầu tư trong công tác đầu tư như thế nào, có đủ lớn chưa? (ii) Công ty Quản lý Quý cũng nên chú ý đến tầm quan trọng của việc hiện thực hóa lợi nhuận.
4. Sau cùng, Chủ tịch Ban Đại diện Quý đã kết thúc cuộc họp bằng cách khích lệ Công ty Quản lý Quý đã có những nỗ lực trong thời gian qua. Tuy nhiên, cần cân đối lại danh mục đầu tư một cách tích cực hơn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Quý trong thời gian tới vì Quý sắp tới ngày đáo hạn.
5. Công tác chuẩn bị cho Đại hội Nhà Đầu tư năm tài chính 2010 dự kiến sẽ tổ chức vào ngày 25 tháng 3 năm 2011.
6. Thảo luận một số vấn đề khác thay đổi Điều lệ Quý, về cách tính thuế đối với cổ tức của nhà đầu tư.

Cuộc họp ngày 14/12/2011 - Số thành viên hiện diện 5/6

Trong bối cảnh biến động của thị trường cổ phiếu cùng với những yếu tố bất lợi của nền kinh tế Việt Nam, ảnh hưởng đến tăng trưởng của danh mục cổ phiếu âm bất chấp Quý có tỷ suất hoạt động tương đối là dương vào tháng 11 năm 2011, cuộc họp định kỳ hàng quý của Ban Đại diện Quý nhằm giải quyết tiếp các vấn đề tồn đọng từ cuộc họp trước:

1. Công ty Quản lý Quý trình bày về kết quả hoạt động của Quý tính đến thời điểm tháng 11 năm 2011, Quý giảm 5% giá trị tài sản ròng (NAV) so với VN-Index giảm 18,6%. Quý đang giao dịch với mức giá thị trường chiết khấu là 45% so với NAV, điều này có nghĩa là nếu loại trừ tỷ lệ tiền mặt và công cụ nợ (52% trong danh mục), phần cổ phiếu còn lại của Quý sẽ được chiết khấu đến 95%
2. Ban Đại diện Quý nêu thắc mắc: (i) về giới hạn trong việc lựa chọn cổ phiếu dựa trên tính thanh khoản thì có tác động như thế nào đến chiến lược đầu tư theo điều kiện kinh tế vĩ mô, và (ii) khuyến cáo nên đầu tư vào những trái phiếu có thời hạn đáo hạn bình quân bằng với kỳ hạn đáo hạn của Quý.
3. Các thành viên Ban Đại diện Quý hỏi và Công ty Quản lý Quý trả lời về giới hạn đầu tư tối thiểu đến tối đa của cổ phiếu trong danh mục nên giới hạn từ 40% tới 70%. Nhằm hạn chế rủi ro đầu tư của Quý so với tỷ lệ phân bổ tài sản chuẩn 50%-50%;
4. Thảo luận lại cơ hội của việc chuyển đổi Quý sang hình thức quỹ mở, Công ty Quản lý Quý giải thích việc chuyển đổi này phụ thuộc vào tối thiểu hai điều kiện: (i) Có sự chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và (ii) luật về quỹ mở phải được sẵn sàng. Ban Đại diện Quý ghi nhận ý kiến thảo luận và đưa ra kết luận rằng Công ty Quản lý Quý nên chuẩn bị mọi thủ tục pháp lý, sau đó nếu Đại hội Nhà Đầu tư phê chuẩn thì chuyển đổi Quý PRUBF1 sang quỹ mở;
5. Công ty Quản lý Quý cũng trình bày về vấn đề đổi tên của Công ty cho Ban Đại diện Quý. Công ty Quản lý Quý Prudential đổi tên thành Eastspring Investments bởi 2 lý do sau:
 - a. Có thể sử dụng tên gọi thống nhất mang tính toàn cầu, hơn là sử dụng quá nhiều tên gọi như hiện nay.
 - b. Tách biệt tên gọi công ty quản lý quản lý quỹ ra khỏi thương hiệu Bảo hiểm.

Tuy nhiên, việc thay đổi tên này chỉ ảnh hưởng tới Công ty Quản lý Quý. Công ty đề nghị với Ban Đại diện Quý không thay đổi tên của Quý PRUBF1 vì quá tốn kém và mất thời gian, hơn nữa Quý còn chưa đầy 2 năm là đáo hạn. Ban Đại diện Quý đồng ý với đề nghị này.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin chung

Giấy phép phát hành Chứng chỉ Quỹ Đầu tư ra công chúng 02/UBCK-GPQĐT ngày 19 tháng 7 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ Đầu tư 06/UBCK-ĐKQĐT ngày 5 tháng 10 năm 2006

Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ quỹ 02/UBCK-GPNY ngày 22 tháng 11 năm 2006

Giấy phép Phát hành Chứng chỉ Quỹ Đầu tư ra công chúng, Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ Đầu tư và Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp.

Trụ sở đăng ký Trung tâm Thương mại Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Ban Đại Diện Quỹ

Ông Đinh Bá Thành	Chủ tịch
Ông Lê Văn Bé	Thành viên
Ông Lương Quang Hiền	Thành viên
Ông Phạm Trường Giang	Thành viên
Ông Thái Nhị Đức	Thành viên
Ông John Inniss Howell	Thành viên

(từ ngày 25 tháng 3 năm 2011)

Công ty Quản lý Quỹ Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (trước đây là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Prudential Việt Nam).

Ngân hàng Giám sát Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

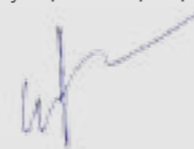
Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Đinh Bá Thành, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt các Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential (“Quỹ”), phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 6 năm 2007 về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Đinh Bá Thành
Chủ tịch
Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi các Nhà đầu tư
 Quý Đầu tư Cân bằng Prudential

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản và báo cáo danh mục đầu tư của Quý Đầu tư Cân bằng Prudential (“Quý”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc cùng ngày do Ban Đại diện Quý phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 3 năm 2012. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments, là Công ty Quản lý Quỹ và được xác nhận bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), là Ngân hàng Giám sát của Quý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự bảo đảm hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quý Đầu tư Cân bằng Prudential tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động của Quý cho năm kết thúc cùng ngày theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán Quý đầu tư chứng khoán và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 6 năm 2007 về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam
 Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 01143000345
 Báo cáo Kiểm toán số: 11-01-513



Nguyễn Thanh Nghị
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0304/KTV
 Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0339/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2012

Bảng cân đối kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

B01-QĐT

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A – TÀI SẢN				
1. Tiền gửi ngân hàng	110	3	38.988.225.635	119.188.997.476
2. Đầu tư chứng khoán	120	4	348.418.361.476	312.369.752.722
3. Phải thu từ hoạt động đầu tư	130	5	10.900.796.740	5.778.239.454
TỔNG TÀI SẢN	200		398.307.383.851	437.336.989.652
B – NGUỒN VỐN				
I – NỢ PHẢI TRẢ				
1. Phải trả hoạt động đầu tư	311	6	-	660.490.000
2. Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư	312		52.875.000	55.875.000
3. Phải trả cho Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát	315	7	690.388.562	756.987.247
4. Phí kiểm toán	318		321.200.000	298.155.000
5. Phải trả khác và trích trước	318		14.829.600	18.581.100
II – NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		397.228.090.689	435.546.901.305
1. Vốn góp của các nhà đầu tư	410	8	500.000.000.000	500.000.000.000
1.1 <i>Vốn góp</i>	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Kết Quả Hoạt Động Chưa Phân Phối	420		(102.771.909.311)	(64.453.098.695)
TỔNG NGUỒN VỐN	430		398.307.383.851	437.336.989.652

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

B02-QĐT

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chứng khoán theo mệnh giá	220.798.510.000	118.540.000.000



Công ty Quản lý Quỹ
KT. Kế toán trưởng
Trưởng phòng Giao dịch
Quản lý Quỹ

Phan Trinh Truc

Ngày 9 tháng 3 năm 2012



Hendrik Gerrit Ruitenberg

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

B02-QĐT

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
A/ Xác định kết quả hoạt động đã thực hiện				
I. Lỗ từ hoạt động đầu tư đã thực hiện	10		(2.251.758.616)	(7.354.988.911)
1. Cổ tức được nhận	11		7.675.393.500	8.191.345.400
2. Lãi trái phiếu được nhận	12		7.991.432.629	16.839.968.794
3. Lãi tiền gửi	13		17.507.228.927	2.730.687.874
4. Lỗ bán chứng khoán	14		(35.498.417.839)	(35.116.990.979)
5. Thu nhập khác			72.604.167	-
II. Chi phí	30		(10.494.058.540)	(10.448.931.584)
1. Phí quản lý quỹ	31	9	(8.329.584.426)	(8.746.332.892)
2. Phí giám sát và phí lưu kí	32	9	(341.512.963)	(352.670.895)
3. Chi phí họp và đại hội của quỹ	33		(451.886.389)	(435.611.601)
4. Chi phí kiểm toán	34		(323.654.540)	(309.568.050)
5. Chi phí tư vấn định giá	35		-	-
6. Các chi phí khác	38		(1.047.420.222)	(604.748.146)
III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện trong năm	50		(12.745.817.156)	(17.803.920.495)
B/ Xác định kết quả chưa thực hiện				
I. Thu nhập	60		-	-
1. Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	61		-	-
II. Chi phí	70		(25.572.993.460)	(312.701.305)
1. Chênh lệch lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	71		(25.572.993.460)	(312.701.305)
III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện trong năm	80		(25.572.993.460)	(312.701.305)
Kết quả hoạt động ròng trong năm	90		(38.318.810.616)	(18.116.621.800)
Lỗ trên một đơn vị quỹ	10		(766)	(362)



Công ty Quản lý Quỹ
KT. Kế toán trưởng
Trưởng phòng Giao dịch
Quản lý Quỹ

Phan Trinh Truc
Ngày 9 tháng 3 năm 2012



Hendrik Gerrit Ruitenberg

Báo cáo tài sản

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

B05-QĐT

Chỉ tiêu	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
1. Tiền	38.988.225.635	119.188.997.476
2. Các khoản đầu tư	348.418.361.476	312.369.752.722
2.1 Trái phiếu	158.132.659.376	62.720.155.022
2.2 Cổ phiếu	190.285.702.100	249.649.597.700
2.2.1 Cổ phiếu niêm yết	180.423.402.100	236.300.697.700
2.2.2 Cổ phiếu chưa niêm yết	9.862.300.000	13.348.900.000
3. Cổ tức được nhận	867.610.000	761.509.400
4. Tiền lãi được nhận	10.033.186.740	5.016.730.054
Tổng tài sản	398.307.383.851	437.336.989.652
6. Phải trả hoạt động đầu tư	-	660.490.000
7. Các khoản phải trả khác	1.079.293.162	1.129.598.347
7.1 Phí quản lý quỹ	663.197.465	727.173.148
7.2 Phí giám sát và phí lưu ký	27.191.097	29.814.099
7.3 Phí kiểm toán	321.200.000	298.155.000
7.4 Cổ tức cho nhà đầu tư	52.875.000	55.875.000
7.5 Phải trả khác và chi phí trích trước	14.829.600	18.581.100
Tổng nợ phải trả	1.079.293.162	1.790.088.347
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	397.228.090.689	435.546.901.305
Tổng số đơn vị quỹ (đơn vị)	50.000.000	50.000.000
Giá trị của một đơn vị quỹ	7.945	8.711

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

B06-QĐT

Chỉ tiêu	2011 VND	2010 VND
I. Giá trị tài sản ròng đầu năm	435.546.901.305	453.663.523.105
II. Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	(38.318.810.616)	(18.116.621.800)
<i>trong đó:</i>		
Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	(38.318.810.616)	(18.116.621.800)
III. Giá trị tài sản ròng cuối năm	397.228.090.689	435.546.901.305

Ngân hàng Giám sát



Lê Thị Thanh Tâm
Giám đốc Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty Quản lý Quỹ

KT. Kế toán trưởng
Trưởng phòng Giao dịch
Quản lý Quỹ



Phan Trinh Trúc

Quyền Tổng Giám đốc



Hendrik Gerrit Ruitenberg

Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Ngân hàng Giám sát



Lê Thị Thanh Tâm
Giám đốc Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty Quản lý Quỹ

KT. Kế toán trưởng
Trưởng phòng Giao dịch
Quản lý Quỹ



Phan Trinh Trúc

Quyền Tổng Giám đốc



Hendrik Gerrit Ruitenberg

Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

B07-QĐT

Loại	Số lượng	Giá trị thị trường một đơn vị tại ngày 31/12/2011 VND	Tổng giá trị thị trường tại ngày 31/12/2011 VND	Tỷ lệ% tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
I – Cổ phiếu niêm yết				
Ngân hàng TMCP Á Châu	66.168	21.700	1.435.845.600	0,36%
Tập đoàn Bảo Việt	156.132	41.000	6.401.412.000	1,61%
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Chánh	6	14.900	89.400	0,00%
Công ty CP nhựa Bình Minh	67.226	35.000	2.352.910.000	0,59%
Công ty CP Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT	326.826	49.700	16.243.252.200	4,08%
Công ty CP Cao su Đà Nẵng	100.000	17.100	1.710.000.000	0,43%
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	8	10.400	83.200	0,00%
Công ty CP Dược Hậu Giang	41.602	56.000	2.329.712.000	0,58%
CTCP Xuất nhập khẩu y tế DOMESCO	8.008	20.900	167.367.200	0,04%
Công ty CP Cao su Đồng Phú	29.750	46.300	1.377.425.000	0,35%
Công ty CP Pin Ác quy Miền Nam	141.324	15.200	2.148.124.800	0,54%
Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai	210.700	19.500	4.108.650.000	1,03%
Công ty CP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	5	21.600	108.000	0,00%
Công ty CP Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	45.000	14.000	630.000.000	0,16%
Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát	152.800	17.500	2.674.000.000	0,67%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	416.822	21.800	9.086.719.600	2,28%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	154.750	90.500	14.004.875.000	3,52%
CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú	34.000	14.600	496.400.000	0,12%
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	417.500	18.600	7.765.500.000	1,95%
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí	248.163	33.200	8.239.011.600	2,07%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí	548.650	23.800	13.057.870.000	3,28%
Tổng Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam	250.000	7.200	1.800.000.000	0,45%
Công ty Cổ phần Phân phối Khí Thấp áp Dầu khí Việt Nam	55.500	30.000	1.665.000.000	0,42%
Công ty CP Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận	101.850	40.200	4.094.370.000	1,03%

Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

B07-QĐT

Loại	Số lượng	Giá trị thị trường một đơn vị tại ngày 31/12/2011 VND	Tổng giá trị thị trường tại ngày 31/12/2011 VND	Tỷ lệ% tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	129.000	26.200	3.379.800.000	0,85%
Công ty CP Thép Pomina	6.950	9.200	63.940.000	0,02%
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	150.000	13.700	2.055.000.000	0,52%
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1	15.100	15.100	0,00%
Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	38.800	22.800	884.640.000	0,22%
Công ty CP Bao bì Nhựa Tân Tiến	2	28.000	56.000	0,00%
Công ty CP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân cảng	6.720	16.600	111.552.000	0,03%
Công ty CP Cao su Tây Ninh	63.950	33.900	2.167.905.000	0,54%
Công ty Cổ phần Dệt May Đầu tư Thương mại Thành Công	44.800	8.400	376.320.000	0,09%
Công ty CP nhựa Thiếu niên Tiền Phong	82.400	30.000	2.472.000.000	0,62%
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	53.000	26.300	1.393.900.000	0,34%
Công ty CP Sữa Việt Nam	402.165	86.500	34.787.272.500	8,73%
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	569.703	14.300	8.146.752.900	2,05%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	586.440	17.700	10.379.988.000	2,61%
Công ty CP Vincom	108.930	99.500	10.838.535.000	2,72%
Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	190.000	8.300	1.577.000.000	0,40%
Tổng	6.005.651		180.423.402.100	45,30%
II – Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty CP Âu Lạc	161.000	7.800	1.255.800.000	0,32%
Tổng công ty CP Bia, Rượu và Nước giải khát Sài Gòn	60.000	30.500	1.830.000.000	0,46%
Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây	145.000	15.900	2.305.500.000	0,58%
Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP	170.000	26.300	4.471.000.000	1,12%
Tổng cộng	536.000		9.862.300.000	2,48%
III – Trái phiếu				
Trái phiếu chính phủ (26/01/2012)	50.000	99.631	4.981.555.000	1,25%
Trái phiếu chính phủ (12/12/2012)	3.820	96.627	369.114.376	0,09%
Trái phiếu chính phủ (23/10/2013)	200.000	103.819	20.763.740.000	5,21%
Trái phiếu chính phủ (14/06/2016)	1.300.000	101.553	132.018.250.000	33,14%
Tổng cộng	1.553.820		158.132.659.376	39,69%

Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

B07-QĐT

Loại	Số lượng	Giá trị thị trường một đơn vị tại ngày 31/12/2011 VND	Tổng giá trị thị trường tại ngày 31/12/2011 VND	Tỷ lệ% tổng giá trị tài sản hiện tại của Quý
IV – Tài sản khác				
Tiền lãi được nhận			10.033.186.740	2,52%
Cổ tức sẽ được nhận			867.610.000	0,22%
Tổng			10.900.796.740	2,74%
V – Tiền				
Tiền gửi ngân hàng			38.988.225.635	9,79%
Tổng			38.988.225.635	9,79%
VI – Tổng cộng				
			398.307.383.851	100,00%

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

B04-QĐT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Thông tin cơ bản

Quý Đầu tư Cân bằng Prudential được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng theo Giấy phép Phát hành Chứng chỉ Quỹ Đầu tư ra công chúng số 02/UBCK-GPQĐT do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 19 tháng 7 năm 2006. Theo qui định của Giấy phép, Quý được phép phát hành 50.000.000 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 Đồng/đơn vị quỹ.

Quý được cấp phép hoạt động trong thời gian là 7 năm theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ Đầu tư số 06/UBCK-ĐKQĐT do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 10 năm 2006.

Quý được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ quỹ số 02/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 11 năm 2006, theo đó chứng chỉ quỹ được phép niêm yết và giao dịch với mã chứng khoán là PRUBF1.

Quý không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty Quản lý Quỹ”), một công ty được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (“Ngân hàng Giám sát”).

Mục tiêu đầu tư chủ yếu của Quý là đầu tư vào một danh mục đầu tư cân bằng có khả năng tạo nguồn thu nhập định kỳ đồng thời nâng cao giá trị vốn cho nhà đầu tư. Danh mục đầu tư có thể bao gồm các công cụ nợ và cổ phiếu của các công ty hoạt động tại Việt Nam theo các qui định về chiến lược đầu tư trong điều lệ của Quý.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quý áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Quý, được trình bày bằng Đồng (“VND”), được lập theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 6 năm 2007 về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quý theo nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận rộng rãi ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC, các báo cáo tài chính của Quý bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động;
- Báo cáo tài sản;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng;
- Báo cáo danh mục đầu tư; và
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Ngân hàng Giám sát



Công ty Quản lý Quỹ

KT. Kế toán trưởng
Trưởng phòng Giao dịch
Quản lý Quỹ

Phan Trinh Truc

Quyền Tổng Giám đốc



Hendrik Gerrit Ruitenber

Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

B04-QĐT

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ những vấn đề được trình bày ở Thuyết minh 2(g).

Các chính sách kế toán trình bày sau đây được Quỹ áp dụng một cách nhất quán trong năm.

(b) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Quỹ áp dụng các yêu cầu của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng Thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc đo lường hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Quỹ. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do phương pháp áp dụng phi hồi tố.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 (“CMKT 10”) – Ảnh hưởng của việc Thay đổi Tỷ giá Hối đoái.

(d) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Quỹ từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Hệ thống lưu trữ kế toán

Hệ thống lưu trữ kế toán đã đăng ký của Quỹ là Hệ thống Nhật ký Sổ cái.

(f) Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn.

(g) Các khoản đầu tư

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư mua bán chứng khoán vào ngày Quỹ thực hiện các giao dịch đầu tư (kế toán theo ngày giao dịch).

Quỹ không tham gia hàng ngày vào việc hoạch định tài chính và hoạt động của các công ty đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh này, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 6 năm 2007 về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Quỹ phải đánh giá lại các khoản đầu tư vào cuối kỳ báo cáo theo giá trị hợp lý. Quỹ đã áp dụng các chính sách kế toán sau đây để ghi nhận và đánh giá các khoản đầu tư:

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua. Sau ghi nhận ban đầu, tất cả các khoản đầu tư được xác định theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi hay lỗ do thay đổi giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động chưa thực hiện trong báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ phát sinh.

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

B04-QĐT

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư có giao dịch trên thị trường niêm yết được xác định dựa vào giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Một số khoản mục đầu tư của Quỹ có giao dịch trên thị trường chứng khoán phi tập trung, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định dựa vào giá giao dịch bình quân tại ngày kết thúc kỳ kế toán do ba tổ chức độc lập cung cấp. Khi giá giao dịch không thể được cung cấp từ ba tổ chức độc lập, giá trị hợp lý sẽ được đánh giá dựa trên các mô hình định giá phù hợp theo Điều lệ quỹ. Trái phiếu nếu được giao dịch thỏa thuận và không có giá thị trường sẽ được đánh giá dựa trên các mô hình định giá trái phiếu phù hợp.

Các chính sách ghi nhận và đánh giá này tuân theo điều lệ của Quỹ và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 6 năm 2007.

(h) Khoản phải thu

Khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ các hoạt động đầu tư và các khoản phải thu khác, được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(i) Khoản phải trả

Khoản phải trả liên quan đến hoạt động đầu tư và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Thuế

Theo các qui định hiện hành của Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp.

(l) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể được ước tính một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn ghi nhận cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận:

(i) Thu nhập lãi tiền gửi và thu nhập cổ tức

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn. Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Quỹ được xác lập.

(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch mua bán chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(m) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích ngoại trừ các chi phí phát sinh từ hoạt động đầu tư mà đã được hạch toán vào giá mua của khoản đầu tư đó. Chi phí phát sinh từ việc bán các khoản đầu tư được trừ vào tiền thu được từ giao dịch này.

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

B04-QĐT

(n) Vốn góp

Các đơn vị của Quý được phân loại như vốn chủ sở hữu.

(o) Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quý cho số đơn vị quỹ đã phát hành tại ngày báo cáo. Giá trị tài sản ròng của Quý được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ tổng nợ phải trả.

(p) Lãi trên mỗi đơn vị quỹ

Quý trình bày lãi cơ bản trên mỗi đơn vị quỹ cho các đơn vị quỹ. Lãi cơ bản trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách chia lãi hoặc lỗ của Quý cho số đơn vị quỹ bình quân trong năm.

(q) Báo cáo bộ phận

Quý hoạt động như một bộ phận

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan của Quý.

(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho Quý đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được trình bày trong thuyết minh tương ứng của các báo cáo tài chính này.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư, theo quy định trong Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về hệ thống kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, nếu không được trình bày trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. Tiền gửi ngân hàng

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền gửi không kỳ hạn	933.118.995	1.601.997.476
Tiền gửi có kỳ hạn	38.055.106.640	117.587.000.000
	38.988.225.635	119.188.997.476

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

B04-QĐT

Điều kiện và điều khoản của các khoản tiền gửi có kỳ hạn chưa thanh toán như sau:

	Đơn vị tiền tệ	Lãi suất danh nghĩa	Kỳ hạn	31/12/2011 VND
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	VND	6%	14 ngày	10.035.040.850
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	VND	6%	7 ngày	4.004.668.667
Chi nhánh Ngân hàng Nước ngoài Australia and NewZealand Banking Group Limited, Chi nhánh Hà Nội	VND	6%	9 ngày	13.907.063.790
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	VND	13%	1 tháng	10.108.333.333
				38.055.106.640

4. Đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư sau được dùng cho mục đích kinh doanh:

	31/12/2011	
	Số lượng	VND
Công cụ vốn chủ sở hữu		
- cổ phiếu niêm yết	6.005.651	180.423.402.100
- cổ phiếu chưa niêm yết	536.000	9.862.300.000
Công cụ nợ		
- trái phiếu	1.553.820	158.132.659.376
		348.418.361.476

Giá trị ghi sổ của các công cụ nợ thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa. Không có tài sản thế chấp từ các tổ chức phát hành công nợ.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, chi tiết của các khoản đầu tư chứng khoán như sau:

	Nguyên giá VND	Lỗ đánh giá lại VND	Giá trị hợp lý tại 31/12/2011 VND
Công cụ vốn chủ sở hữu ngoài khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết, và các công ty cổ phần			
- chứng khoán kinh doanh	237.692.816.341	(47.407.114.241)	190.285.702.100
Công cụ nợ			
- chứng khoán kinh doanh	160.072.784.300	(1.940.124.924)	158.132.659.376
	397.765.600.641	(49.347.239.165)	348.418.361.476

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

B04-QĐT

5. Phải thu từ các hoạt động đầu tư

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lãi trái phiếu phải thu	9.991.579.304	3.556.853.277
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	41.607.436	1.459.876.777
Cổ tức	867.610.000	761.509.400
	10.900.796.740	5.778.239.454

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các khoản phải thu.

Không có khoản quá hạn đối với những khoản phải thu chưa quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Đại diện Quý tin tưởng rằng, không cần thiết phải có dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi đối với các khoản chưa tất toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. Phải trả các hoạt động đầu tư

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản mục mua chứng khoán chưa thanh toán	-	660.490.000

7. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phí quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ	663.197.465	727.173.148
Phí giám sát và phí lưu ký phải trả cho Ngân hàng Giám sát	27.191.097	29.814.099
	690.388.562	756.987.247

8. Vốn góp của các nhà đầu tư

Theo Giấy phép Phát hành Chứng chỉ Quỹ Đầu tư ra công chúng số 02/UBCK- GPQĐT do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 19 tháng 7 năm 2006, Quý được phép phát hành 50.000.000 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 Đồng/đơn vị quỹ. Vốn được duyệt của Quý là 500 tỷ Đồng đã được các nhà đầu tư góp đủ trong năm 2006. Thặng dư vốn không phát sinh bởi vì các đơn vị quỹ được phát hành theo mệnh giá.

Tất cả các đơn vị quỹ có quyền như nhau liên quan đến quyền bỏ phiếu, cổ tức hay bất kỳ quyền lợi nào khác. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp vốn đầy đủ sẽ được hưởng cổ tức khi Quý công bố và mang một quyền bỏ phiếu.

Không có giao dịch liên quan đến vốn được duyệt và thặng dư vốn phát sinh trong các năm 2011 và 2010.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

B04-QĐT

9. Các giao dịch chủ yếu với các bên li

Trong năm Quý có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Công ty Quản lý Quỹ

Theo Hợp đồng Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ sẽ nhận một khoản phí quản lý quỹ hàng tháng bằng 2%/12 tính trên giá trị tài sản ròng của Quý vào ngày định giá cuối cùng của tháng.

Phí quản lý phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ trong năm như sau :

	2011 VND	2010 VND
Phí quản lý	8.329.584.426	8.746.332.892

Công ty Quản lý Quỹ cũng được nhận khoản thưởng hoạt động liên quan đến bất kỳ năm tài chính nào nếu (i) giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ vào cuối năm đó vượt quá mệnh giá (10.000 Đồng) và (ii) kết quả hoạt động của Quý trong năm đó vượt quá một mức đã được xác định trước như là đã định nghĩa trong điều lệ của Quý và được Quý và Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.

Công ty Quản lý Quỹ không được hưởng khoản thưởng hoạt động từ Quý trong năm 2011 (2010: Không) do không thỏa các điều kiện cần thiết.

Xem Thuyết minh số 7 của báo cáo tài chính này để biết số dư phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ.

Ngân hàng Giám sát

Quý có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Giám sát phí giám sát và phí lưu ký hàng tháng bằng 0,08%/12 tính trên giá trị tài sản ròng của Quý vào ngày định giá cuối cùng của tháng.

Theo công văn số 12354/BTD-CST do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 9 năm 2010, phí giám sát thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 10%.

Tổng số tiền phải trả cho Ngân hàng Giám sát liên quan đến phí giám sát và phí lưu ký là:

	2011 VND	2010 VND
Phí giám sát và phí lưu ký	341.512.963	352.670.895

Xem Thuyết minh số 7 của báo cáo tài chính này để biết số dư phải trả cho Ngân hàng Giám sát.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

B04-QĐT

Ban Đại diện Quỹ

Chủ tịch và mỗi thành viên của Ban Đại diện Quỹ được nhận phụ cấp hàng tháng lần lượt tương đương 5 triệu Đồng và 3 triệu Đồng. Tổng số phụ cấp đã trả trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Ông Đinh Bá Thành	60.000.000	60.000.000
Ông Lương Quang Hiền	36.000.000	36.000.000
Ông Phạm Trường Giang	36.000.000	36.000.000
Ông Thái Nhị Đức	-	36.000.000
Ông Lê Văn Bé	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Chí Hiếu	-	9.000.000

Trong năm 2011, ông Thái Nhị Đức và ông John Innis Howell quyết định từ chối nhận phụ cấp.

Tại ngày 14 tháng 02 năm 2012 số lượng đơn vị quỹ do các thành viên của Ban Đại diện Quỹ nắm giữ như sau:

	Số đơn vị quỹ
Ông Đinh Bá Thành	550.000

Tại ngày 14 tháng 02 năm 2012 số lượng đơn vị quỹ do các tổ chức có các thành viên của Ban Đại diện Quỹ là người đại diện nắm giữ như sau:

Người đại diện	Tên tổ chức	Số đơn vị quỹ
Ông Phạm Trường Giang	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (Thành phố Hà Nội) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	2.500.000
Ông Thái Nhị Đức và Ông John Inniss Howell	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	16.850.000
Ông Lương Quang Hiền	Công ty Cổ phần Kinh Đô	1.040.000

10. Lỗ trên mỗi đơn vị quỹ

Lỗ cơ bản trên mỗi đơn vị quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được tính trên cơ sở khoản lỗ phát sinh trong năm là 38.318.810.616 Đồng (2010: 18.116.621.800 Đồng) và số lượng đơn vị quỹ bình quân gia quyền 50.000.000 đơn vị (2010: 50.000.000 đơn vị), được tính như sau:

	2011 VND	2010 VND
Lỗ thuần phát sinh thuộc về nhà đầu tư	(38.318.810.616)	(18.116.621.800)
Số đơn vị quỹ bình quân gia quyền (đơn vị)	50.000.000	50.000.000
Lỗ cơ bản trên mỗi đơn vị quỹ	(766)	(362)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

B04-QĐT

11. Kết quả hoạt động chưa phân phối

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	(64.453.098.695)	(46.336.476.895)
Lỗ thuần trong năm	(38.318.810.616)	(18.116.621.800)
Số dư cuối năm	(102.771.909.311)	(64.453.098.695)

12. Cổ tức

Trong năm, Quỹ không công bố và chi trả cổ tức.

13. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát

	31/12/2011	31/12/2010
I. Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư		
1. Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng giá trị tài sản	87,47%	71,43%
2. Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng giá trị tài sản	47,77%	57,08%
3. Tỷ lệ cổ phiếu niêm yết/Tổng giá trị tài sản	45,30%	54,03%
4. Tỷ lệ cổ phiếu chưa niêm yết/Tổng giá trị tài sản	2,48%	3,05%
5. Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng giá trị tài sản	39,70%	14,34%
6. Tỷ lệ các loại chứng khoán khác/Tổng giá trị tài sản	N/A	N/A
7. Tỷ lệ tiền/Tổng giá trị tài sản	9,79%	27,25%
8. Tỷ lệ bất động sản/Tổng giá trị tài sản	N/A	N/A
	2011	2010
9. Tỷ lệ thu nhập bình quân/Tổng giá trị tài sản	(6,99%)	(1,75%)
10. Tỷ lệ chi phí bình quân/Tổng giá trị tài sản	(2,63%)	(2,39%)
II. Các chỉ số thị trường	31/12/2011	31/12/2010
1. Tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành (đơn vị)	50.000.000	50.000.000
2. Tỷ lệ nắm giữ đơn vị quỹ của nhân viên Công ty Quản lý Quỹ/Tổng số đơn vị quỹ	0,00%	0,00%
3. Tỷ lệ nắm giữ đơn vị quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất/Tổng số đơn vị quỹ	65,60%	63,64%
4. Tỷ lệ nắm giữ đơn vị quỹ của nhà đầu tư nước ngoài/Tổng số đơn vị quỹ	41,47%	38,31%
5. Tỷ lệ giá trị giao dịch đơn vị quỹ/Tổng số đơn vị quỹ	10,49%	47,83%
6. Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ (VND)	7.945	8.711

Thuyết minh: N/A – Không áp dụng

Các chỉ số thị trường 2, 3 và 4 dựa trên số liệu ngày 14 tháng 2 năm 2012 và 14 tháng 2 năm 2011.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

B04-QĐT

14. Quản lý rủi ro tài chính

Quý có nguy cơ gặp các rủi ro sau từ các công cụ tài chính:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quý bao gồm chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết, trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn. Ban Quản lý của Công ty Quản lý Quý có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quý theo đúng mục tiêu đầu tư của Quý. Công ty Quản lý Quý giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng ngày. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Quản lý của Công ty Quản lý Quý có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quý phải chịu tổn thất tài chính do đối tác trong các công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quý, dẫn đến lỗ tài chính cho Quý. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tài chính mà Hội đồng Đầu tư đã phê duyệt và Quý cho là sẽ không có khoản lỗ nào phát sinh từ việc vi phạm của những tổ chức tài chính này.

Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và trái phiếu của Quý chỉ được giao dịch theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên giao dịch có chỉ số tín dụng cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hay chi trả qua Sở Giao dịch hoặc qua nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả được nợ do đó được xem là rất nhỏ.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ tiền lãi trái phiếu được nhận, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và phải thu từ cổ tức. Công ty Quản lý Quý tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quý có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quý sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quý là đảm bảo Quý luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quý bao gồm chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và trái phiếu. Chứng khoán chưa niêm yết thường có tính thanh khoản không cao. Quý đang nắm giữ các trái phiếu chính phủ ngắn hạn và các trái phiếu này được đánh giá là có tính thanh khoản cao nhất trên thị trường trái phiếu. Các khoản đầu tư của Quý vào chứng khoán niêm yết được xem là có tính thanh khoản cao vì có thể được giao dịch dễ dàng trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quý có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quý thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quý.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

B04-QĐT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 2010 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 tháng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Phải trả cho các nhà đầu tư	52.875.000	52.875.000	52.875.000
Các khoản phải trả cho Công ty Quản lý Quý và Ngân hàng Giám Sát	690.388.562	690.388.562	690.388.562
Phí kiểm toán	321.200.000	321.200.000	321.200.000
Phải trả khác và các khoản trích trước	14.829.600	14.829.600	14.829.600
	1.079.293.162	1.079.293.162	1.079.293.162

Ngày 31 tháng 12 năm 2010			
Phải trả cho các hoạt động đầu tư	660.490.000	660.490.000	660.490.000
Phải trả cho các nhà đầu tư	55.875.000	55.875.000	55.875.000
Các khoản phải trả cho Công ty Quản lý Quý và Ngân hàng Giám Sát	756.987.247	756.987.247	756.987.247
Phí kiểm toán	298.155.000	298.155.000	298.155.000
Phải trả khác và các khoản trích trước	18.581.100	18.581.100	18.581.100
	1.790.088.347	1.790.088.347	1.790.088.347

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quý hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quý nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá cả thị trường, như thay đổi về lãi suất và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quý sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại cổ phiếu và trái phiếu.

Quý đã đầu tư vào chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và trái phiếu mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá trị thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quý quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn và phân bổ các cổ phiếu và trái phiếu để đầu tư trong hạn mức được quy định của mô hình đầu tư.

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

B04-QĐT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị thị trường của các cổ phiếu niêm yết của Quỹ chiếm 45,4% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 54,3%). Trong năm 2011, chỉ số chứng khoán Việt Nam có tỷ lệ biến động hàng tháng dao động trong khoảng từ -12% đến 5%. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 12% khi các biến số khác không đổi, tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm 5,4% và lỗ thuần trong năm của Quỹ sẽ tăng lên 56,5% (31 tháng 12 năm 2010: 6,5% và 156,5% tương ứng). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tăng 5%, tài sản ròng của Quỹ sẽ tăng 2,3% và lỗ thuần trong năm của Quỹ sẽ giảm 23,5% (31 tháng 12 năm 2010: 2,7% và 65,2% tương ứng).

15. Giá trị hợp lý của tài sản và các khoản nợ tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản và các khoản nợ tài chính của Quỹ:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng	38.988.225.635	38.988.225.635	119.188.997.476	119.188.997.476
Các khoản đầu tư chứng khoán	348.418.361.476	348.418.361.476	312.369.752.722	312.369.752.722
Cổ phiếu niêm yết	180.423.402.100	180.423.402.100	236.300.697.700	236.300.697.700
Cổ phiếu chưa niêm yết	9.862.300.000	9.862.300.000	13.348.900.000	13.348.900.000
Trái phiếu	158.132.659.376	158.132.659.376	62.720.155.022	62.720.155.022
Phải thu từ các hoạt động đầu tư	10.900.796.740	10.900.796.740	5.778.239.454	5.778.239.454
	398.307.383.851	398.307.383.851	437.336.989.652	437.336.989.652
Nợ tài chính				
Phải trả cho hoạt động đầu tư	-	-	660.490.000	660.490.000
Thu nhập phải trả cho nhà đầu tư	52.875.000	52.875.000	55.875.000	55.875.000
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	690.388.562	690.388.562	756.987.247	756.987.247
Phí kiểm toán	321.200.000	321.200.000	298.155.000	298.155.000
Phải trả khác và các khoản trích trước	14.829.600	14.829.600	18.581.100	18.581.100
	1.079.293.162	1.079.293.162	1.790.088.347	1.790.088.347

Giá trị hợp lý là giá trị mà tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện, đảm bảo nguyên tắc lợi ích thông thường của giao dịch tại ngày đánh giá lại.

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết được tính dựa trên giá giao dịch trung bình tại ngày lập bảng cân đối kế toán của ba công ty chứng khoán không phải là bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu được tính dựa trên việc định giá theo tổ chức cung cấp dịch vụ định giá.
- Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

B04-QĐT

16. Quy định mới về quỹ mở

Vào ngày 16 tháng 12 năm 2011, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 183/2011/TT-BTC hướng dẫn về việc thiết lập và quản lý các quỹ mở. Theo đó, từ ngày có hiệu lực của Thông tư này là ngày 1 tháng 3 năm 2012, các nhà đầu tư sẽ được quyền hợp pháp thiết lập các quỹ mở. Thông tư này cũng cho phép các quỹ mở được hình thành từ việc chuyển đổi của các quỹ đóng nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có giá trị tài sản ròng tại thời điểm nộp hồ sơ xin chuyển đổi quỹ đạt tối thiểu năm mươi (50) tỷ Đồng;
- Danh mục đầu tư chỉ bao gồm cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, tiền và các khoản tương đương tiền với tỷ lệ hạn chế đầu tư đáp ứng quy định liên quan tại Điều 15 Thông tư này; và
- Có phương án chuyển đổi quỹ đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phải được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành thông qua.

Ban Đại diện Quỹ đã thảo luận các kế hoạch tiềm năng để chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở khi có quy định mới về việc thiết lập và quản lý quỹ mở. Tại ngày phát hành báo cáo này, Ban Đại diện Quỹ chưa có phương án cụ thể về việc chuyển đổi quỹ để trình bày trong cuộc họp thường niên của Quỹ sắp tới vào ngày 28 tháng 3 năm 2012.

17. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Tại ngày 29 tháng 2 năm 2012 giá trị thị trường của các khoản đầu tư của Quỹ đã tăng 37.743.926.936 Đồng đạt 386.162.288.412 Đồng so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do sự hồi phục chung của thị trường chứng khoán tại Việt Nam:

	31/12/2011 VND	29/02/2012 VND	Biến động VND
Đầu tư chứng khoán			
Cổ phiếu niêm yết	180.423.402.100	214.079.259.200	33.655.857.100
Cổ phiếu chưa niêm yết	9.862.300.000	10.073.300.000	211.000.000
Trái phiếu	158.132.659.376	162.009.729.212	3.877.069.836
	348.418.361.476	386.162.288.412	37.743.926.936

Thuyết minh: Trái phiếu chính phủ (26/01/2012) đã đáo hạn vào ngày 26 tháng 1 năm 2012.

18. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm kết thúc cùng ngày được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 9 tháng 3 năm 2012.

<p>Ngân hàng Giám sát</p>  <p>Lê Thị Thanh Tâm Giám Đốc và Cố Vấn Quỹ Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC</p>	<p>Công ty Quản lý Quỹ</p> <p>KT. Kế toán trưởng Trưởng phòng Giao dịch Quản lý Quỹ</p>  <p>Phan Trinh Truc Ngày 9 tháng 3 năm 2012</p>	<p>Quyền Tổng Giám đốc</p>  <p>Hendrik Gerrit Ruitenberg</p>
---	--	---

Ghi chú

Những thông tin nêu trong tài liệu này không nhằm mục đích chào mời mua chứng chỉ quỹ đầu tư và chỉ để dành cho các nhà đầu tư hiện hữu. Những thông tin này không được phép công bố, phát hành, sửa chữa hoặc phổ biến từng phần hoặc toàn bộ nếu không được Công ty Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Eastspring Investments") đồng ý trước bằng văn bản.

Chúng tôi luôn nỗ lực cung cấp những thông tin trung thực và khách quan trong tài liệu này, tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo giới thiệu đầy đủ những thông tin mà các nhà đầu tư mong muốn. Các nhà đầu tư nên cân nhắc kỹ càng trước khi sử dụng những thông tin này. Mọi ý kiến và ước tính nêu trong tài liệu này đều có thể thay đổi mà không cần phải thông báo trước. Chúng tôi không nghiên cứu, tìm hiểu mục tiêu đầu tư, tình trạng tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của mọi cá nhân hoặc nhóm người nào nhận được tài liệu này. Do đó, chúng tôi

không đảm bảo và không chịu trách nhiệm về mọi thua lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp xảy ra cho mọi cá nhân hoặc nhóm người nào sử dụng những thông tin hoặc ước tính nêu trong tài liệu này vào mục đích đầu tư. Kết quả hoạt động trong quá khứ của các nhà quản lý quỹ đầu tư và mọi dự đoán không phải là cơ sở để đảm bảo những kết quả tương tự trong tương lai. Giá trị và thu nhập từ hoạt động đầu tư có thể tăng hoặc giảm. Những dự đoán hoặc dự báo về toàn bộ nền kinh tế, thị trường chứng khoán hoặc xu hướng phát triển của những thị trường mà quỹ đầu tư đang nhắm đến không phải là cơ sở để đảm bảo quỹ đầu tư này sẽ đạt được những kết quả tương tự trong tương lai.

Công ty Quản lý Quỹ Eastspring Investments là một công ty trực thuộc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, thuộc sở hữu của Tập đoàn Prudential Anh Quốc. Eastspring Investments và Tập đoàn Prudential Anh Quốc không có mối quan hệ gì với công ty Prudential Financial, Inc., một công ty có trụ sở chính tại Mỹ.





CONTENTS

1. Introduction	
• Overview	68
• The fund's highlights	69
• Message from the Chairman of Fund Representative Board	72
• Message from Chief Executive Officer	74
2. Fund manager's report	
• Economic & market review 2011	78
• 2012 Outlook	84
• Fund performance report	85
3. The Fund Representative Board	94
4. Financial statements	100
5. Disclaimer	124



INTRODUCTION

Overview

PRUBF1 Overview

Fund Investment Objective:

PRUBF1 is a close ended fund listed in Ho Chi Minh City Stock Exchange.

The investment strategy of fund is to invest in a balanced portfolio, comprising of fixed income instruments (medium to short term bonds) and public equities of leading companies operating in Vietnam in high potential industry sectors.

Licensed date: 5 October 2006

Listing date: 4 December 2006

Tenor of fund: 7 years from Licensed date

Ticket symbol: PRUBF1

Listed exchange: Ho Chi Minh City Stock Exchange

Contributed fund size: 500 billion VND

Fund domicile: Vietnam

Investment manager: Eastspring Investments Fund Management Company

Supervisory bank: HSBC Vietnam

Eastspring Investments Fund Management Company

In Vietnam, 9 December 2011, the company received the amended license from SSC for the name change to Eastspring Investments Fund Management Company from Prudential Vietnam Fund Management Company. The new brand allows us to operate under one common brand with characteristics that are more closely associated with an Asia investment management specialist. We position ourselves as "The Asia Investments Expert The World Trusts".

We have retained the foundation attributes of the shareholder structure, fund management philosophy, investment strategy and strong relationship with the Prudential Group. Eastspring Investments Fund Management Company is the combination of the international experience of an international fund management firm and the local expertise of a well established fund management company. Eastspring Investments in Vietnam is the fund manager of a Prudential Balanced Fund listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange, portfolio manager of Prudential Life's assets and non discretionary fund manager of a number of offshore funds investing in Vietnamese assets. We manage a wide variety of asset classes: bonds, public equity, private equity and property.

Eastspring Investments Fund Management Company is committed to the Vietnamese Fund Management industry. We look forward to the further development and to accelerate growth in the local capital market.

Eastspring Investments Fund Management Company, part of Prudential Corporation Asia, is Prudential's asset management business in Asia. Eastspring Investments is one of Asia's largest asset managers, with operations in ten markets, approximately 2,000 employees in Asia and about USD80bn (about GBP50bn) in assets under management.

Eastspring Investments manages funds on behalf of a wide range of retail and institutional investors, including life and pension products sold by Prudential in the UK and across Asian countries.

Eastspring Investments has investment teams in eight markets, including our regional hub in Singapore. Eastspring Investments has a large team of Asia-based investment managers who manage funds across a broad range of asset classes including one of the largest Fixed Income portfolios in Asia, Asia equities (including global emerging market equities) and alternative assets including private equity, property and infrastructure. Eastspring Investments' team also encompasses a specialist Global Asset Allocation team which manages portfolios worldwide from the respective of world's fastest growing region.

The fund's highlights

a. Financial highlights

- Gross return (before management and supervisory fees) was -6.5% for the year. The VN-Index reported -24.4% (including cash dividend).
- Net Asset Value (NAV) of VND397.2bn (USD19.1m)
- Assets allocated 47.1%, 42.9% and 10% to equity, bonds and cash at 31 December 2011.
- No overdue for the outstanding receivables as of 31 December 2011.
- The fund did not qualify condition to declare dividend for fiscal year 2011.

b. Operational highlights

- On 12 January 2011, Prudential Vietnam Assurance Private Limited (PVN) had completed a Public Tender Offer to acquire units of PRUBF1. With 33.7% of the outstanding units it has become the largest shareholder.
- March 2011, the Annual General Meeting appointed John Inniss Howell, Chief Executive Officer of PVN, as the sixth member of the Fund Representative Board.
- The Fund Representative Board held 4 quarterly meetings to discuss the funds investment strategy with the fund manager.
- The fund manager changed its name into Eastspring Investments Fund Management Company effective from 9 December 2011.



Message from the Chairman of Fund Representative Board

Dear Investors,

It has been 5 years since the Prudential Balanced Fund (PRUBF1) was established, almost three fourth of the fund's life. During this period, the market went through many challenges and turbulences in both the global and domestic economy. Accompanied the PRUBF1 during this time, the FRB had always strived to advise and oversee the fund's activities in order to limit the fund risks and protect investors' wealth. Thus, I, as the representative for the FRB, would like to take this opportunity to summarize the market conditions and fund activities during the year for the Investors.

2011 was a challenging year for both the global economy and Vietnam's. Slower growth clouded the EU and US while high external debt became prominent in many countries across regions. In Vietnam, the economy was confronted with problems in both macro and micro level:

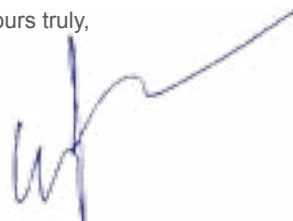
- GDP growth slowed down to 5.9% compared to 6,8% in 2010. Inflation increased rapidly and peaked at 23% by August 2011 forcing the SBV to maintain tightening policy to control inflation.
- Liquidity problems in several small and medium banks pushed the interest rate to one of the highest level in history.
- The VND depreciated by almost 10% at the beginning of the year and was only stabilized by year-end.
- Many companies struggled because of the decline in market demand and rising funding cost.
- Affected by such problems, investors' confidence on the equity market weakened.
- The market was volatile and continued to decline throughout 2011.

Operated in such a difficult investment environment, PRUBF1 like other public funds did not generate positive return for Investors. However, in 2011, PRUBF1 outperformed the benchmark and peers. The performance was driven by the Fund Manager's appropriate investment strategy and asset allocation during the year. The market decreased 28% compared to the end of last year (the VN-Index decreased from 484.7 to 351.6) and the NAV of other public fund decreased from 20% to 40%. Meanwhile, the NAV of PRUBF1 was protected, decreased only by 8%.

In 2012, the Fund Representative Board will continue to actively represent the investors to supervise, consult, and discuss investment strategy with the Fund Manager to improve the fund's performance. I also would like to extend my most sincere appreciation to the investors for accompanying, supporting, and contributing to the Fund's establishment, operation and development. I believe that the PRUBF1 will continue to success until maturity and the Investors will continue to trust and support the PRUBF1.

We wish all investors and the fund PRUBF1 a very successful year in 2012..

Yours truly,



Dinh Ba Thanh
Chairman of Fund Representative Board



Message from Chief Executive Officer

Dear Investors,

The year under review, 2011, marked the fifth year of operations for Prudential Balanced Fund – PRUBF1. Like the year before, the Fund had to operate in a challenging macro economic and investment environment. High inflation, high interest rates and devaluation of the VND were characteristics of the year under review. This is best illustrated by the VN-Index which dropped 28% in 2011, making Vietnam one of the worst equity market performers in the region.

We acknowledge that these are structural problems with a long lasting effect. However, we would also like to refer to some positive factors which might lead to more optimism: The GDP growth in Vietnam remained stable despite the global economic slowdown. The inflation rates dropped in recent months and the VND became more stable thanks to the government intervention. These trends coupled with the long term growth story of Vietnam are a base for a more optimistic (but still cautious) outlook.

Although the investment environment started showing positive signals, it remains challenging. Thus, a balanced investment strategy, executed in an active and risk-return oriented way to protect the value of the fund was our approach during the year 2011. The 2011 investment performance of PRUBF1 strengthened us in the conviction that this is a right approach. No public fund in the Vietnam market had a positive growth in NAV, PRUBF1 is not an exception. However, PRUBF1 did outperform its benchmarks for both equity and fixed income asset classes, 3.3% and 5.4% higher return than the benchmarks accordingly (The benchmark is the return of VN-Index and three year government bond for equity and fixed income assets under PRUBF1 respectively). As a result, PRUBF1 showed better NAV performance than other public funds in the same market.

PRUBF1 is coming in its final stage. It will mature in less than two years. The Fund Manager has gradually restructured the portfolio to take the shortening of the investment horizon into account. Some restrictions will be applied for investment activities in the remaining period, mainly with regard to liquidity.

Elsewhere in this report reference is made to the name change of the Fund Manager: Eastspring Investments Fund Management Company. This has been implemented in order to allow a common brand for international sales. We would like to stress that the name change has no impact on the investment approach, organizational structure and shareholdership. The link with the Prudential Group UK is firmly established.

We would like to thank you for your confidence in our organization.



Hendrik Gerrit Ruitenberg
Acting Chief Executive Officer





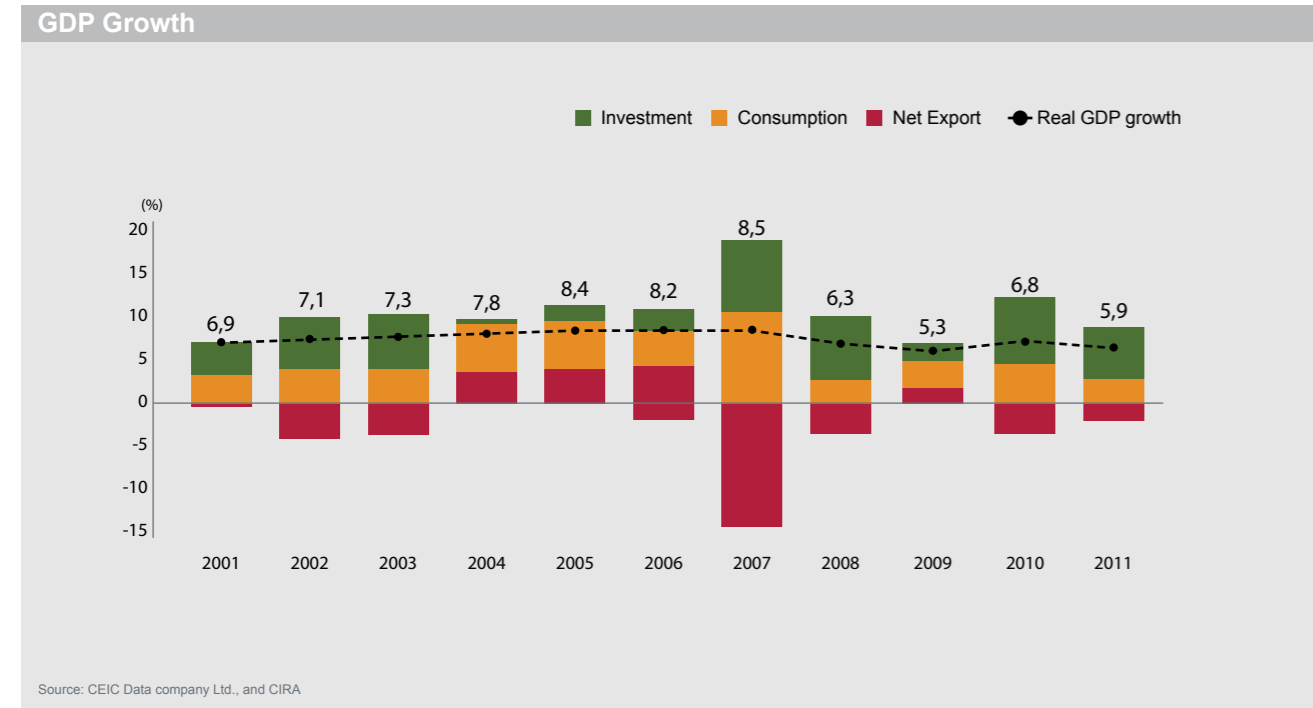
FUND MANAGER'S REPORT

Economic & market review 2011

Macro Economy

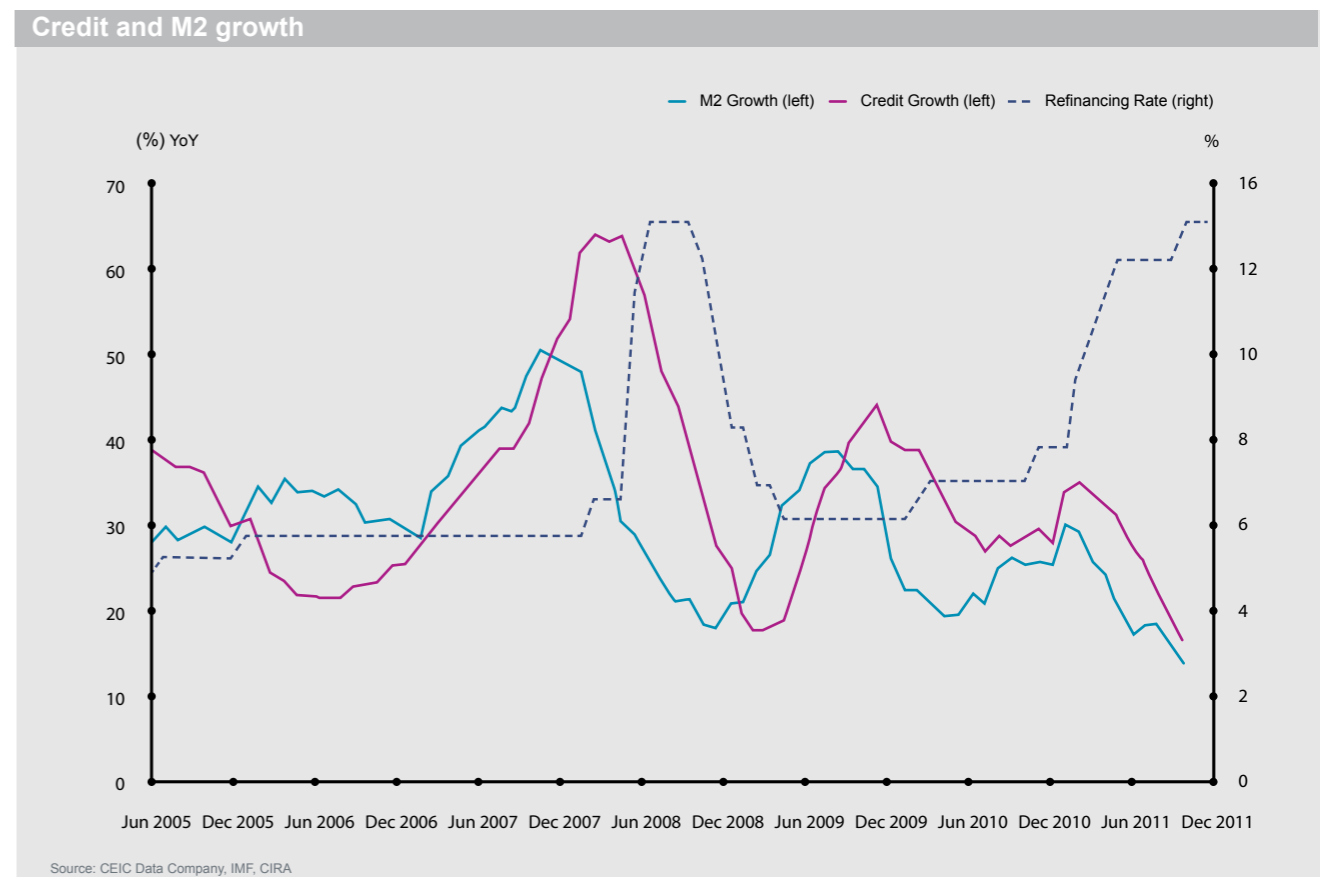
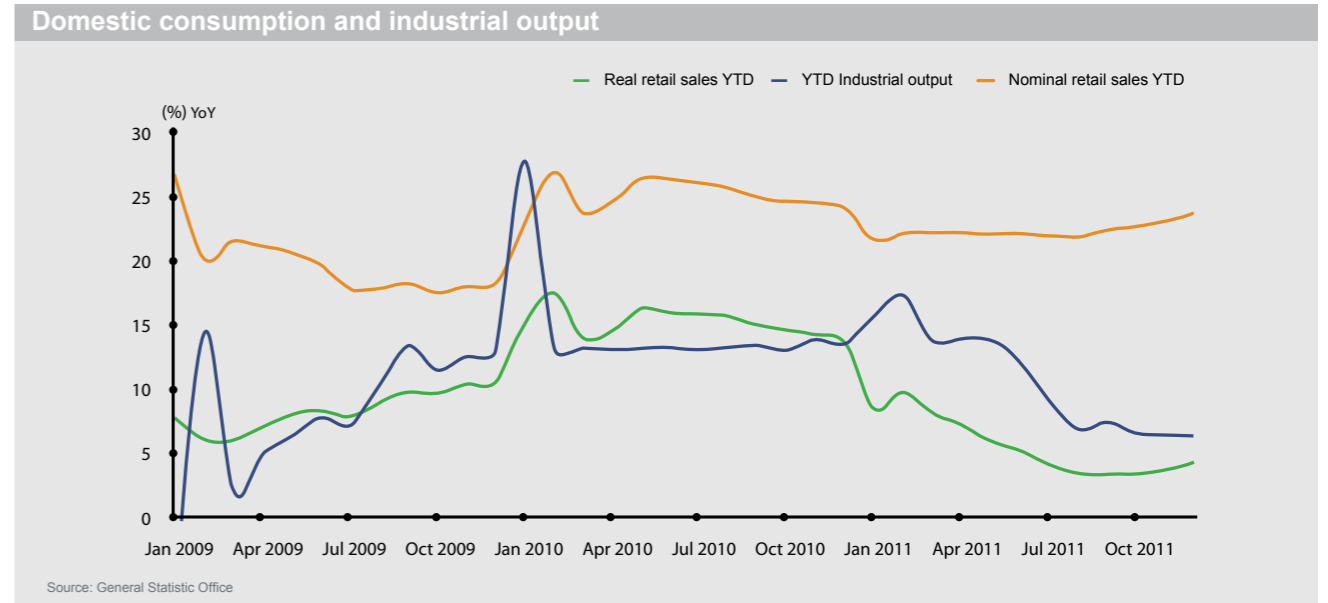
2011 was a challenging year for the global economy and Vietnam

2011 was a challenging year for the global economy and Vietnam was not an exception. Slower growth in the US and EU region softened Vietnam's export demand. In addition, the tightening policy by the SBV to tackle inflation lowered domestic industrial activities. For the full year of 2011, GDP growth was 5.9% compared to 6.8% in 2010. This is the second lowest year of GDP growth in the last decade, only higher than 2009 the year after the global financial crisis started.



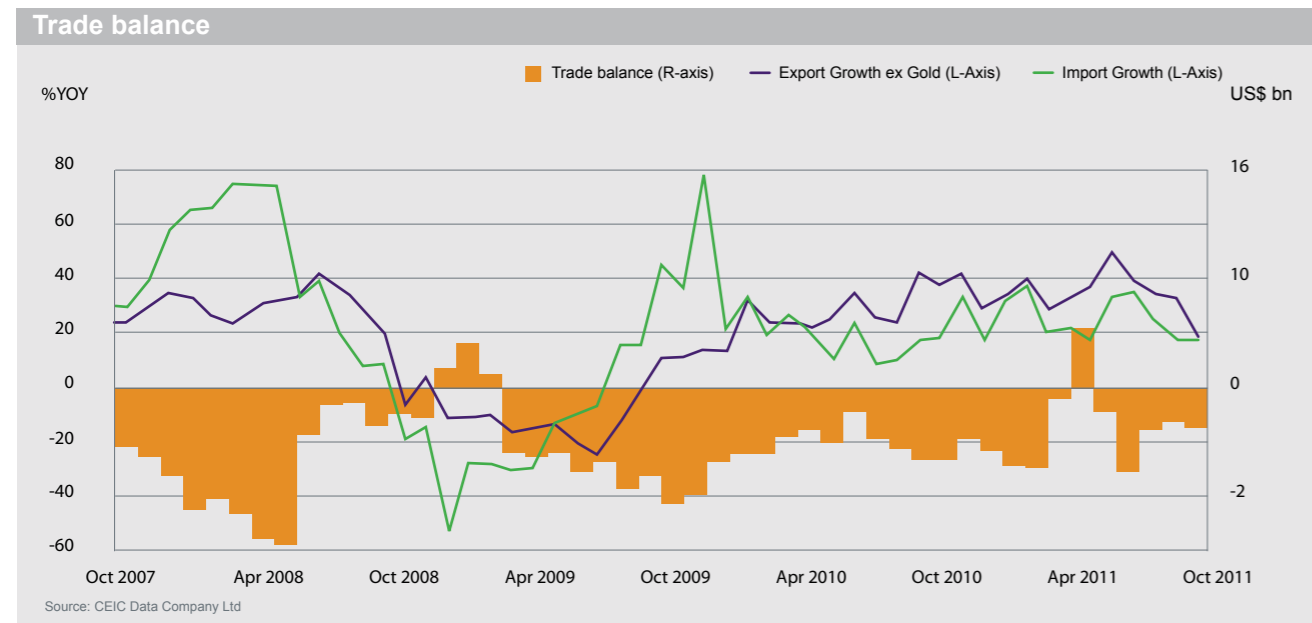
Domestic consumption and industrial production were affected by tightening policy

Since January 2011, inflation MoM stayed above 1% for 7 consecutive months. This caused the SBV to maintain its tightening policies throughout 2011. Credit and M2 (money supply) growth were limited at 20% and 15% respectively, significantly lower than the growth in previous years. Domestic consumption and production weakened because of such measures. Nominal retail sales remained relatively stable with average YoY growth of 22.8%. However, real retail sales (ex-inflation) rapidly declined due to rising cost-pushed inflation registering an average YoY growth of 6.1% compared to 15.6% in 2010. Industrial production growth also softened from an average YoY growth of 14.9% in 2010 to 11.2% in 2011.



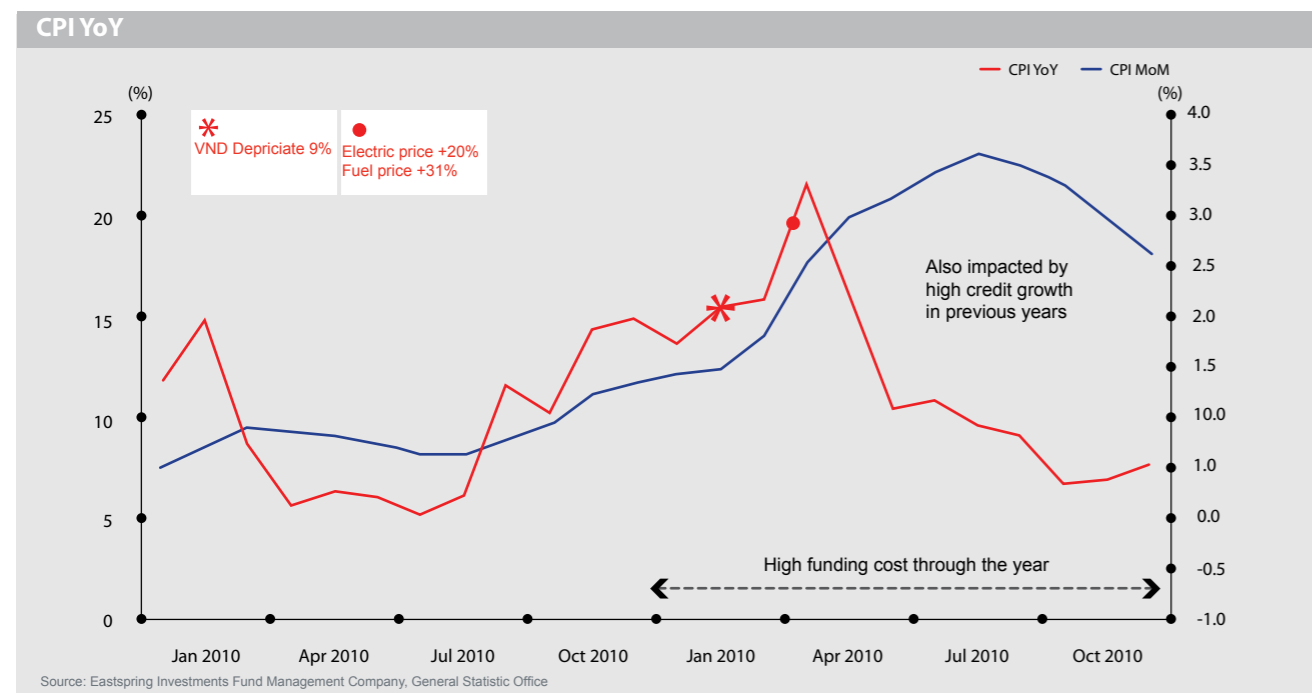
Vietnam export was negatively impacted by the slowdown in developed countries but still supported by high commodity prices

Slower growth in developed countries, Vietnam major export destinations, also softened Vietnam export demand. However, overall export still grew by 33.3% YoY higher than the level of 25.5% in 2010 due to a strong increase in global commodity prices. If price effect was excluded, export only grew by 11.4% YoY compared to 13.4% in 2010. Strong increase in export value helped to narrow Vietnam's trade deficit to \$9.4B compared to \$12.4B in 2010. With strong foreign capital inflows i.e. FDI disbursement, ODA, remittances, the balance of payment became positive again after 2 years in negative territory (Ministry of Finance).



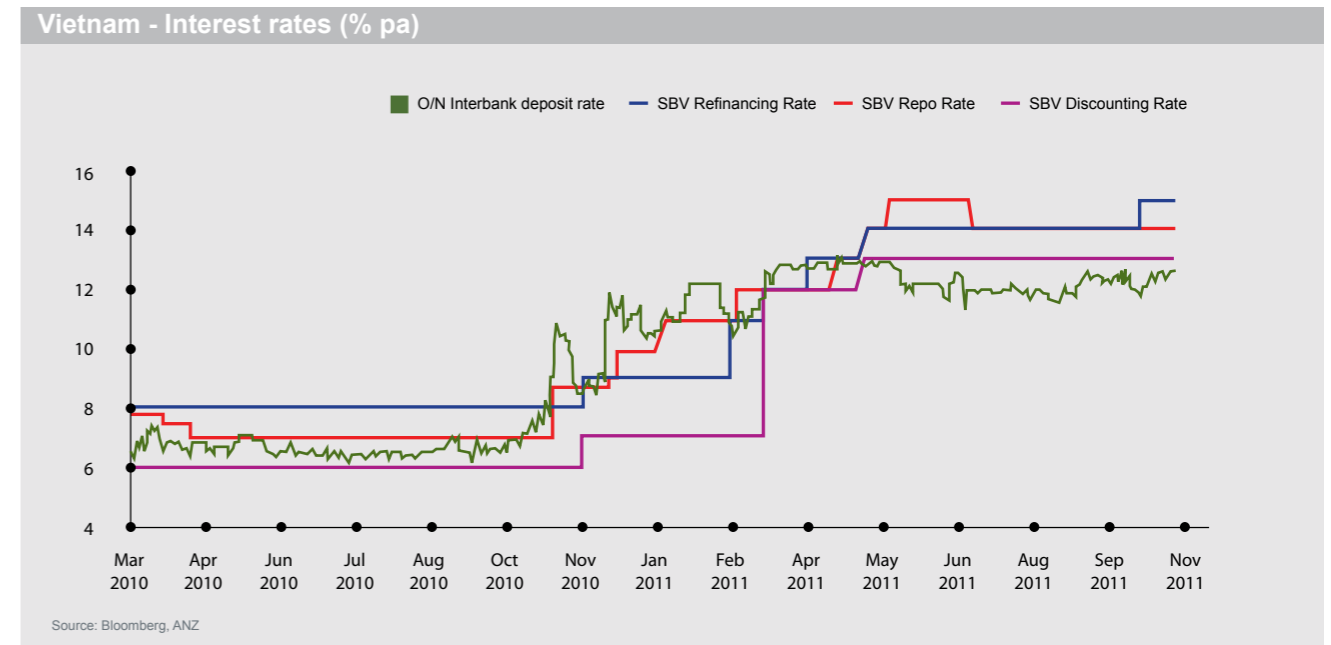
“Cost-pushed” inflation in 2011 was the key issue

In 2011, Vietnam economy was tested in many fronts with cost-pushed inflation being the key issue. In an effort to bridge the gap between domestic and regional key commodity prices, the government increased the price of electricity by 20% and gasoline by 31%. In addition, as Vietnam still had to import many input materials, the VND depreciation of 9% during February added more fuel to the fire. These effects together pushed CPI YoY to the peak of 23% by August 2011.

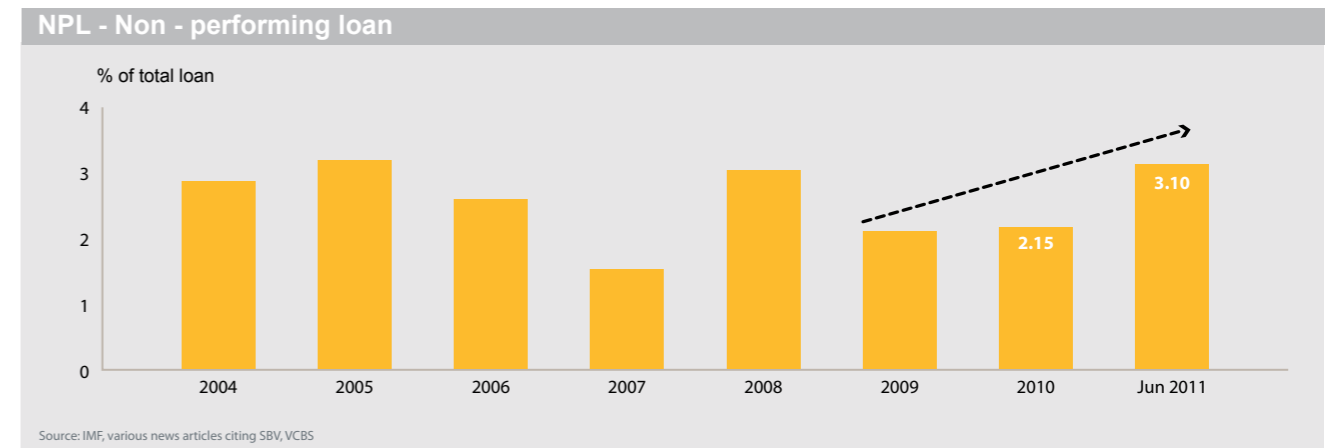


Tightening policy started to reveal the fragility of Vietnam banking system

Pushed by high inflation, the SBV issued a series of tightening monetary measures in 2011. These measures included 5 key policy rates hikes as well as cut funding through refinancing and repo channel. The SBV also limited credit and M2 growth, and for the first time classified real estate credit as non-production loan. As a result, many small and medium local banks had to go into an interest rate race to maintain its liquidity balance. Yet, some banks still had difficulty on raising enough capital to meet due obligations.



Tightening policy revealed not only the fragility of the banking system but also the dependency of Vietnam economic development on capital. Higher interest rate cost negatively affected company operations. By Q3 of 2011, many companies despite registering an impressive growth in revenue saw their net profit increasing marginally. In addition, without easy credit from banks, the real estate and construction sector suffered pushing NPLs of banks upward. According to the SBV, the NPL ratio in the banking system rose from 2.15% in end of 2010 to 3.1% in end of June 2011.



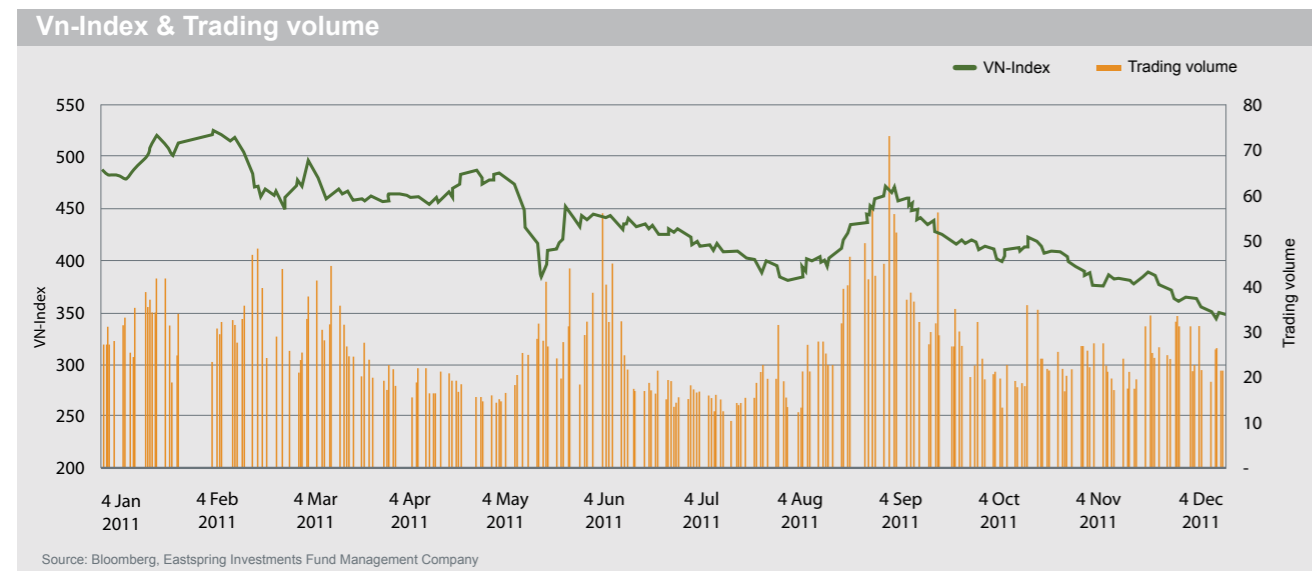
The restructuring of the banking system will be the key in 2012

As such, a restructuring plan of the banking system has been made one of the top priorities of the government in upcoming years. The plan will be directly supported by the SBV and the SOCBs. How the banking system restructuring plan unfolds amid anticipated lower credit growth will be the key to Vietnam macro condition in 2012 and following years.

Equity Market

The VN-Index down trend was reinforced by rising inflation, high interest rate level and concerns within the banking system

The VN-Index ended the year at 350 level, 28% lower than 2010.



In the first half of 2011, concerned by persistent inflation and attracted by high deposit rates, retail investors gradually withdrew capital from the stock market. In addition, the SBV issued a series of measures discouraging lending for investments in securities and increasing capital requirement of securities firms. Together, these movements led to a decline in the stock market in a broad range of sectors. However, the VN-Index only decreased approximately 10%. It would have declined much more if not for the strong performance of a few large cap stocks especially the top three stocks MSN, VIC, and BVH which were heavily bought by ETFs.

However, in the second half of 2011, with tightening policy kept in place, many company earnings were impacted by high interest rate costs. The deterioration in company fundamentals and rising concerns about the Vietnam banking sector reinforced the downward trend of the VN-Index. In addition, corporations started to divest their financial investment portfolios putting further pressure on the VN-Index. As such, the VN-Index ended the year at 350 level or 28% lower than the level at end of 2010.

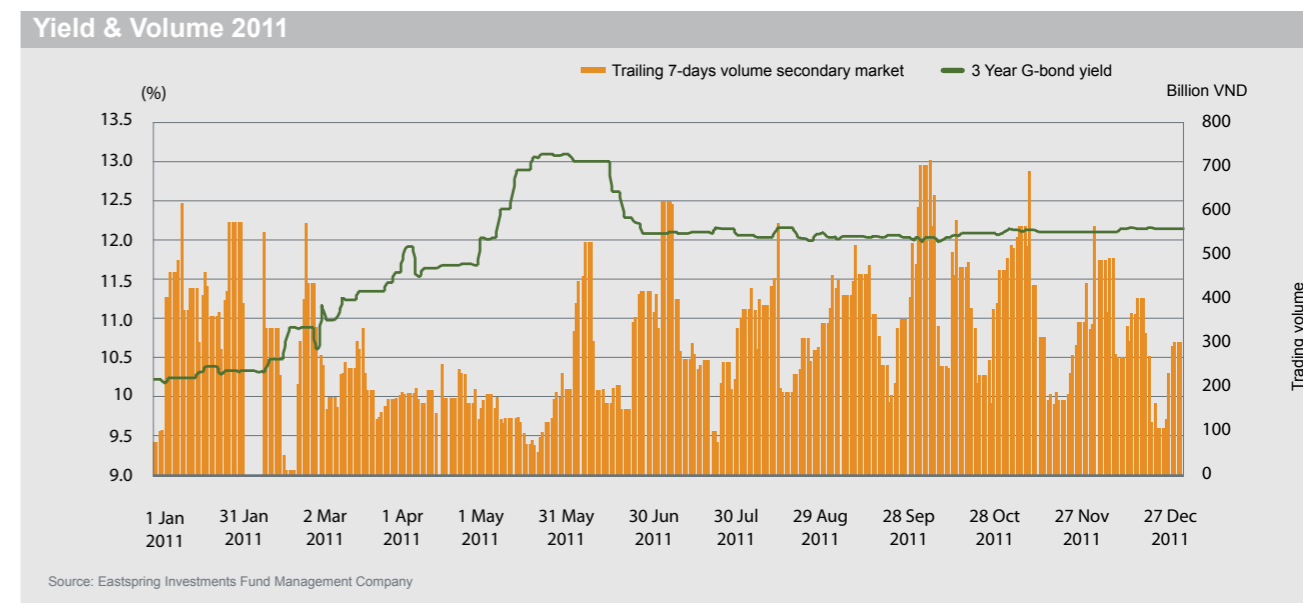
Fixed Income Market

The bond yield increase and remained stable at high level due to high inflation and rising risks within the banking system.

During Q1 of 2011, despite rising inflation, 3 year government bond yield remained relatively stable with an increase of approximately 50 bps. During this period, the SBV pumped a substantial amount of low rate capital via the OMO and refinancing channels. In order to access these channels, banks need government bonds to use as collateral, thus supporting demand for bonds and pushing yield down.

In Q2 of 2011, however, as inflation continued to stay high and policy rates were hiked consecutively reaching the peak of 15% by midyear, demand for bonds quickly deteriorated. Trading volume in secondary market and volume in primary market were both sluggish. The 3 year government bond yield increased by almost 120 bps which decreased the value of a bond by approximately 5%.

During the second half of 2011, bond yields remained stable as the result of two counter forces: On the one hand, unattractive bond yields offered in both primary and secondary markets and rising demand for cash negatively affected demand for bonds by banks. On the other hand, bond demand is supported by the need to use bond as collateral in interbank lending when confidence among banks deteriorated.

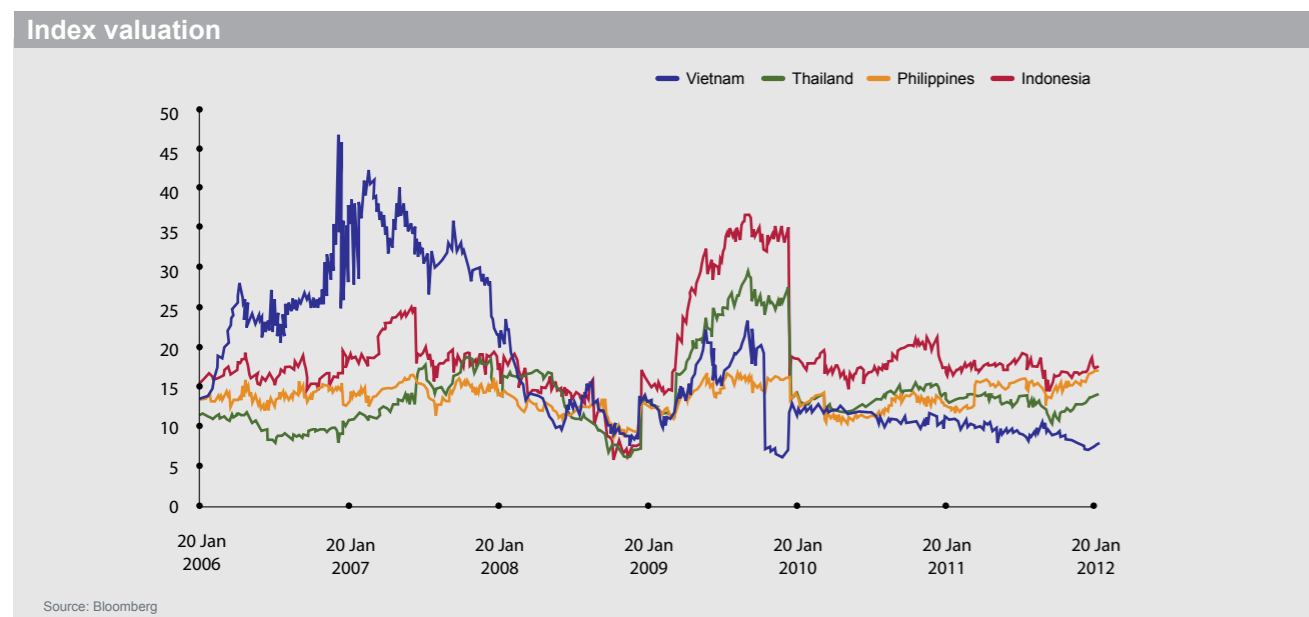


2012 Outlook

2012 outlook is expected to improve due to consistent government policy, the more stable VND and improvement in the balance of payment

We become increasingly optimistic about Vietnam outlook in 2012 due to the consistency of SBV in implementing monetary policy, the more stable VND, and the improvement in the balance of payment. However, in the short term, lower GDP growth is expected in trade off for long term macro stability.

During this period, the equity market might remain volatile and highly reactive to releasing news. We think that selective investment in sectors with stable consumption demand (i.e. non-cyclical consumer goods) or have a strong financial capacity will bring benefits for investors. In the long run, we increasingly become optimistic about the equity market as the VN Index valuation is currently at one of its lowest levels historically and compared to other markets in the region.

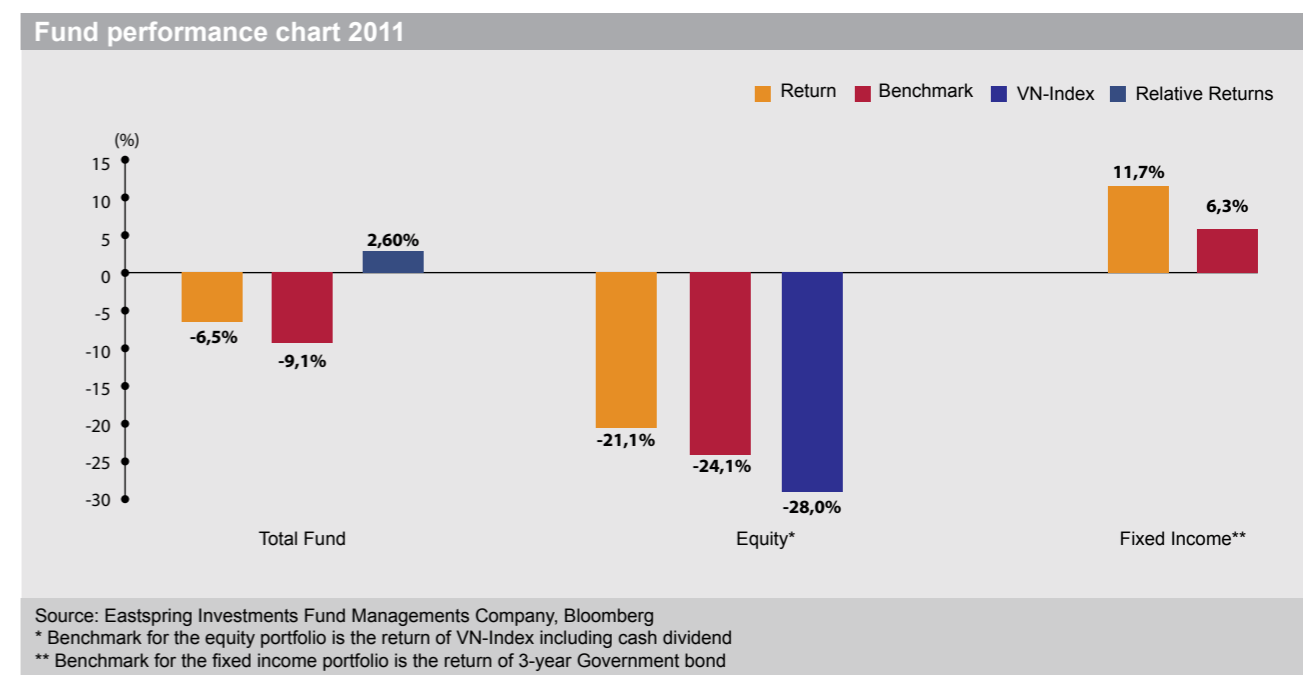


As reduced inflation rate supports a lower interest rate level, bond yields are also expected to decrease. However, risks within the banking system and other macro uncertainty factors might prevent a significant decline of bond yield.

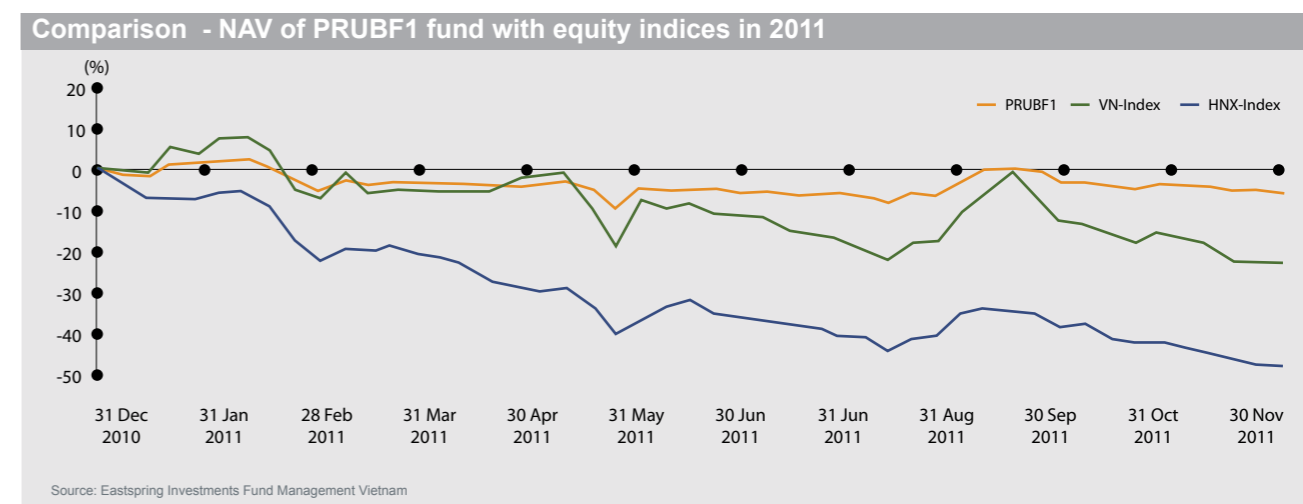
Fund performance report

a. Overall fund performance results

In 2011, PRUBF1 Fund outperformed its benchmark 2.6%, of which the benchmark return is the combination of 50% return of the VN-Index and 50% return of the 3-year Government bond. The equity portfolio of PRUBF1 declined 21.1% while the VN-Index dropped 28% and the HNX-Index decreased 50%. The fixed income portfolio earned 11.7% whilst the return of the three year bond was 6.3%.



b. Net asset value (NAV) report

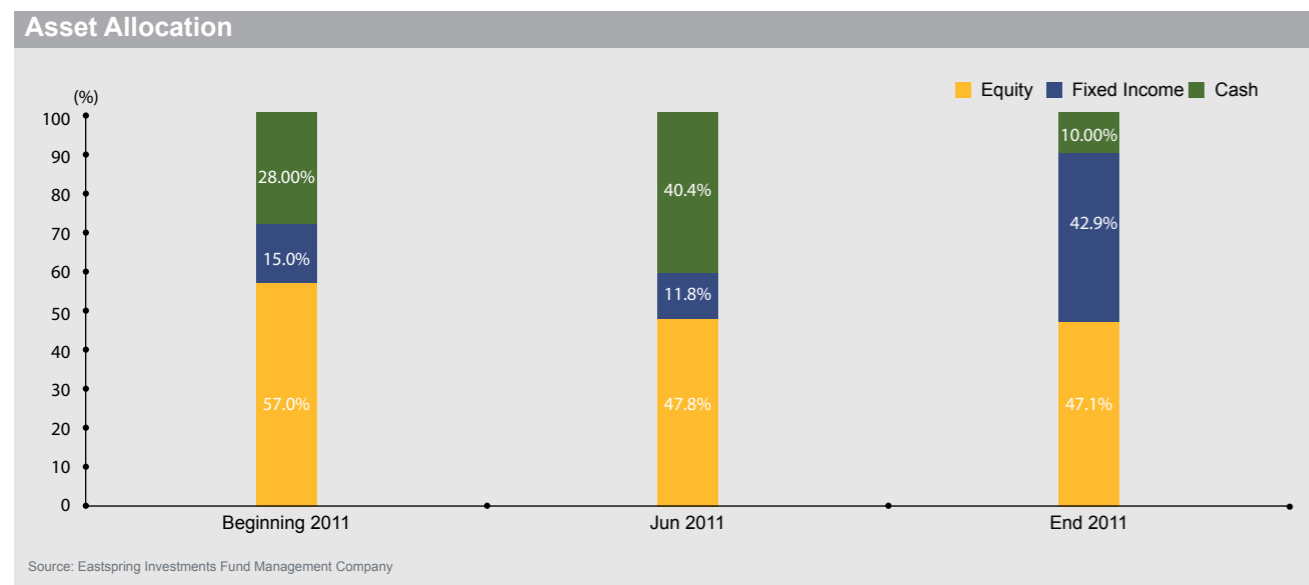


As of 31 December 2011, total NAV of the fund was VND397.2bn, so the NAV per unit was VND 7,945. During the year, the fund has decreased 6.5% in term of absolute value (and reduced 8.8% after fees), while the VN-Index and HNX-Index dropped 28% and 50% respectively.

c. Asset allocation

Throughout the year, the fund manager of PRUBF1 took a careful stance on equity and fixed income markets. The position of high cash was maintained in order to limit the risks for the fund due to the negative movement in the equity market, and to reserve for new investment opportunities when the equity and bond markets would become more favorable.

In the beginning of 2011, the equity exposure was 57% of the total fund while the fixed income portion was 43% (including 28% for cash holdings). In the course of the year, occupied by macro uncertainties and depressed corporate earnings due to high funding costs, the fund manager gradually decreased the allocation in equity and maintained a high cash portion in the fund.



At the end of June 2011, the equity exposure was lowered to 47.8% of the total fund (lower than the benchmark allocation of 50%) and the fixed income and cash holdings were increased to 52.2% (cash holdings was kept at 40.4% of the total fund).

In November 2011, the fund manager started to increase the bond allocation. As of 31 December 2011, the investment exposure to equity, bond and cash were 47.1%, 42.9% and 10% respectively.

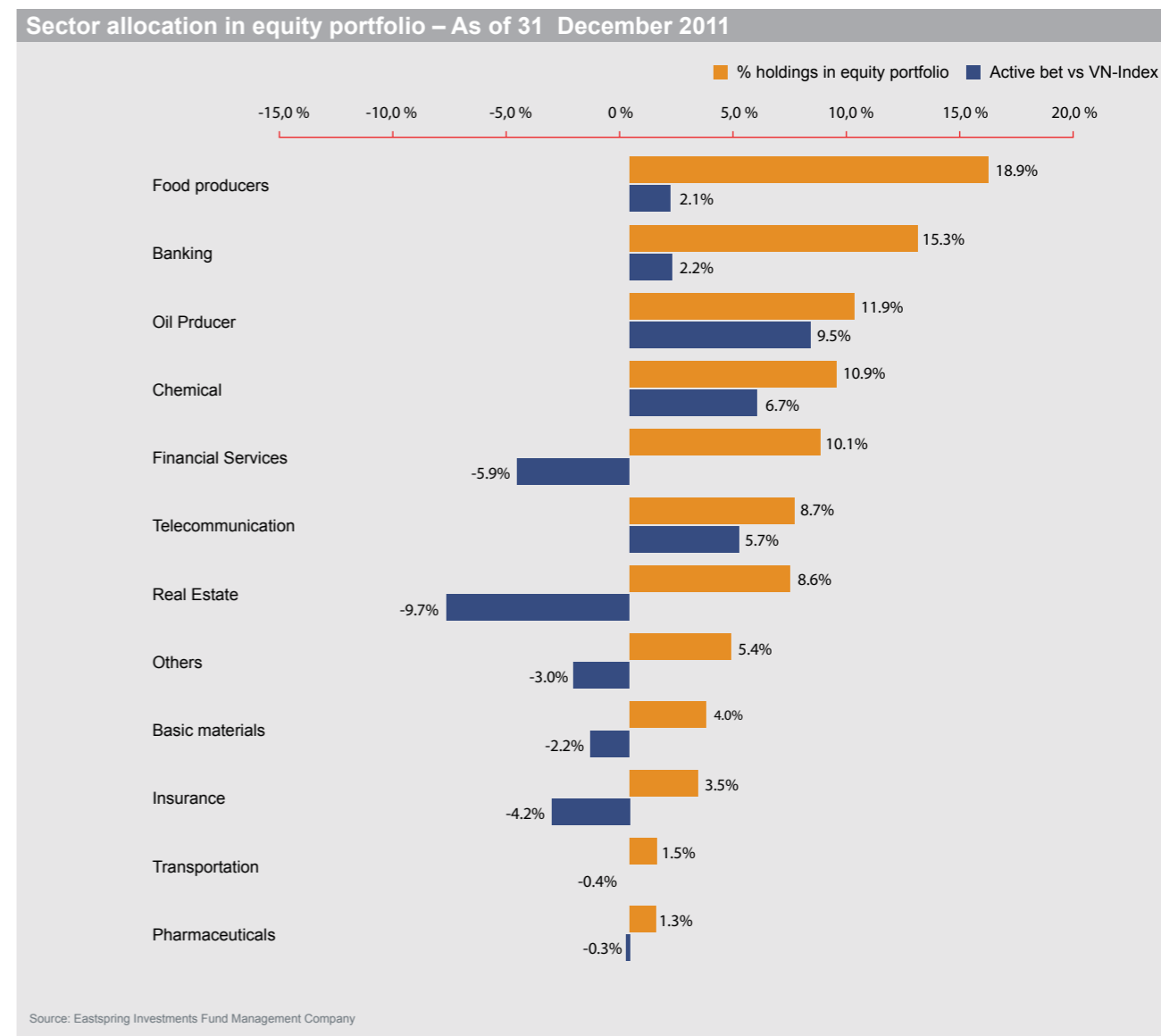
d. Portfolio activities

In 2011, the Fund Manager spent considerable efforts to restructure the equity and fixed income portfolios in order to maximize the return of the total fund.

Equity portfolio

The equity investment strategy was to concentrate on medium to big cap stocks that have solid business models and high competitive advantage. It is proven that those companies can maintain a high growth prospect even in the context of macro uncertainties and a high interest rate environment.

In terms of sector selection, the fund maintained overweight positions in Food producers (top holdings are Vietnam Dairy Products - VNM), Chemical (Petro Vietnam Fertilizer & Chemical – DPM), Fixed line telecommunications (FPT Corporation – FPT), Oil equipment, Service and Distribution (Petro Vietnam Drilling – PVD, Petro Vietnam Southern Gas–PGS, Petro Vietnam Gas –PVGas) and Banking (Bank For Foreign Trade - VCB, Vietnam Commercial Bank – CTG). Meanwhile, the fund kept underweight positions in Financial Services (Masan Group Corporation – MSN), Insurance (Bao Viet Holdings – BVH) and Real Estate Investment and Service (Vincom – VIC).



Some examples of Sector selection

The following examples of investment exposure that the fund had in some sectors helped to limit the decrease in equity portfolio value when the bear market became dominant during the year.

At the end of 2011, the investment in the Food producer sector accounted for 18.9% of the equity portfolio, recording a positive absolute return of 7.6% for this portfolio. For this sector, the exposure in Vinamilk was at 15.7%, which contributed about 7.1% absolute return to the equity portfolio thanks to its share price increase 53% during the year. Vinamilk continues to be one of top stock picks because of good fundamentals with the powerful brand name, high market share and sustainable growth in revenue and profit.

Regarding the Banking sector, the fund manager made a right choice for some stocks whose share prices decreased at a lower rate compared to that of the VN-Index. For example, the three stocks in banking sector chosen are VCB, CTG and ACB, accounting for 11.3% total equity portfolio. These three stocks' prices decreased 15% on average during last year, 13% and 35% lower than the decrease of the VN-Index and HNX-Index respectively.

The fund also had a positive performance track record for its investment in Telecommunication and Oil sector. The names in these sectors which the fund PRUBF1 did have investment in are FPT and PVD.

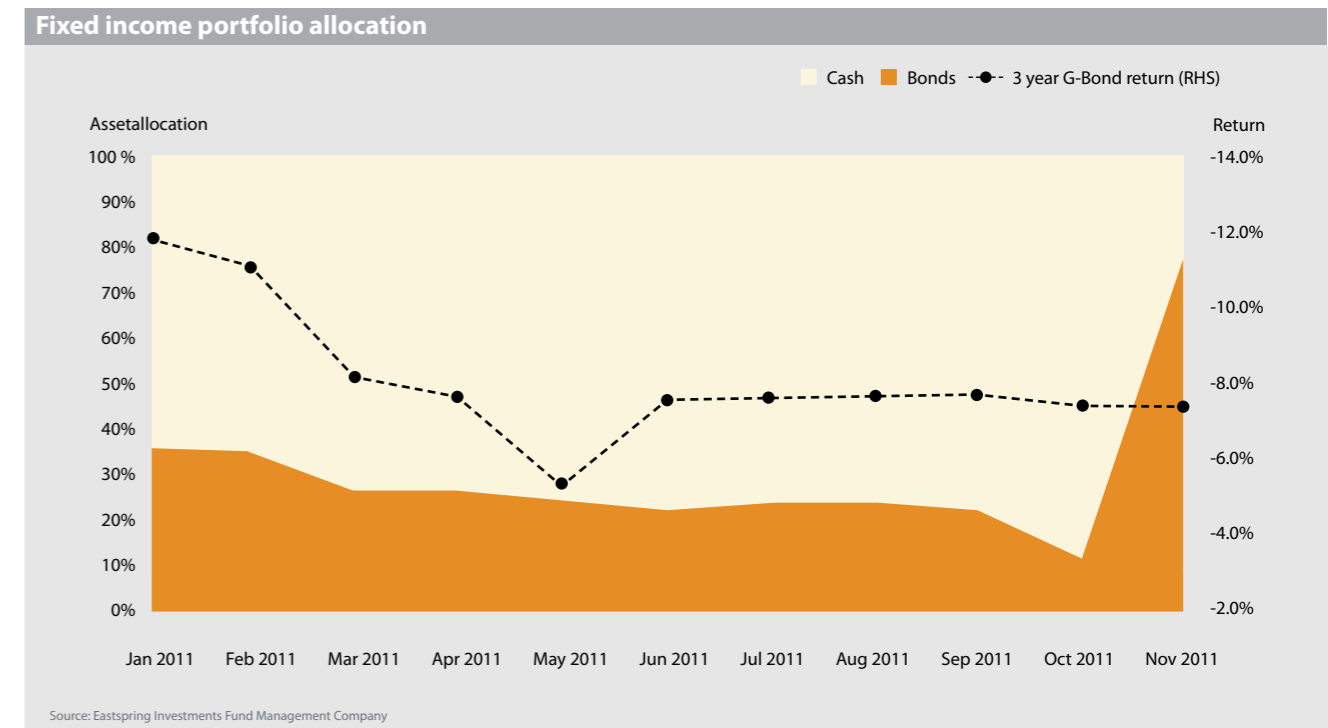
As of December 31, 2011, top stock holdings were:

Company	% Equity portfolio
Vietnam Dairy Products Jsc (VNM)	15.7%
FPT Corporation (FPT)	8.8%
Masan Group Corporation (MSN)	7.6%

Fixed Income Portfolio

For the major part of 2011, the fund manager maintained a high cash exposure in order to limit the risks for the fund and be ready to invest when opportunities appear. At the end of October 2011, cash and bond represented 40.7% and 11.8% of total fund size.

In general, the investment strategy for the fixed income portfolio did catch opportunities when the market moved during the year. Up to May 2011, the 3-year Government bond yield increased 250 basis points to 12.9%, subsequently it decreased 80 basis points to 12.1% and remained stable at that level until the end of the year. That means the annualized return of bond portfolio during last year was around 6.3%, considerably lower than the return of cash (12% - 14%). Hence, the strategy of high cash and low bond exposure helped the fund to achieve a return of 11.7%, considerably higher than its benchmark of 6.3%.



In November 2011, in anticipation of declining interest rates as inflation drivers had been in good control, the fund manager bought VND135bn of 5-year Government bonds. As a result, the bond portion increased from 15% at the beginning of the year to 42.9% of the total fund at the end of the year.





FUND REPRESENTATIVE BOARD

**Mr. Dinh Ba Thanh****Mr. Le Van Be****Mr. John Inniss Howell****Mr. Thai Nhi Duc****Mr. Luong Quang Hien****Mr. Pham Truong Giang**

Members of the Fund Representative Board

On 25 March 2011 at the fifth Annual General Meeting (AGM), Mr. John Inniss Howell, Chief Executive Office of Prudential Vietnam Assurance Private Limited (PVN), was elected as the sixth (6) member of the Fund Representative Board (FRB). The FRB consists of the following six (6) members. Two (2) members have been appointed by Prudential Assurance Limited Company, who holds a substantial shareholding with approximately 33.7% of PRUBF1 outstanding units:

- | | |
|----------------------------------|--|
| 1) Mr. Dinh Ba Thanh | Group Chairman & CEO - DatVietVAC Group Holdings - Chairman of FRB |
| 2) Mr. Le Van Be | First Vice Chairman Board of Directors - Military Commercial Joint Stock Bank - FRB Member |
| 3) Mr. John Inniss Howell | Chief Executive Officer - Prudential Vietnam Assurance Private Limited - FRB Member |
| 5) Mr. Thai Nhi Duc | Chief Corporate Governance Officer - Prudential Vietnam Assurance Private Limited - FRB Member |
| 4) Mr. Luong Quang Hien | Managing Director - Kinh Do Corporation - FRB Member |
| 6) Mr. Pham Truong Giang | Head of Equity Investments - Petro Vietnam Finance Company - FRB Member |

Activities of the Fund Representative Board

In 2011, The FRB held 4 quarterly meetings:

Date 3 March 2011 - No. of Members: 4/5

John Inniss Howell, Chief Executive Office of Prudential Vietnam Assurance Private Limited (PVN) was invited to attend the first FRB meeting of the year 2011 after PVN had completed the Public Tender Offer of PRUBF1. The meeting's contents included:

1. John Inniss Howell confirmed that the Public Tender Offer has been a win-win for all, benefitting those investors who chose to take up the offer while also allowing Prudential to achieve a very stable position in holding and managing the fund. He informed that PVN will nominate him as an additional member on the FRB if Annual General Meeting approves.
2. FRB suggested the Fund Manager to choose for one core investment strategy rather than multiple, flexible strategies.
3. Review of the fund activities and performance for the whole year 2010.
4. Suggestion to think about the fund's maturity in 2013.
5. The AGM 2010 will be held on 25 March 2011.
6. A proposal to amend the fund's charter to reflect new tax law on dividend.

Date 10 June 2011 - No. of Members: 5/6

From now FRB will have 6 instead of 5 members. This quarterly periodical meeting focused on a review of the fund's investment strategy:

1. Based on the current asset allocation, the fund holds a lot of cash. FRB asked whether the fund manager would be able to capitalize on the recent drastic correction of the stock market;
2. FRB asked whether the Fund Manager's investment team conducts formal reviews; i.e. how it decides whether to underweight or overweight certain stocks and sectors.
3. The suggestion was made to the fund manager to split the portfolio into 2 pools: one invested purely on fundamentals and a second one to place strategic bets.
4. The FRB asked the Fund manager whether it will change its investment strategy in light of the upcoming fund maturity. It also asked about the conversion into an Open Ended Fund. The FRB agreed to review a liquidation plan about 1 year before the fund's maturity.

Date 21 September 2011 - No. of Members: 5/6

A quarterly periodical meeting of the FRB to review the fund's performance results through the end of August 2011:

1. The Fund Manager presented that it out-performed its benchmark. Nonetheless the fund's market price is traded at a significant discount to NAV.
2. The FRB asked how the Fund Manager responded to the recent rally of some leading irrational stocks (i.e. VIC, BVH, MSN) which are heavily influenced by Exchange Traded Funds buying.
3. Based upon the explanation from the fund manager, FRB noted that the Team has made the right decision. However, FRB provided comments on: (i) how big were the bets? (ii) the importance of realization of gains.
4. The FRB Chairman concluded the meeting that the Team has done a good job. However, the portfolio needs to re-balance more aggressively to enhance return since the fund is coming closer to maturity.

Date 14 December 2011 - No. of Members: 5/6

Based on the continuing high stock market volatility and the unfavorable macro-economic situation, the equity portfolio showed negative growth. However, the portfolio had positive relative return for the year to date as of November 2011, this quarterly meeting continued to address follow-up matters arising from the last meeting:

1. The Fund Manager presented the fund's performance showing a loss of 5% in absolute terms for the year to date November 2011 compared with a loss of 18.6% of the VN-Index. The fund traded at a discount of 45% to NAV. This meant that when excluding cash and bonds (52% of portfolio), the remaining equities of the fund would be effectively discounted approximately 95%;
2. FRB recommended (i) to take into account the macro economic developments in the stock selection, and (ii) to consider having bonds with the same duration as the remaining life of PRUBF1.
3. Upon request of the FRB members, the Fund Manager answered that the range of minimum to maximum Equities in the portfolio would be from 40%-70%. This range implies a not too big deviation from the 50%-50% benchmark.
4. Revisit on conversion of PRUBF1 to open-ended-fund, fund manager explained it would depend on at least 2 conditions: (i) SSC's approval and (ii) new open ended fund regulation must be ready. FRB noted and advised the fund manager to prepare the legal structure. If AGM approves to convert PRUBF1 to an open ended fund, then we will do it accordingly.
5. The fund manager also presented the matter of Rebranding to the FRB. Prudential Asset Management business changed its name to Eastspring Investments for 2 key reasons:
 - a. To enable to use a single brand globally, rather than multiple brands under the current situation;
 - b. To separate the asset management/fund management brand from the Insurance brand.

Nonetheless, only the name of the Fund Management Company will change. The Fund Manager recommended to the FRB not to change PRUBF1's name. The FRB agreed with this proposal. For the PRUBF1, it would be too expensive to change the fund name taking into account the maturity of less than 2 years.



FINANCIAL STATEMENTS

General information

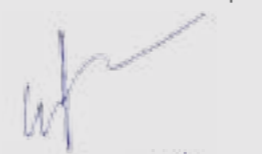
Fund Unit Issuance Certificate	02/UBCK-GPQDT	19 July 2006
Fund Establishment Certificate	06/UBCK-DKQDT	5 October 2006
Listing Approval Certificate	02/UBCK-GPNY	22 November 2006
	The Fund Unit Issuance Certificate, the Fund Establishment Certificate and the Listing Approval Certificate were issued by the State Securities Commission of Vietnam.	
Registered Office	Saigon Trade Center 37 Ton Duc Thang Street, District 1 Ho Chi Minh City Vietnam	
Fund Representative Committee	Mr. Dinh Ba Thanh	Chairman
	Mr. Le Van Be	Member
	Mr. Luong Quang Hien	Member
	Mr. Pham Truong Giang	Member
	Mr. Thai Nhi Duc	Member
	Mr. John Inniss Howell	Member
	(from 25 March 2011)	
Fund Manager	Eastspring Investments Fund Management Limited Liability Company (previously known as Prudential Vietnam Securities Investment Fund Management Company Limited).	
Supervising Bank	HSBC Bank (Vietnam) Ltd.	
Auditor	KPMG Limited Vietnam	

Report of the Fund Representative Committee

APPROVAL OF THE FINANCIAL STATEMENTS

I, Dinh Ba Thanh, being the Chairman of the Fund Representative Committee and on behalf of the Unitholders of Prudential Blanced Fund ("the Fund"), do hereby approve the attached financial statements of the Fund for the year ended 31 December 2011, which have been prepared in accordance with Decision 63/2005/QĐ-BTC issued by the Ministry of Finance on 14 September 2005 on the promulgation of accounting systems for securities investment funds and Decision 45/2007/QĐ-BTC issued by the Ministry of Finance on 5 June 2007 on the promulgation of regulations on establishment and management of securities investment funds, Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System and relevant statutory requirements.

On behalf of the Fund Representative Committee



Dinh Ba Thanh
Chairman
9 March 2012

Independent auditors' report

To the Unitholders
Prudential Balanced Fund

Scope

We have audited the accompanying balance sheet, the statement of assets and the statement of investment portfolio of Prudential Balanced Fund ("the Fund") as of 31 December 2011 and the related statements of income and changes in net assets for the year then ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Fund Representative Committee on 9 March 2012. These financial statements are the responsibility of the management of Eastspring Investments Fund Management Limited Liability Company as the Fund Manager and have been verified by HSBC Bank (Vietnam) Ltd., as the Supervising Bank of the Fund. Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit.

We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we plan and perform the audit to obtain reasonable assurance that the financial statements are free of material misstatement. An audit includes examining, on a test basis, evidence supporting the amounts and disclosures in the financial statements. An audit also includes assessing the accounting principles used and significant estimates made by management of the Fund Manager, as well as evaluating the overall financial statement presentation. We believe that our audit provides a reasonable basis for our opinion.

Audit opinion

In our opinion, the financial statements give a true and fair view of the financial position of Prudential Balanced Fund as of 31 December 2011 and of its results of operations for the year then ended in accordance with Decision No. 63/2005/QĐ-BTC issued by the Ministry of Finance on 14 September 2005 on the promulgation of accounting systems for securities investment funds and Decision No. 45/2007/QĐ-BTC issued by the Ministry of Finance on 5 June 2007 on the promulgation of regulations on establishment and management of securities investment funds, Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System and the relevant statutory requirements.

KPMG Limited

Vietnam
Investment Certificate No: 01143000345
Audit Report No: 11-01-513



Nguyen Thanh Nghi
CPA No. 0304/KTV
Deputy General Director

Tran Dinh Vinh
CPA No. 0339/KTV

Ho Chi Minh City, 9 March 2012

Balance sheet at 31 December 2011

B01-QDT

Items	Code	Note	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A – ASSETS				
1. Cash in banks	110	3	38,988,225,635	119,188,997,476
2. Investments in securities	120	4	348,418,361,476	312,369,752,722
3. Receivables from investing activities	130	5	10,900,796,740	5,778,239,454
TOTAL ASSETS	200		398,307,383,851	437,336,989,652
B – RESOURCES				
I – LIABILITIES				
	300		1,079,293,162	1,790,088,347
1. Payables for investing activities	311	6	-	660,490,000
2. Payables to the unitholders	312		52,875,000	55,875,000
3. Payables to the Fund Manager and the Supervising Bank	315	7	690,388,562	756,987,247
4. Audit fees	318		321,200,000	298,155,000
5. Other payables and accruals	318		14,829,600	18,581,100
	400		397,228,090,689	435,546,901,305
II – EQUITY				
1. Capital contributed by unitholders	410	8	500,000,000,000	500,000,000,000
1.1 Contributed capital	411		500,000,000,000	500,000,000,000
2. Undistributed results	420		(102,771,909,311)	(64,453,098,695)
TOTAL RESOURCES	430		398,307,383,851	437,336,989,652

Balance sheet

at 31 December 2011 (continued)

B01-QDT

OFF - BALANCE SHEET ITEMS

Items	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Securities at par value	220,798,510,000	118,540,000,000



On behalf of
Chief Accountant
Operations Manager

Phan Trinh Truc

9 March 2012

Fund Manager

Acting Chief Executive Officer



Hendrik Gerrit Ruitenberg

Statement of income

for the year ended 31 December 2011

B02-QDT

Items	Code	Note	2011 VND	2010 VND
A/ Realised operating result				
I. Loss from realised investing activities	10		(2,251,758,616)	(7,354,988,911)
1. Dividends	11		7,675,393,500	8,191,345,400
2. Interest income from bonds	12		7,991,432,629	16,839,968,794
3. Interest income from bank deposits	13		17,507,228,927	2,730,687,874
4. Loss from securities trading	14		(35,498,417,839)	(35,116,990,979)
5. Other income			72,604,167	-
II. Expenses	30		(10,494,058,540)	(10,448,931,584)
1. Fund management fees	31	9	(8,329,584,426)	(8,746,332,892)
2. Custody and supervision fees	32	9	(341,512,963)	(352,670,895)
3. Expenses for fund meetings and conferences	33		(451,886,389)	(435,611,601)
4. Audit fees	34		(323,654,540)	(309,568,050)
5. Due diligence fees	35		-	-
6. Other expenses	38		(1,047,420,222)	(604,748,146)
III. Net realised operating result for the year	50		(12,745,817,156)	(17,803,920,495)
B/ Unrealised operating result				
I. Income	60		-	-
1. Revaluation gain on securities investments	61		-	-
II. Expenses	70		(25,572,993,460)	(312,701,305)
1. Revaluation loss on securities investments	71		(25,572,993,460)	(312,701,305)
III. Net unrealised operating result for the year	80		(25,572,993,460)	(312,701,305)
Net operating result for the year	90		(38,318,810,616)	(18,116,621,800)
Losses per fund unit	10		(766)	(362)



On behalf of
Chief Accountant
Operations Manager

Phan Trinh Truc

9 March 2012

Fund Manager

Acting Chief Executive Officer



Hendrik Gerrit Ruitenberg

Statement of assets at 31 December 2011

B05-QDT

Items	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
1. Cash	38,988,225,635	119,188,997,476
2. Investments	348,418,361,476	312,369,752,722
2.1 Bonds	158,132,659,376	62,720,155,022
2.2 Shares	190,285,702,100	249,649,597,700
2.2.1 Listed shares	180,423,402,100	236,300,697,700
2.2.2 Unlisted shares	9,862,300,000	13,348,900,000
3. Dividends receivable	867,610,000	761,509,400
4. Interest receivable	10,033,186,740	5,016,730,054
Total assets	398,307,383,851	437,336,989,652
6. Payables for investing activities	-	660,490,000
7. Other payables	1,079,293,162	1,129,598,347
7.1 Management fees	663,197,465	727,173,148
7.2 Custody and supervision fees	27,191,097	29,814,099
7.3 Audit fees	321,200,000	298,155,000
7.4 Dividends	52,875,000	55,875,000
7.5 Other payables and accruals	14,829,600	18,581,100
Total liabilities	1,079,293,162	1,790,088,347
Net assets of the Fund	397,228,090,689	435,546,901,305
Number of fund units (in units)	50,000,000	50,000,000
Net asset per fund unit	7,945	8,711

Statement of changes in net assets for the year ended 31 December 2011

B06-QDT

Items	2011 VND	2010 VND
I. Net assets at the beginning of the year	435,546,901,305	453,663,523,105
II. Changes in net assets during the year	(38,318,810,616)	(18,116,621,800)
<i>in which:</i>		
Changes in net assets due to investing activities during the year	(38,318,810,616)	(18,116,621,800)
III. Net assets at the end of the year	397,228,090,689	435,546,901,305

Supervising Bank



Le Thi Thanh Tam
Head of Fund Services
HSBC Securities Services

Fund Manager

On behalf of
Chief Accountant
Operations Manager



Phan Trinh Truc

9 March 2012

Acting Chief Executive Officer



Hendrik Gerrit Ruitenberg

Supervising Bank



Le Thi Thanh Tam
Head of Fund Services
HSBC Securities Services

Fund Manager

On behalf of
Chief Accountant
Operations Manager



Phan Trinh Truc

9 March 2012

Acting Chief Executive Officer



Hendrik Gerrit Ruitenberg

Statement of investment portfolio

at 31 December 2011

B07-QDT

Items	Units	Market value per unit at 31/12/2011 VND	Total market value at 31/12/2011 VND	% total assets
I – Listed shares				
Asia Commercial Joint-Stock Bank	66,168	21,700	1,435,845,600	0.36%
Bao Viet Holdings	156,132	41,000	6,401,412,000	1.61%
Binh Chanh Construction Investment Joint Stock Company	6	14,900	89,400	0.00%
Binh Minh Plastic Joint Stock Company	67,226	35,000	2,352,910,000	0.59%
The Corporation for Financing & Promoting Technology	326,826	49,700	16,243,252,200	4.08%
Danang Rubber Joint Stock Company	100,000	17,100	1,710,000,000	0.43%
Development Investment Construction Corporation	8	10,400	83,200	0.00%
Hau Giang Pharmaceutical Joint Stock Corporation	41,602	56,000	2,329,712,000	0.58%
Domesco Medical Import Export Joint Stock Company	8,008	20,900	167,367,200	0.04%
Dong Phu Rubber Joint Stock Company	29,750	46,300	1,377,425,000	0.35%
Dry Cell & Storage Battery Joint Stock Company	141,324	15,200	2,148,124,800	0.54%
Hoang Anh Gia Lai Joint Stock Company	210,700	19,500	4,108,650,000	1.03%
Ho Chi Minh City Infrastructure Investment Joint Stock Company	5	21,600	108,000	0.00%
Ho Chi Minh City Securities Corporation	45,000	14,000	630,000,000	0.16%
Hoa Phat Group Joint Stock Company	152,800	17,500	2,674,000,000	0.67%
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam	416,822	21,800	9,086,719,600	2.28%
Masan Group Corporation	154,750	90,500	14,004,875,000	3.52%
Minh Phu Seafood Corporation	34,000	14,600	496,400,000	0.12%
PetroVietnam Southern Gas Joint Stock Company	417,500	18,600	7,765,500,000	1.95%
Petro Vietnam Drilling and Well Services Corporation	248,163	33,200	8,239,011,600	2.07%
Petro Vietnam Fertilizer & Chemicals Corporation	548,650	23,800	13,057,870,000	3.28%
PetroVietnam Finance Corporation	250,000	7,200	1,800,000,000	0.45%
PetroVietnam Low Pressure Gas Joint Stock Company	55,500	30,000	1,665,000,000	0.42%
Phu Nhuan Jewelry Joint Stock Company	101,850	40,200	4,094,370,000	1.03%
Phuoc Hoa Rubber Joint Stock Company	129,000	26,200	3,379,800,000	0.85%
Pomina Steel Corporation	6,950	9,200	63,940,000	0.02%
Saigon Securities Incorporation	150,000	13,700	2,055,000,000	0.52%
Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank	1	15,100	15,100	0.00%
Songda Urban & Industrial Zone Investment and Development Company	38,800	22,800	884,640,000	0.22%
Tan Tien Plastic Packaging Joint Stock Company	2	28,000	56,000	0.00%

Statement of investment portfolio

at 31 December 2011 (continued)

B07-QDT

Items	Units	Market value per unit at 31/12/2011 VND	Total market value at 31/12/2011 VND	% total assets
Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company	6,720	16,600	111,552,000	0.03%
Tay Ninh Rubber Joint Stock Company	63,950	33,900	2,167,905,000	0.54%
Thanh Cong Textile Garment – Investment – Trading Joint Stock Company	44,800	8,400	376,320,000	0.09%
Tien Phong Plastic Joint Stock Company	82,400	30,000	2,472,000,000	0.62%
Vietnam Container Shipping Joint Stock Company	53,000	26,300	1,393,900,000	0.34%
Vietnam Dairy Products Joint Stock Company	402,165	86,500	34,787,272,500	8.73%
Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank	569,703	14,300	8,146,752,900	2.05%
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	586,440	17,700	10,379,988,000	2.61%
Vincom Joint Stock Company	108,930	99,500	10,838,535,000	2.72%
Vinh Son – Song Hinh Hydropower Joint Stock Company	190,000	8,300	1,577,000,000	0.40%
Total	6,005,651		180,423,402,100	45.30%
II – Unlisted shares				
Aulac Joint Stock Company	161,000	7,800	1,255,800,000	0.32%
Saigon Beer-Alcohol-Beverage Joint Stock Corporation	60,000	30,500	1,830,000,000	0.46%
Saigon Beer Western Joint Stock Company	145,000	15,900	2,305,500,000	0.58%
PetroVietnam Gas Corporation	170,000	26,300	4,471,000,000	1.12%
Total	536,000		9,862,300,000	2.48%
III – Bonds				
Government bonds (26/01/2012)	50,000	99,631	4,981,555,000	1.25%
Government bonds (12/12/2012)	3,820	96,627	369,114,376	0.09%
Government bonds (23/10/2013)	200,000	103,819	20,763,740,000	5.21%
Government bonds (14/06/2016)	1,300,000	101,553	132,018,250,000	33.14%
Total	1,553,820		158,132,659,376	39.69%
IV – Other assets				
Interest receivable			10,033,186,740	2.52%
Dividend receivable			867,610,000	0.22%
Total			10,900,796,740	2.74%

Statement of investment portfolio

at 31 December 2011 (continued)

B07-QDT

Items	Units	Market value per unit at 31/12/2011 VND	Total market value at 31/12/2011 VND	% total assets
V – Cash				
Cash in banks			38,988,225,635	9.79%
Total			38,988,225,635	9.79%
VI – Grand total			398,307,383,851	100.00%

Supervising Bank

On behalf of
Chief Accountant
Operations Manager

Fund Manager
Acting Chief Executive Officer




Phan Trinh Truc

Hendrik Gerrit Ruitenber

9 March 2012

Notes to the financial statements

for the year ended 31 December 2011

B04-QDT

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements.

1. Background

Prudential Balanced Fund was established as a closed-end securities investment fund in Vietnam under the Fund Unit Issuance Certificate No. 02/UBCK-GPQDT issued by the State Securities Commission of Vietnam on 19 July 2006. According to this certificate, the Fund is authorised to issue 50,000,000 fund units to the public with the par value of VND10,000 per unit.

The Fund was licensed to operate for a period of seven years in accordance with the Fund Establishment Certificate No. 06/UBCK-DKQDT issued by the State Securities Commission on 5 October 2006.

The Fund received the Listing Approval Certificate No. 02/UBCK-GPNY issued by the State Securities Commission on 22 November 2006 which allows the fund units to be listed and traded at the Ho Chi Minh City Stock Exchange under the stock code PRUBF1.

The Fund has no employees and is managed by Eastspring Investments Fund Management Limited Liability Company (“the Fund Manager”), a company incorporated in Vietnam, and supervised by HSBC Bank (Vietnam) Ltd. (“the Supervising Bank”).

The primary objective of the Fund is to invest in a balanced investment portfolio capable of yielding stable earnings in order to grow the unitholders’ capital value. The investment portfolio may comprise of both debt instruments and equity securities in Vietnam in compliance with the Fund’s charter.

2. Summary of significant accounting policies

The following significant accounting policies have been adopted by the Fund in the preparation of these financial statements.

(a) Basis of financial statement preparation

The financial statements of the Fund, expressed in Vietnam Dong (“VND”), have been prepared in accordance with Decision No. 63/2005/QD-BTC issued by the Ministry of Finance on 14 September 2005 on the promulgation of accounting systems for securities investment funds and Decision No. 45/2007/QD-BTC issued by the Ministry of Finance on 5 June 2007 on the promulgation of regulations on establishment and management of securities investment funds, Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System and the relevant statutory requirements.

The accompanying financial statements have not been prepared to express the financial position and the operating results in accordance with accounting principles and practices generally accepted in other countries and other jurisdictions outside Vietnam. The accounting principles and practices applicable in Vietnam may be different with those in other countries and other jurisdictions.

According to Decision No. 63/2005/QD-BTC, the Fund’s financial statements include the following reports:

- Balance sheet;
- Statement of income;
- Statement of assets;
- Statement of changes in net assets;
- Statement of investment portfolio; and
- Notes to the financial statements.

Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2011 (continued)

B04-QDT

The financial statements of the Fund are prepared on the accrual basis using the historical cost concept, except as discussed in Note 2(g).

The accounting policies set out below have been consistently applied by the Fund during the year.

(b) Adoption of Circular No. 210/2009/TT-BTC of the Ministry of Finance on presentation and disclosures of financial instruments

Effective from 1 January 2011, the Fund adopted the requirements of Circular No. 210/2009/TT-BTC of the Ministry of Finance on presentation and disclosures of financial instruments ("Circular 210") prospectively. The adoption of Circular 210 did not have a material effect on the measurement or presentation of financial instruments in the Fund's financial statements. The financial statements disclosures specified in Circular 210 are not required for corresponding figures due to the prospective application.

(c) Foreign currency transaction

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at rates of exchange ruling at the balance sheet date. Transactions in currencies other than VND during the year have been translated into VND at rates approximating those ruling at the transaction dates.

All foreign exchange differences are recorded as expenses or income in the statement of income in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 10 ("VAS 10") – The Effects of Changes in Foreign Exchange Rates.

(d) Annual accounting period

The annual accounting period of the Fund is from 1 January to 31 December.

(e) Accounting documentation system

The registered accounting documentation system of the Fund is General Journal system.

(f) Cash

Cash comprises cash in banks under call deposits and term deposits.

(g) Investments

The Fund recognises all purchases and sales of investments on the date it becomes a party to the contractual provisions of the investments (trade date accounting).

The Fund does not seek to participate in day-to-day financial and operating policy decisions of the investee companies. Accordingly, the Fund does not intend to exert a controlling or significant influence over the investee companies and therefore, the Fund's investments are recorded and measured on the basis set out in this note, rather than being consolidated or equity accounted.

In accordance with Decision No. 63/2005/QD-BTC issued by the Ministry of Finance on 14 September 2005 on the promulgation of accounting systems for securities investment funds and Decision No. 45/2007/QD-BTC issued by the Ministry of Finance on 5 June 2007 on the promulgation of regulations on establishment and management of securities investment funds, the Fund is required to measure its investments at fair value at each reporting date. The Fund has adopted the following accounting policies for recognition and measurement of its investments:

Investments are initially stated at cost. Subsequent to initial recognition, all investments are measured at fair value. Gains and losses arising from the changes in the fair value of the investments are presented in the unrealised operating result in the statement of income in the period in which they arise.

Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2011 (continued)

B04-QDT

The fair value of investments traded in active markets is based on market prices at the reporting date. Certain investments made by the Fund are traded in the "over the counter" markets. The fair value of these investments is determined by reference to the average price of the quoted prices at the reporting date obtained from three independent parties. When price quotes from three independent parties cannot be obtained, fair value is determined using appropriate valuation techniques in accordance with the Fund's charter. Bonds which are transacted on a negotiation basis and do not have market prices are measured using appropriate valuation techniques.

These recognition and measurement policies are in compliance with the Fund's charter and Decision No. 45/2007/QD-BTC issued by the Ministry of Finance on 5 June 2007.

(h) Receivables

Receivables from investing activities and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts.

(i) Payables

Payables for investing activities and other payables are stated at cost.

(j) Provisions

A provision is recognised if, as a result of a past event, the Fund has a present legal or constructive obligation that can be estimated reliably, and it is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation. Provisions are determined by discounting the expected future cash flows at a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the liability.

(k) Taxation

Under current regulations in Vietnam, the Fund is not subject to corporate income tax.

(l) Revenue

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Fund and the revenue can be measured reliably. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognised:

(i) Interest income and dividend income

Interest income is recognised in the statement of income as the interest accrues unless collectability is not probable. Dividend income is recognised when the right to receive payment is established.

(ii) Income from securities trading

Income from securities trading activities is recognised in the statement of income upon receipt of the Notice for securities trading transactions result from the Vietnam Securities Depository (for listed securities) and completion of the agreement on transfer of assets (for unlisted securities).

(m) Expenses

Expenses are recognised in the statement of income on an accrual basis except for expenses incurred on the acquisition of an investment which are included in the cost of that investment. Expenses arising from sales of investments are deducted from the sales proceeds.

Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2011 (continued)

B04-QDT

(n) Capital

The Fund's units are classified as equity.

(o) Net asset per unit

The Fund's net asset per unit is calculated by dividing the Fund's net assets attributable to the unit holders by the number of the outstanding fund units in issue at the reporting date. The Fund's net assets are determined as total assets less total liabilities.

(p) Earnings per unit

The Fund presents basic earnings per unit for its fund units. Basic earnings per unit is calculated by dividing the profit or loss of the Fund by the weighted average number of fund units outstanding during the year.

(q) Segment reporting

The Fund operates as one segment.

(r) Related parties

Parties are considered to be related if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions. Parties are also considered to be related if they are subject to common control or common significant influence.

Other investment funds under the management of the Fund Manager are considered related parties to the Fund.

(s) Off balance sheet items

Amounts which are defined as off balance sheet items under the Decision No. 63/2005/QD-BTC issued by the Ministry of Finance dated 14 September 2005 on promulgation of accounting system for securities investment funds and the Vietnamese Accounting System are disclosed in the relevant notes to these financial statements.

(t) Nil balances

Items or balances required by the Decision No. 63/2005/QD-BTC issued by the Ministry of Finance dated 14 September 2005 on promulgation of accounting system for securities investment funds and the Vietnamese Accounting System that are not shown in these financial statements indicate nil balances.

3. Cash in banks

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Current accounts	933,118,995	1,601,997,476
Term deposits	38,055,106,640	117,587,000,000
	38,988,225,635	119,188,997,476

Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2011 (continued)

B04-QDT

Terms and conditions of outstanding term deposits were as follows:

	Currency	Nominal interest rate	Term	31/12/2011 VND
HSBC Bank (Vietnam) Ltd.	VND	6%	14 days	10,035,040,850
HSBC Bank (Vietnam) Ltd.	VND	6%	7 days	4,004,668,667
ANZ Bank (Vietnam) Ltd.	VND	6%	9 days	13,907,063,790
Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited	VND	13%	1 month	10,108,333,333
				38,055,106,640

4. Investments in securities

The following investments are intended to be held for trading purpose:

	31/12/2011	
	Quantity	VND
Equity instruments		
- listed shares	6,005,651	180,423,402,100
- unlisted shares	536,000	9,862,300,000
Debt instruments		
- bonds	1,553,820	158,132,659,376
		348,418,361,476

The carrying amounts of the debt instruments represent the maximum credit exposure. No collateral is collected from the issuers of the debt instruments.

As at year ended 31 December 2011, the details of investments in securities are as follows:

	At cost VND	Revaluation loss VND	Fair value at 31/12/2011 VND
Equity instruments other than investment in subsidiaries, associates and joint ventures			
- held for trading	237,692,816,341	(47,407,114,241)	190,285,702,100
Debt instruments			
- held for trading	160,072,784,300	(1,940,124,924)	158,132,659,376
	397,765,600,641	(49,347,239,165)	348,418,361,476

Notes to the financial statements

for the year ended 31 December 2011 (continued)

B04-QDT

5. Receivables from investing activities

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Bond interest receivable	9,991,579,304	3,556,853,277
Interest receivable from bank deposits	41,607,436	1,459,876,777
Dividends	867,610,000	761,509,400
	10,900,796,740	5,778,239,454

The carrying amount of receivables represents the maximum credit risk pertaining to receivables.

There is no overdue for the outstanding receivables as of 31 December 2011. The Fund's Representative Committee believes that, no allowance for doubtful debts is necessary in respect of the outstanding receivables as of 31 December 2011.

6. Payables for investing activities

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Purchases of securities awaiting settlement	-	660,490,000

7. Payables to the Fund Manager and the Supervising Bank

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Management fees payable to the Fund Manager	663,197,465	727,173,148
Custody and supervision fees payable to the Supervising Bank	27,191,097	29,814,099
	690,388,562	756,987,247

8. Capital contributed by unitholders

According to the Fund Unit Issuance Certificate No. 02/UBCK-GPQDT issued by the State Securities Commission of Vietnam on 19 July 2006, the Fund is authorised to issue 50,000,000 fund units to the public with the par value of VND10,000 per unit. The Fund's authorised capital of VND500 billion was fully contributed by the unitholders in 2006. There was no capital surplus as all fund units were issued at the par value.

All fund units have the same rights, whether in regard to voting, dividends, return of capital or otherwise. Each issued and fully paid fund unit is entitled to dividends when declared and carries one voting right.

No transactions in relation to the Fund's authorised capital and capital surplus occurred in 2011 and 2010.

Notes to the financial statements

for the year ended 31 December 2011 (continued)

B04-QDT

9. Significant transactions with related parties

During the year there were the following significant transactions with related parties:

The Fund Manager

Under the Fund Management Agreement, the Fund Manager receives a management fee monthly in arrears at 2%/12 of the net assets attributable to the fund unit holders on the last valuation day of the month.

Management fees charged by the Fund Manager during the year were as follows:

	2011 VND	2010 VND
Management fees	8,329,584,426	8,746,332,892

The Fund Manager also receives a performance fee in relation to any financial year if (i) the net asset per fund unit at the end of such year exceeds its par value (VND10,000) and (ii) the performance of the Fund for that year exceeds a pre-determined benchmark, as defined in the Fund Charter, agreed upon between the Fund and the Fund Manager.

No performance fees were payable to the Fund Manager in 2011 (2010: Nil) as the conditions were not met.

Please refer to Note 7 to the financial statements for the balances due to the Fund Manager.

The Supervising Bank

The Fund has an obligation to pay the Supervising Bank custody and supervision fees monthly in arrears at 0.08%/12 of the net assets attributable to the fund unit holders on the last valuation day of the month.

According to the Official Letter No. 12354/BTD-CST issued by the Ministry of Finance on 15 September 2010, supervising fee is subjected to 10% of value added tax.

Custody and supervision fees charged by the Supervising Bank during the year were as follows:

	2011 VND	2010 VND
Custody and supervision fees	341,512,963	352,670,895

Please refer to Note 7 to the financial statements for the balances due to the Supervising Bank.

Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2011 (continued)

B04-QDT

The Fund Representative Committee

The Chairman and each member of the Fund Representative Committee are entitled to a monthly allowance of VND5 million and VND3 million, respectively. Allowances during the year were as follows:

	2011 VND	2010 VND
Mr. Dinh Ba Thanh	60,000,000	60,000,000
Mr. Luong Quang Hien	36,000,000	36,000,000
Mr. Pham Truong Giang	36,000,000	36,000,000
Mr. Thai Nhi Duc	-	36,000,000
Mr. Le Van Be	36,000,000	36,000,000
Mr. Le Chi Hieu	-	9,000,000

In 2011, Mr. Thai Nhi Duc and Mr. John Inniss Howell elected to waive their monthly allowances.

As at 14 February 2012 the numbers of fund units held by members of the Fund Representative Committee were as follows:

	Number of units
Mr. Dinh Ba Thanh	550,000

As at 14 February 2012 the numbers of fund units held by corporations represented by members of the Fund Representative Committee were as follows:

Representative	Name of corporation	Number of units
Mr. Pham Truong Giang	PetroVietnam Finance Joint Stock Corporation (Hanoi)-Ho Chi Minh City Branch	2,500,000
Mr. Thai Nhi Duc and Mr. John Inniss Howell	Prudential Vietnam Assurance Private Limited	16,850,000
Mr. Luong Quang Hien	Kinh Do Corporation	1,040,000

10. Losses per fund unit

The calculation of basic losses per fund unit at 31 December 2011 was based on the loss for the year of VND38,318,810,616 (2010: VND18,116,621,800) and the weighted average number of outstanding fund units of 50,000,000 (2010: 50,000,000 units), calculated as follows:

	2011 VND	2010 VND
Net loss attributable to unit holders	(38,318,810,616)	(18,116,621,800)
Weighted average number of units (in units)	50,000,000	50,000,000
Basic losses per fund unit	(766)	(362)

Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2011 (continued)

B04-QDT

11. Undistributed Results

	2011 VND	2010 VND
Balance at the beginning of the year	(64,453,098,695)	(46,336,476,895)
Net loss for the year	(38,318,810,616)	(18,116,621,800)
Balance at the end of the year/period	(102,771,909,311)	(64,453,098,695)

12. Dividends

During the year, the Fund did not declare any dividends.

13. Indices

	31/12/2011	31/12/2010
I. Investment ratios		
1. Value of securities/Total assets	87.47%	71.43%
2. Value of shares/Total assets	47.77%	57.08%
3. Value of listed shares/Total assets	45.30%	54.03%
4. Value of unlisted shares/Total assets	2.48%	3.05%
5. Value of bonds/Total assets	39.70%	14.34%
6. Other securities/Total assets	N/A	N/A
7. Cash/Total assets	9.79%	27.25%
8. Investment in real estate/Total assets	N/A	N/A
	2011	2010
9. Total income/Total assets	(6.99%)	(1.75%)
10. Total expenses/Total assets	(2.63%)	(2.39%)
II. Market ratios	31/12/2011	31/12/2010
1. Number of fund units in issue in the market (units)	50,000,000	50,000,000
2. Number of fund units held by employees of the Fund Manager/Total number of fund units	0.00 %	0.00 %
3. Number of fund units held by 10 largest unitholders/ Total number of fund units	65.60 %	63.64 %
4. Number of fund units held by foreign unitholders/ Total number of fund units	41.47 %	38.31 %
5. Number of fund units traded/Total number of fund units	10.49 %	47.83 %
6. Net asset per fund unit (VND)	7,945	8,711

Note: N/A – Information not applicable

Market Ratios 2,3 and 4 are based on date as of 14 February 2012 and 14 February 2011

Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2011 (continued)

B04-QDT

14. Financial risk management

The Fund has exposure to the following risks from financial instruments:

- Credit risk
- Liquidity risk
- Market risk

The Fund's investment portfolio comprises listed, unlisted securities, bonds and term deposits. The Management of the Fund Manager has been given a full authority to manage the Fund's assets in line with the Fund's investment objectives. Compliance with the target asset allocations and the composition of the portfolio is monitored by the Fund Manager on a daily basis. In instances where the portfolio has diverged from the target asset allocations, the Management of the Fund Manager is obliged to take actions to rebalance the portfolio in line with the established targets and regulations.

(a) Credit risk

Credit risk is the risk that a counterparty to a financial instrument will fail to discharge an obligation or commitment that it has entered into with the Fund, resulting in a financial loss to the Fund. It arises principally from cash in banks, investments in securities and receivables from investing activities.

All call deposits and term deposits were placed with financial institutions that were approved by the Investment Committee independently, where the Fund does not expect any losses arising from the non-performance of these financial institutions.

The Fund's listed, unlisted securities and bonds will only be traded on or subject to the rules of the Ho Chi Minh City Stock Exchange and the Hanoi Stock Exchange or with counterparties which have a specified credit rating. All transactions in listed and unlisted shares are settled or paid for through the Exchanges or upon receipt or delivery using approved brokers. The risk of default is therefore considered minimal.

Receivables from investing activities include bond interest receivable, interest receivable from bank deposits and dividends receivable. The Fund Manager believes no allowance for doubtful debts was considered necessary as at 31 December 2011.

The maximum exposure to credit risk faced by the Fund is equal to the carrying amounts of cash in banks and receivables from investing activities.

(b) Liquidity risk

Liquidity risk is the risk that the Fund will encounter difficulty in meeting the obligations associated with its financial liabilities that are settled by delivering cash or another financial asset.

The Fund's approach to managing liquidity risk is to ensure that it will always have sufficient reserves of cash to meet its liquidity requirements in the short and longer term.

The Fund's financial assets include listed, unlisted securities and bonds. The unlisted securities are generally illiquid. The Fund currently holds short term Government bonds which are most liquid in the bond market. The Fund's investments in listed securities are considered to be readily realisable as they are traded on the Ho Chi Minh City Stock Exchange and the Hanoi Stock Exchange. As a result the Fund may be able to liquid some of its investments in due time in order to meet its liquidity requirements.

Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2011 (continued)

B04-QDT

As at 31 December 2011 and 2010 the contractual maturities of non-derivative financial liabilities were as follows:

	Carrying amount VND	Undiscounted contractual cash flow VND	Less than 1 month VND
31 December 2011			
Payables to the unitholders	52,875,000	52,875,000	52,875,000
Payables to the Fund Managers and the Supervising Bank	690,388,562	690,388,562	690,388,562
Audit fees	321,200,000	321,200,000	321,200,000
Other payables and accruals	14,829,600	14,829,600	14,829,600
	1,079,293,162	1,079,293,162	1,079,293,162
31 December 2010			
Payables for investing activities	660,490,000	660,490,000	660,490,000
Payables to the unitholders	55,875,000	55,875,000	55,875,000
Payables to the Fund Manager and the Supervising Bank	756,987,247	756,987,247	756,987,247
Audit fees	298,155,000	298,155,000	298,155,000
Other payables and accruals	18,581,100	18,581,100	18,581,100
	1,790,088,347	1,790,088,347	1,790,088,347

(c) Market risks

Market risk is the risk that changes in market prices, such as interest rates and market prices will affect the Fund's income or the value of its holdings of financial instruments.

Interest rate risk

Interest rate risk is the risk that the fair value or future cash flows of the Fund's financial instruments will fluctuate as a result of changes in market interest rates. The Fund's exposure to market risk due to change in interest rates is minimal since all term deposits have maturities of not more than three months.

Market price risk

Market price risk is the risk that the value of the financial instrument will decrease as a result of change in market indices and the values of individual shares and bonds.

The Fund has invested in listed, unlisted securities and bonds that are affected by market price risk arising from the uncertainty in the fluctuation of the future market value of these securities. Market price risk is managed by the Fund Manager by diversifying the investment portfolio and careful selection and allocation of securities within specified model portfolio construction.

Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2011 (continued)

B04-QDT

As at 31 December 2011, the market value of the Fund's listed securities accounts for 44.6% of total the Fund's Net Asset Value (as at 31 December 2010: 54.3%). During the year 2011, the VN Index had month-on-month return (without cash dividend) volatile within the range of -12% to 5%. If the market prices of these securities declined by 12% as at 31 December 2011 with all other variables remaining constant, the Fund's Net Asset Value would have decreased by 5.4% and the Fund's net loss for the year would have increased by 56.5% (31 December 2010: 6.5% and 156.5% respectively) otherwise the market prices of these securities rebound by 5% then the Fund's Net Asset Value would have increased by 2.3% and the Fund's net loss for the year would have decreased by 23.5% (31 December 2010: 2.7% and 65.2% respectively).

15. Fair value of financial assets and liabilities

The table below presents the carrying value and fair value of the Fund's financial assets and liabilities:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Carrying amounts VND	Fair value VND	Carrying amounts VND	Fair value VND
Financial assets				
Cash in banks	38,988,225,635	38,988,225,635	119,188,997,476	119,188,997,476
Investments in securities	348,418,361,476	348,418,361,476	312,369,752,722	312,369,752,722
Listed shares	180,423,402,100	180,423,402,100	236,300,697,700	236,300,697,700
Unlisted shares	9,862,300,000	9,862,300,000	13,348,900,000	13,348,900,000
Bonds	158,132,659,376	158,132,659,376	62,720,155,022	62,720,155,022
Receivables from investing activities	10,900,796,740	10,900,796,740	5,778,239,454	5,778,239,454
	398,307,383,851	398,307,383,851	437,336,989,652	437,336,989,652
Financial liabilities				
Payables for investing activities	-	-	660,490,000	660,490,000
Payables to the unitholders	52,875,000	52,875,000	55,875,000	55,875,000
Payables to the Fund Manager and the Supervising Bank	690,388,562	690,388,562	756,987,247	756,987,247
Audit fees	321,200,000	321,200,000	298,155,000	298,155,000
Other payables and accruals	14,829,600	14,829,600	18,581,100	18,581,100
	1,079,293,162	1,079,293,162	1,790,088,347	1,790,088,347

Fair value is the amount for which an asset could be exchanged, or a liability settled between knowledgeable, willing parties in an arm's length transaction on the measurement date.

The Fund uses the following methods and assumptions in estimation of fair value for financial assets and liabilities:

- Fair value of listed securities is based on market prices of securities at the balance sheet date
- Fair value of unlisted securities is based on the average quoted price at the balance sheet date obtained from three securities companies which are not affiliated to the Fund Manager or the Supervising Bank.
- Fair value of bonds is measured referring to pricing services organisation.
- Fair values of other financial assets and liabilities approximate their carrying values as at 31 December 2011 due to the short-term maturity of these financial instruments.

Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2011 (continued)

B04-QDT

16. New regulations on open-ended funds

On 16 December 2011, the Ministry of Finance issued Circular No. 183/2011/TT-BTC guiding the establishment and management of open-ended funds. Accordingly, from the effective date of this Circular on 1 March 2012, investors shall have legal basis to establish new open-ended funds. The Circular also allows open-ended funds to be formed by eligible converting from closed-ended funds when meeting with following conditions:

- Having net asset value at the time submitting conversion dossier at a minimum of VND fifty (50) billion;
- Investment portfolio shall only contain equities which are listed, registered for trading at the Stock Exchanges, cash and other cash-equivalent amount following investment restriction ratio as prescribed in Article 15 of this Circular;
- Having fund conversion plan approved by investors' general meeting. Resolution of investors' general meeting must be approved by investors representing for at least seventy five percent (75%) of total fund units.

The Fund Representative Committee has discussed potential plans to convert the Fund from closed-ended fund to open-ended fund when there is new regulation on establishment and management of open-ended funds. As at the issuance date of this report, the Fund Representative Committee does not have any detailed plans for fund conversion to be presented at the coming annual general meeting of the Fund Unitholders on 28 March 2012.

17. Subsequent events



As 29 February 2012, the aggregate fair value of the Fund's investments has increased by VND37,743,926,936 to VND 386,162,288,412 from the aggregate fair value of the investments as at 31 December 2011 due to the general improvement in securities markets in Vietnam:

	31/12/2011 VND	29/02/2012 VND	Movement VND
Investments in securities			
Listed shares	180,423,402,100	214,079,259,200	33,655,857,100
Unlisted shares	9,862,300,000	10,073,300,000	211,000,000
Bonds	158,132,659,376	162,009,729,212	3,877,069,836
	348,418,361,476	386,162,288,412	37,743,926,936

Note: Government bonds (26/01/2012) matured on 26 January 2012.

18. Approval for issue the financial statements

The financial statements as of and for the year ended 31 December 2011 were authorised for issue by the Fund Representative Committee on 9 March 2012.

 Supervising Bank On behalf of Chief Accountant Operations Manager Phan Trinh Truc 9 March 2012	Fund Manager Acting Chief Executive Officer  Hendrik Gerrit Ruitenberg
--	--

Disclaimer

This information is not an offer or solicitation of an offer for the purchase of units in the Fund and is intended only for existing shareholders of the Fund. It may not be published, circulated, reproduced or distributed in whole or part without the written consent of Eastspring Investments Fund Management Company ("Eastspring Investments")

Whilst we have taken reasonable care to ensure that the information contained in this material is true and not misleading, we cannot guarantee its accuracy or completeness. You should not act on it without independently verifying its contents. Any opinion or estimate contained in this material is subject to change without notice. We have not given any consideration to and we have not made any investigation of the investment objective, financial situation or particular needs of the recipient or any class of persons, and accordingly, no warranty is given and no liability is accepted for

any loss arising whether directly or indirectly as a result of the recipient or any class of persons acting on such information or opinion estimate. Past performance of the Investment Manager and any forecasts are not indicative of the future or likely performance of the Investment Manager. The value and income from investments may fall or rise. The projections or forecasts on the economy, securities markets or the economic trends of the markets targeted by the Fund are not indicative of the future or likely performance of the Fund.

Eastspring Investments Fund Management Company is owned by Prudential Vietnam Assurance Private Limited, which is ultimately owned by Prudential Plc. of the United Kingdom. Eastspring Investments and Prudential Plc. are not affiliated with Prudential Financial, Inc., a company whose principal place of business is in the United States of America.





Thành viên của Tập đoàn Prudential (Anh Quốc) 

Công ty Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Tầng 23, Trung tâm Thương mại Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3910 2848 - Fax: (84-8) 3910 5613
Email: prufund@eastspringinvestments.com.vn

www.eastspringinvestments.com.vn